

VIỆN HÀN LÂM
KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM
HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI

LÊ VĂN PHƯƠNG

**QUYỀN CỦA NGƯỜI CHUYỂN GIỚI
Ở VIỆT NAM HIỆN NAY**

Chuyên ngành: Quyền con người

LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC

NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC: PGS.TS VŨ CÔNG GIAO

HÀ NỘI, 2017

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan đây là công trình nghiên cứu của riêng tôi. Các số liệu ghi trong luận văn là trung thực. Những kết luận khoa học của luận văn chưa từng được công bố trong bất kỳ công trình nào khác.

TÁC GIẢ LUẬN VĂN

LÊ VĂN PHƯƠNG

MỤC LỤC

	Trang
MỞ ĐẦU	01
CHƯƠNG 1 NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ QUYỀN CỦA NGƯỜI CHUYỂN GIỚI	07
1.1 Khái niệm, đặc điểm của người chuyển giới	07
1.2 Quyền của người chuyển giới	12
1.3 Điều kiện đảm bảo quyền của người chuyển giới	19
1.4 Quyền của người chuyển giới trong pháp luật quốc tế	24
1.5 Quyền của người chuyển giới ở một số quốc gia	28
CHƯƠNG 2 THỰC TRẠNG ĐẢM BẢO QUYỀN CỦA NGƯỜI CHUYỂN GIỚI Ở VIỆT NAM HIỆN NAY	37
2.1 Chính sách pháp luật của Việt Nam về người chuyển giới	37
2.2 Tình hình bảo đảm quyền của người chuyển giới ở Việt Nam hiện nay	45
CHƯƠNG 3 QUAN ĐIỂM GIẢI PHÁP ĐẢM BẢO QUYỀN CỦA NGƯỜI CHUYỂN GIỚI Ở VIỆT NAM HIỆN NAY	60
3.1 Quan điểm đảm bảo quyền của người chuyển giới ở Việt Nam hiện nay	60
3.2 Giải pháp đảm bảo quyền của người chuyển giới ở Việt Nam hiện nay	64
KẾT LUẬN	79

DANH MỤC CHỮ VIẾT TẮT

AICHR	Ủy ban liên chính phủ về quyền con người ASEAN
BLDS	Bộ luật dân sự
CBA	Cơ quan đăng ký hộ tịch Hà Lan
CCIHPC	Trung tâm sáng kiến sức khỏe và dân số
CHXHCN	Cộng hòa xã hội chủ nghĩa
HUD	Bộ nhà ở và phát triển đô thị Hoa Kỳ
ICCPR	Công ước quốc tế về các quyền dân sự, chính trị
ICESCR	Công ước quốc tế về các quyền kinh tế, xã hội và văn hóa
ICS	Tổ chức xã hội dân sự của người đồng tính, song tính và chuyển giới
ISEE	Viện nghiên cứu xã hội, kinh tế và môi trường
LGBT	Cộng đồng người đồng tính, song tính và chuyển giới
LHQ	Liên hợp quốc
NCG	Người chuyển giới
UDHP	Tuyên ngôn toàn thế giới về quyền con người
UNDP	Chương trình phát triển Liên Hợp Quốc
UPR	Đánh giá định kỳ toàn cầu

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Chuyển đổi giới tính (hay còn được gọi tắt là “chuyển giới”) là một vấn đề pháp lý-xã hội gắn liền với quyền nhân thân của con người. Quyền được chuyển giới được cộng đồng quốc tế rất quan tâm trong khoảng ba thập kỷ gần đây.

Có nhiều nguyên nhân dẫn đến việc có những người đến một thời điểm nào đó tự nhận giới tính của mình khác với giới tính khi sinh ra, bao gồm các yếu tố sinh học như ảnh hưởng bởi gen, mức độ nội tiết trước khi mang thai, những trải nghiệm trong thời niên thiếu hay khi trưởng thành... Nhiều nghiên cứu cho thấy, một người chuyển giới thường có cảm nhận về giới tính của bản thân mình từ khá sớm, từ 3-5 tuổi, song việc công khai nhận mình là giới tính khác còn phụ thuộc vào kiến thức của từng cá nhân cũng như sự cởi mở của mỗi xã hội.

Việc người chuyển giới công khai hoá bản dạng giới và xu hướng tính dục của mình xảy ra mạnh mẽ trong vài thập niên trở lại đây, kể cả trên thế giới cũng như ở Việt Nam. Chuyển giới được xem như là một nhu cầu của một bộ phận con người trong xã hội hiện đại, họ muốn sống và thể hiện đúng với giới tính mà họ cảm nhận chứ không phải là vỏ bọc bên ngoài của họ.

Tuy nhiên trên thực tế phần lớn người chuyển giới vẫn thường bị phân biệt đối xử, bị kì thị trong xã hội hay trong tại chính ngôi nhà của mình. Điều đó làm cho những người chuyển giới hay nói cách khác là những người có xu hướng giới tính chưa rõ ràng càng khó có thể hòa nhập với cộng đồng.

Nước ta cũng không nằm ngoài bối cảnh nêu trên. Trong thực tế, những người có xu hướng tính dục hay bản dạng giới khác biệt ở nước ta cũng bị phân biệt đối xử trong xã hội, thậm chí còn bị ngay chính những người thân trong gia đình kỳ thị. Phần lớn những người này không thể nói lên quan điểm hay chính kiến của mình. Họ càng không thể đòi hỏi quyền công bằng trong một xã hội

luôn nhìn họ với ánh mắt kỳ thị. Trong khi đó, họ cũng là một con người, cũng cần có công ăn việc làm cần được sống trong một môi trường xã hội công bằng không kỳ thị.

Nhận thức được tầm quan trọng của việc bảo đảm quyền con người nói chung, quyền của người chuyển giới nói riêng, trong thời gian qua Đảng, Nhà nước ta đã có những sửa đổi, bổ sung quan trọng trong hệ thống pháp luật về vấn đề này. Cụ thể, Hiến pháp nước CHXHCN Việt Nam năm 2013 đã dành hẳn chương 2 để quy định về quyền con người, quyền công dân, trong đó Điều 14 nêu rõ: “Ở nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, các quyền con người, quyền công dân về chính trị, dân sự, kinh tế, văn hóa, xã hội được công nhận, tôn trọng, bảo vệ, bảo đảm theo Hiến pháp và pháp luật”, và tại Điều 16 quy định. “1 Mọi người đều bình đẳng trước pháp luật. 2 Không ai bị phân biệt đối xử trong đời sống chính trị, dân sự, kinh tế, văn hóa, xã hội.” Bên cạnh đó, Bộ luật Dân sự năm 2015 cũng quy định tại Điều 36 và Điều 37, trong đó khẳng định cá nhân có quyền xác định lại giới tính và việc chuyển đổi giới tính được thực hiện theo quy định của luật. Cá nhân đã chuyển đổi giới tính có quyền, nghĩa vụ đăng ký thay đổi hộ tịch theo quy định của pháp luật về hộ tịch; có quyền nhân thân phù hợp với giới tính đã được chuyển đổi theo quy định của Bộ luật này và luật khác có liên quan.

Những quy định trên đã tạo khuôn khổ nền tảng rất quan trọng nhưng chưa cụ thể để bảo đảm quyền của người chuyển giới trong thực tế. Để cụ thể hoá quyền của nhóm xã hội này, cần nghiên cứu xây dựng một đạo luật riêng.

Trong bối cảnh trên, học viên quyết định lựa chọn đề tài “Quyền của người chuyển giới ở Việt Nam hiện nay” để thực hiện luận văn thạc sỹ của mình, với mong muốn góp phần hoàn thiện khuôn khổ pháp luật về quyền của người chuyển giới ở nước ta trong thời gian tới.

2. Tình hình nghiên cứu đề tài

Trên thế giới đã có nhiều công trình nghiên cứu và tài liệu về người chuyển giới và quyền của người chuyển giới được công bố. Các công trình không chỉ tập trung luận giải những vấn đề lịch sử mà còn cả những vấn đề thực tiễn của quyền của người chuyển giới. Tuy nhiên, do vấn đề này còn khá mới mẻ ở Việt Nam nên trong thời gian qua mới chỉ có một vài nhà nghiên cứu trong nước đề cập tới.

Hầu hết các công trình nghiên cứu ở Việt Nam hiện nay mới chỉ đề cập đến quyền con người nói chung, hướng tới mục tiêu tạo lập cơ sở khoa học cho việc đề xuất và triển khai trên thực tế các giải pháp nhằm ghi nhận và hiện thực hóa quyền của người chuyển giới. Một số công trình tiêu biểu như: “*Quyền con người*” do GS.TS Võ Khánh Vinh chủ biên, Nxb Khoa học xã hội, 2011; “*Quyền con người, tiếp cận đa ngành và liên ngành luật học*” do GS.TS Võ Khánh Vinh chủ biên, Nxb Khoa học xã hội, 2011; “*Những vấn đề lý luận và thực tiễn của nhóm quyền dân sự chính trị*” do GS.TS Võ Khánh Vinh chủ biên, Nxb Khoa học xã hội, 2011; “*Những vấn đề lý luận và thực tiễn của nhóm quyền kinh tế, văn hóa và xã hội*” do GS.TS Võ Khánh Vinh chủ biên, Nxb Khoa học xã hội, 2011; “*Giáo trình lý luận và pháp luật về quyền con người*”, Khoa Luật – Đại học Quốc gia Hà Nội, Nxb Chính trị quốc gia, 2009.

Trực tiếp nhất hiện nay đó là cuốn kỷ yếu hội thảo khoa học *Pháp luật về chuyển đổi giới tính trên thế giới và kinh nghiệm cho Việt Nam* do Khoa Luật ĐHQG Hà Nội tổ chức năm 2016. Cuốn kỷ yếu này bao gồm 12 bài viết đề cập đến các vấn đề khác nhau của quyền chuyển giới ở trên thế giới và ở Việt Nam. Các bài viết này đã tiếp cận vấn đề quyền của NCG từ nhiều góc độ và đã làm rõ một số vấn đề lý luận và thực tiễn về quyền của NCG. Đây là nguồn tư liệu hữu ích nhất cho học viên triển khai nghiên cứu đề tài luận văn này.

Tuy nhiên, xét tổng quát, cho đến nay, còn rất nhiều khía cạnh về quyền của NCG chưa được làm rõ ở Việt Nam. Những nghiên cứu về vấn đề này ở Việt Nam còn rất ít, và kết quả nghiên cứu mới chỉ là những phát hiện, phân tích ban

đầu. Vì vậy, có thể khẳng định luận văn này vẫn có tính cấp thiết và có ý nghĩa cả về lý luận và thực tiễn .

3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

3.1. Mục đích nghiên cứu:

Luận văn có mục tiêu tổng quát là phân tích thực trạng, xây dựng luận cứ khoa học và đề xuất các giải pháp pháp lý nhằm hoàn thiện hệ thống pháp luật, qua đó thúc đẩy sự tôn trọng, bảo đảm, bảo vệ quyền của NCG, góp phần nâng cao vị thế, tạo cơ hội cho NCG hoà nhập cộng đồng xã hội ở Việt Nam.

3.2. Nhiệm vụ nghiên cứu:

Để đạt được mục tiêu đã đề ra, luận văn có nhiệm vụ:

- Hệ thống hóa và tiếp tục làm sáng tỏ những vấn đề lý luận về quyền của NCG.
- Nghiên cứu làm rõ các tiêu chuẩn quốc tế về quyền của NCG.
- Tìm hiểu kinh nghiệm của một số quốc gia trong việc bảo đảm quyền của NCG.
- Phân tích, đánh giá thực trạng pháp luật và thực tiễn thực hiện quyền của NCG của nước ta. Xác định nguyên nhân của những thành tựu, hạn chế trong vấn đề này.
- Đề xuất các quan điểm, giải pháp hoàn thiện chính sách, pháp luật và đổi mới công tác tổ chức thực hiện nhằm đảm bảo quyền của NCG ở Việt Nam.

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

4.1. Đối tượng nghiên cứu:

Đối tượng nghiên cứu chính của luận văn là những vấn đề lý luận, pháp lý và thực tiễn liên quan đến quyền của NCG ở Việt Nam hiện nay.

4.2. Phạm vi nghiên cứu:

Phạm vi nội dung: Luận văn chỉ tập trung nghiên cứu những vấn đề lý luận, pháp lý và thực tiễn liên quan đến quyền của NCG, không mở rộng sang quyền của các nhóm xã hội khác.

Phạm vi không gian: Luận văn chỉ tập trung nghiên cứu quyền của NCG từ thực tiễn ở Việt Nam. Việc đề cập đến các quốc gia khác chỉ nhằm so sánh, tham khảo.

Phạm vi thời gian: Luận văn chỉ tập trung nghiên cứu tình hình thực hiện quyền của NCG ở Việt Nam trong thời gian 5 năm gần đây (2011-2016). Đây là khoảng thời gian mà vấn đề quyền con người của nhóm này được quan tâm và có những phát triển quan trọng.

5. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu

Luận văn vận dụng các phương pháp luận duy vật biện chứng, duy vật lịch sử của chủ nghĩa Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và quan điểm của Liên hợp quốc và của Đảng, Nhà nước Việt Nam về quyền con người, quyền công dân.

Luận văn kết hợp sử dụng các phương pháp nghiên cứu sau đây để giải quyết các nhiệm vụ nghiên cứu đặt ra:

- Các phương pháp tổng hợp, phân tích các công trình nghiên cứu hiện có và các tài liệu khác để làm sáng tỏ những vấn đề lý luận về quyền của NCG ở nước ta hiện nay (ở Chương I).

- Các phương pháp tổng hợp, thống kê, phân tích, so sánh các tài liệu, báo cáo chuyên môn của các cơ quan, tổ chức có liên quan để đánh giá thực trạng bảo đảm quyền của NCG ở nước ta trong 5 năm gần đây (ở Chương II).

- Các phương pháp tổng hợp, phân tích, so sánh để đề xuất các quan điểm, giải pháp nhằm ngăn ngừa những vi phạm, nâng cao hiệu quả bảo đảm quyền của NCG ở nước ta trong thời gian tới (ở Chương III).

6. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của luận văn

Luận văn là công trình nghiên cứu đầu tiên về thực trạng bảo đảm quyền của NCG ở nước ta trong những năm gần đây. Luận văn cũng là một trong số rất ít công trình nghiên cứu chuyên sâu và toàn diện về vấn đề bảo đảm quyền con người của các nhóm xã hội dễ bị tổn thương ở nước ta từ trước đến nay.

Vì vậy, luận văn cung cấp nhiều kiến thức, thông tin, luận điểm và đề xuất mới có giá trị tham khảo với các cơ quan nhà nước trong việc hoàn thiện pháp luật và cơ chế để nâng cao hiệu quả bảo đảm quyền của NCG ở nước ta trong thời gian tới.

Bên cạnh đó, luận văn có thể được sử dụng là nguồn tài liệu tham khảo cho việc giảng dạy, nghiên cứu về nhân quyền ở Học viện KHXH và các cơ sở đào tạo khác của nước ta.

7. Cơ cấu của luận văn

Ngoài phần mở đầu, kết luận, danh mục tài liệu tham khảo và phụ lục, nội dung luận văn chia làm 3 chương.

Chương 1. Những vấn đề lý luận về quyền của người chuyển giới

Chương 2. Thực trạng đảm bảo quyền của người chuyển giới ở Việt Nam hiện nay

Chương 3. Quan điểm và giải pháp bảo đảm quyền của người chuyển giới ở Việt Nam hiện nay.

Chương 1

NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ QUYỀN CỦA NGƯỜI CHUYỂN GIỚI

1.1. Khái niệm, đặc điểm của người chuyển giới

1.1.1. Khái niệm về người chuyển giới

Khái niệm chuyển giới chỉ quá trình mà một con người hay động vật thay đổi giới tính. Nó xảy ra một cách tự nhiên ở một số loài, ở con người đây là một quá trình mà thông qua các liệu pháp khác nhau, một người có thể thay đổi giới tính của mình hoàn toàn hay từng phần. Trong đó, bên cạnh liệu pháp hormone (Hormone replacement therapy) thì phẫu thuật chuyển đổi giới tính (Sex reassignment surgery) là biện pháp thường được sử dụng để thực hiện việc chuyển đổi giới tính một cách hoàn chỉnh nhất. Phẫu thuật chuyển đổi giới tính thường được thực hiện đối với những người có bản dạng giới khác với giới tính sinh học. Theo đó, họ có xu hướng sử dụng biện pháp can thiệp y học để có một cơ thể thống nhất với giới tính mong muốn của mình.

Có nhiều nguyên nhân dẫn đến việc có những người đến một thời điểm nào đó tự nhận giới tính của mình khác với giới tính khi sinh ra, bao gồm các yếu tố sinh học như ảnh hưởng bởi gen, mức độ nội tiết trước khi mang thai, những trải nghiệm trong thời niên thiếu hay khi trưởng thành... Nhiều nghiên cứu cho thấy, một người chuyển giới thường có cảm nhận về giới tính của bản thân mình từ khá sớm, từ 3-5 tuổi, song việc công khai nhận mình là giới tính khác còn phụ thuộc vào kiến thức của từng cá nhân cũng như sự cởi mở của mỗi xã hội.

Chuyển giới không đồng nhất với đồng tính. Người chuyển giới là người có giới tính mong muốn khác với giới tính lúc sinh ra. Ví dụ như sinh ra là nam và nghĩ mình là nữ hoặc sinh ra là nữ và nghĩ mình là nam. Song tính là một xu hướng tính dục bên cạnh dị tính, đồng tính. Một người song tính có thể thấy người nam hay người nữ đều cuốn hút mình, tức là cùng lúc có thể có cả tình cảm yêu đương với giới nam hay nữ. Người đồng tính là người có tình cảm với

người cùng giới. Ngược lại với đồng tính là dị tính nghĩa là những người chỉ có tình cảm với người khác giới [25,tr 1].

Mặc dù chuyển giới liên quan tới cảm nhận về giới tính (“nghĩ mình là ai”) song đồng tính là khái niệm chỉ sự hấp dẫn tình cảm (“cảm thấy yêu ai”), vì vậy chuyển giới và đồng tính là khác nhau. Về mặt biểu hiện, không phải người chuyển giới nào cũng thể hiện ra bên ngoài đúng như giới tính mình mong muốn (ví dụ: nam ăn mặc và hành xử như nữ, hay nữ ăn mặc và hành xử như nam)[25,tr1].

Chuyển giới cũng không gắn liền với sự bất thường của bộ phận sinh dục. Mặc dù các yếu tố sinh học có ảnh hưởng nhiều tới người chuyển giới, đa phần họ vẫn hoàn chỉnh về mặt bộ phận sinh dục. Trong y học, những người sinh ra với tình trạng bộ phận sinh dục không xác định rõ là nam hay nữ được gọi là người liên giới tính. Người chuyển giới không nhất thiết phải là người liên giới tính. Chính vì vậy, người chuyển giới không nhất thiết là người phải trải qua phẫu thuật. Định nghĩa về chuyển giới chỉ là cảm nhận bên trong về giới tính của họ, còn việc phẫu thuật hay chưa phụ thuộc nhiều vào điều kiện kinh tế, sức khỏe, nhu cầu cá nhân của từng người[25,tr1].

Người chuyển giới (tiếng Anh:*Transgender*) còn được gọi là người *hoán tính*. Khái niệm người chuyển giới chỉ trạng thái tâm lý giới tính của một người không phù hợp với giới tính của cơ thể, chẳng hạn, một người sinh ra với cơ thể nam nhưng cảm nhận giới tính mình là nữ hoặc một người sinh ra với cơ thể nữ nhưng lại cảm nhận giới tính của mình là nam. Cảm nhận này không phụ thuộc vào việc người đó có làm phẫu thuật chuyển đổi giới tính hay chưa. Trong trường hợp người chuyển giới mà thực hiện phẫu thuật theo giới tính mình mong muốn gọi là người chuyển giới đã phẫu thuật[24,tr1] Người chuyển giới hoàn toàn độc lập với thiên hướng tình dục. Họ có thể thuộc xu hướng tình dục dị tính, đồng tính hoặc song tính luyến ái...một số khác có thể xem xét định hướng tình dục thông thường không đầy đủ hoặc không áp dụng đối với họ [22].

Những người chuyển giới được mô tả là những người khi sinh ra đã mang sẵn một giới tính sinh học (dựa vào cơ quan sinh dục để phân biệt), nhưng tâm lý của những người này cảm nhận rằng giới tính của họ không giống với giới tính mà thể xác của họ đang có. Không phải tất cả những người chuyển giới đều muốn thay đổi cơ thể họ, mặc dù một số khác thì cảm thấy mong muốn điều này. Tuy nhiên, hầu hết những người chuyển giới đều mong muốn thiết lập một vai trò xã hội phù hợp với giới tính mà tâm lý của họ tự xác định [25,tr2].

Tóm lại, có thể hiểu người chuyển giới là một khái niệm rộng, dùng để chỉ tất cả những người có bản dạng giới, thể hiện giới không giống với những chuẩn mực tương ứng với giới tính sinh học của họ. Bản dạng giới là cảm nhận bên trong của một người về việc họ là nam hay nữ, hay là một giới nào khác. Thể hiện giới là cách một người cho thấy bản dạng giới của mình thông qua hành vi, quần áo, kiểu tóc, giọng nói, hay các đặc điểm trên cơ thể người đó. Chuyển giới là một thuật ngữ có tính khái quát tốt, tuy vậy không phải người nào có ngoại diện hay hành vi không theo chuẩn về giới cũng sẽ nhận mình là chuyển giới.

1.1.2. Đặc điểm của người chuyển giới

Trong những năm gần đây, vấn đề chuyển đổi giới tính nói riêng và nhóm LGBT nói chung đã và đang dành được nhiều sự quan tâm của xã hội bởi một phần lớn do những phong trào, hoạt động vì quyền của người đồng tính, song tính và chuyển giới. Ở Việt Nam, việc Bộ luật Dân sự 2015 bổ sung quy định liên quan tới việc chuyển đổi giới tính tại Điều 37 đã đặt ra nhu cầu xây dựng và hoàn thiện cơ sở pháp lý về hoạt động này. Việc xác định cách thức tiếp cận khi xây dựng pháp luật về chuyển đổi giới tính là một vấn đề quan trọng đặc biệt trong bối cảnh tiếp cận dựa trên quyền (Right-based Approach) đang là xu hướng chủ đạo trên thế giới. Đây là một cơ hội cho những người chuyển giới bởi họ hy vọng có thể được sống đúng với bản năng và con người thật của mình. Khi mà pháp luật đã được định hình cho họ thì họ có quyền được sống thật sự mà không sợ bị sự kỳ thị của xã hội.

Ở nước ta, những vấn đề liên quan đến người chuyển giới nói riêng và nhóm LGBT nói chung là những chủ đề nhạy cảm, mới nổi lên và thu hút sự chú ý của dư luận xã hội. Trong quá khứ, vì nhiều nguyên nhân xã hội khác nhau, như đất nước có chiến tranh, khó khăn về kinh tế, quan niệm khắt khe về chuẩn mực khiến rất nhiều người đồng tính, người song tính, người chuyển giới không dám công khai xu hướng tính dục của mình vì đây cũng là thời điểm mà các vấn đề thuộc về cá nhân bị che khuất hoặc lu mờ đi trước những đòi hỏi khắc nghiệt của cuộc sống [22,tr11]. Thời gian gần đây, cùng với sự phát triển nhanh của cuộc cách mạng công nghệ thông tin, cũng như sự giao lưu với văn hoá phương Tây đã dẫn tới sự biến đổi mạnh mẽ trong thái độ và hành vi của người dân đối với nhiều vấn đề xã hội, trong đó có quyền được sống thật với giới tính của mình.

Tuy nhiên, những gì mà xã hội biết về người đồng tính, song tính, chuyển giới hầu như chỉ giới hạn trong những phóng sự, bài viết hoặc bản tin có tính chất “phát hiện” được đăng tải trên các phương tiện truyền thông. Trong một số trường hợp, mục đích của những sản phẩm truyền thông là nhằm làm thoả mãn tính hiếu kỳ của độc giả, hơn là hướng họ tới sự hiểu biết nghiêm túc và nhân văn về người đồng tính[14,tr 7]. Thái độ của xã hội đối với người đồng tính, người song tính, người chuyển giới diễn ra khá đa dạng dưới nhiều hình thức và hoàn cảnh khác nhau.

Trước hết là trong gia đình của những người đồng tính. Hiện nay một người đồng tính rất khó khăn trong việc công khai với gia đình về giới tính của mình vì sợ người thân trong gia đình thất vọng và có cái nhìn khác về bản thân mình. Trên thực tế, khi cha mẹ phát hiện con mình là người đồng tính thì thường là rất sốc, bất ngờ và có những phản ứng gay gắt dẫn đến những hành động sai lầm. Những phản ứng đó xuất phát từ tình thương con, sự kì vọng mà cha mẹ đặt quá lớn (đặc biệt là đối với con một) và cũng là từ những hạn chế về mặt kiến thức liên quan đến người đồng tính [26,tr3].

Hơn nữa, việc pháp luật chỉ thừa nhận trong xã hội chỉ có hai nhóm giới tính đã dẫn đến những hậu quả không mong muốn trong xã hội như: những người thuộc giới tính thứ ba họ cảm giác không được tôn trọng và chính những người thân trong gia đình bạo hành cả thể xác lẫn tinh thần con em mình khi dám thừa nhận giới tính thật. Lý do là vì họ chỉ mong muốn con mình hoặc nam, hoặc nữ như pháp luật đang thừa nhận, họ lo lắng con mình không có tương lai nên cha mẹ thường có những hành vi không kiểm soát dẫn đến đánh đập, xích, nhốt, hoặc cấm đoán khác[33,tr 71]. Những hành vi bạo lực để lại những hậu quả nghiêm trọng về tâm lý như trầm cảm, lo sợ thậm chí là có ý định tự tử hoặc hành vi tự tử. Những người cho rằng đồng tính là bệnh, bị “ma ám” thì thường tìm cách chữa bệnh. Một số khác thì giam lỏng con mình không cho tiếp xúc với người cùng giới và ép con mình cưới người khác giới. Một số khác thì gay gắt đánh đập, chửi bới và thậm chí là đuổi con ra khỏi nhà vì cho là nó làm ảnh hưởng đến danh dự gia đình, dòng họ[33,tr 72].

Sự phân biệt đối xử và kì thị trong cộng đồng dưới nhiều hình thức khác nhau nhất là về việc làm, chăm sóc y tế, giáo dục, bảo trợ xã hội... làm cho họ có thể không được tuyển dụng, thăng tiến và trả thù lao bình đẳng như những người bình thường. Về giáo dục, y tế, họ thường nhận thái độ cư xử kỳ thị như dè bủ, mỉa mai, dùng những lời nói cay nghiệt làm nhục người đồng tính, chuyển giới. Những trường hợp nặng hơn là trêu ghẹo thậm chí có thể là bạo hành đối với người đồng tính, chuyển giới ...[45] Do đó, pháp luật cần bảo vệ và xã hội cần thừa nhận để người đồng tính, chuyển giới không phải che giấu, tránh gặp rủi ro trong cuộc sống và không bị kẻ xấu lợi dụng.

Một trong những nguyên nhân của định kiến xã hội về người đồng tính và chuyển giới nằm ở thông điệp truyền thông bởi hầu như mọi cá nhân trong xã hội đều tiếp nhận thông tin qua các phương tiện truyền thông và chịu ảnh hưởng của các thông điệp truyền thông đến việc hình thành thế giới quan. Những thông điệp mang định kiến hoặc thiếu tính khoa học về người đồng tính có thể tạo ra

hay củng cố những nhận thức sai lệch và thái độ kỳ thị. Một số tác phẩm báo chí trên các phương tiện truyền thông đã góp phần phác họa nên những hình ảnh sai lệch, phiến diện và định kiến về người đồng tính, người song tính, người chuyển giới. Họ sử dụng ngôn ngữ làm tăng định kiến với nhóm đồng tính, song tính và chuyển giới như: pêđê, bóng, xăng pha nhớt, bệnh hoạn, lại gái, ô môi[14,tr 9].

Người chuyển giới là một nhóm người có xu hướng tính dục thiểu số trong xã hội. Họ không bị bệnh nên không thể chữa trị và xu hướng tính dục này không thể lây lan. Họ là người bình thường và xu hướng tính dục của họ tồn tại một cách tự nhiên ngay từ khi sinh ra; môi trường sống, giáo dục không ảnh hưởng đến sự hình thành và phát triển của người chuyển giới trong xã hội. Tuy nhiên, vì xu hướng tính dục của họ khác phần lớn mọi người trong xã hội nên hiện nay họ đang bị xã hội kỳ thị, không tôn trọng cũng như không được đảm bảo các quyền con người tối thiểu (như kết hôn, bình đẳng trong công việc, được hưởng thừa kế khi bạn đời mình chết...). Vì vậy, pháp luật cần có những quy định cụ thể để họ có cơ hội bình đẳng như những người khác trong xã hội, quyền lợi của họ được bảo vệ.

1.2. Quyền của người chuyển giới

1.2.1. Nhận thức chung về quyền con người

Có nhiều định nghĩa khác nhau về quyền con người: Theo Văn phòng Cao ủy Liên hiệp quốc thì: “Quyền con người là những bảo đảm pháp lý phổ quát có tác dụng bảo vệ các cá nhân và nhóm chống lại những hành động hoặc sự bỏ mặc làm tổn hại đến nhân phẩm, những sự được phép và tự do cơ bản của con người” [14, tr 37]. Ngoài ra, quyền con người còn được định nghĩa một cách khái quát là những quyền bẩm sinh, vốn có của con người, như Tổng thư ký Liên hợp quốc Boutros-Ghali đã nói trong Hội nghị Thế giới Vienna về quyền con người vào năm 1993: “Quyền con người là các quyền bẩm sinh” [14, tr 23].

Nhìn chung, dù định nghĩa của các chuyên gia, cơ quan nghiên cứu nêu ra không hoàn toàn giống nhau nhưng quyền con người có thể được hiểu là *những*

nhu cầu, lợi ích tự nhiên, vốn có và khách quan của con người được ghi nhận và bảo vệ trong pháp luật quốc gia và các thỏa thuận pháp lý quốc tế [14, tr 38].

Quyền con người là bẩm sinh, vốn có của tất cả mọi người, được thừa nhận không phân biệt quốc tịch, nơi ở, giới tính, dân tộc, màu da, tôn giáo, ngôn ngữ hay bất kỳ yếu tố nào khác, nhưng quyền đó chỉ thực sự được thực hiện khi được ghi nhận trong các văn bản pháp lý quốc gia. Tất cả mọi người có quyền bình đẳng trong việc hưởng thụ quyền con người, không có sự phân biệt đối xử về bất kỳ yếu tố nào. Các quyền con người có mối quan hệ chặt chẽ với nhau, phụ thuộc lẫn nhau và không thể chia tách.

Quyền con người được thể hiện và bảo đảm bởi pháp luật, dưới hình thức các điều ước quốc tế, luật tập quán quốc tế, các nguyên tắc chung và các nguồn khác của luật quốc tế. Luật quốc tế về quyền con người xác nhận nghĩa vụ của các nhà nước phải hành động hoặc kiềm chế thực hiện những hành vi nhất định nhằm thúc đẩy và bảo vệ quyền con người và tự do cơ bản của mọi cá nhân và nhóm xã hội.

Vấn đề quyền con người được LHQ ghi nhận từng bước qua những năm hình thành và phát triển của chính tổ chức.

Tuyên ngôn toàn thế giới về quyền con người năm 1948 (UDHR) gồm 30 điều lần đầu tiên xác định một tập hợp những quyền và tự do cụ thể, cơ bản của con người trên tất cả các phương diện chính trị, dân sự, kinh tế, xã hội, văn hóa. Theo Tuyên ngôn “việc thừa nhận nhân phẩm vốn có, sự bình đẳng và các quyền không thể chuyển nhượng của mọi thành viên trong gia đình nhân loại là nền tảng cho tự do, công lý và hòa bình trên thế giới”. Tập hợp các quyền và tự do trong UDHR được coi là “khuôn mẫu chung” mà mọi dân tộc, quốc gia, tổ chức, cá nhân cần đạt tới, cũng như để sử dụng trong việc đánh giá sự tôn trọng và thực hiện các quyền con người [46, tr.1].

Công ước quốc tế về các quyền dân sự, chính trị (ICCPR) 1966 và công ước quốc tế về các quyền kinh tế, xã hội, văn hóa (ICESCR) 1966 là hai điều ước

quốc tế quan trọng nhất về quyền con người. Những tư tưởng cơ bản về quyền con người trong được cụ thể hóa trong hai công ước này, bao gồm các quyền dân sự, chính trị và các quyền kinh tế, xã hội, văn hoá. Hai công ước này cũng cụ thể hoá trách nhiệm của quốc gia trong: “tôn trọng và bảo đảm cho mọi người trong phạm vi lãnh thổ và thẩm quyền tài phán của mình các quyền đã được công nhận trong các công ước này, không có bất kỳ sự phân biệt nào về chủng tộc, màu da, giới tính, ngôn ngữ, tôn giáo, quan điểm chính trị hoặc quan điểm khác, nguồn gốc dân tộc hoặc xã hội, tài sản, thành phần xuất thân hoặc địa vị khác”.

Ba văn kiện nêu trên được xem là Bộ luật quốc tế về quyền con người vì đã bao phủ toàn bộ những quyền cơ bản của con người. Bộ luật đã trở thành một tiêu chuẩn dùng để đo lường mức độ tôn trọng và chấp hành chuẩn mực quyền con người quốc tế trên toàn thế giới, khuyến khích việc thực hiện những chương trình thúc đẩy và bảo vệ quyền con người trong đó có quyền của NCG.

1.2.2. Khái niệm quyền của người chuyển giới

Trong những năm gần đây, vấn đề “xu hướng tính dục” và “bản dạng giới” ngày càng được thảo luận một cách rộng rãi, cùng với đó là vấn đề quyền của người đồng tính, song tính và chuyển giới (gọi chung là LGBT) cũng ngày càng thu hút được nhiều sự quan tâm của cộng đồng quốc tế.

Trong pháp luật quốc tế, hiện nay quyền của người chuyển giới được ghi nhận chung trong các văn kiện về quyền của cộng đồng LGBT. Quyền đầu tiên và là nền tảng cho các quyền con người khác của cộng đồng này là quyền bình đẳng. Ngay trong Lời nói đầu của Hiến chương Liên hợp quốc (1945) đã nêu rằng các quyền cơ bản, phẩm chất và giá trị của con người là bình đẳng, không có bất kỳ sự phân biệt nào. Tuyên ngôn quốc tế về quyền con người (UDHR, 1948) tiếp tục khẳng định mọi người sinh ra đều bình đẳng về quyền và được bảo vệ về nhân phẩm (Điều 1), tất cả thành viên trong gia đình nhân loại đều được hưởng quyền và tự do cơ bản mà không có sự phân biệt nào về chủng tộc, màu da, giới tính, ngôn ngữ, tôn giáo, quan điểm chính trị hay tất cả quan điểm

khác, quốc tịch hay nguồn gốc xã hội, tài sản, dòng dõi, hay tất cả những hoàn cảnh khác (Điều 2). Nguyên tắc không phân biệt tiếp tục được ghi nhận trong hai công ước cơ bản về quyền con người là Công ước quốc tế về Quyền chính trị và dân sự 1966 (ICCPR), và Công ước quốc tế về Quyền văn hóa, xã hội và kinh tế 1966 (ICESCR). Theo nguyên tắc này, các quốc gia thành viên Liên hợp quốc phải tôn trọng, bảo vệ và thúc đẩy các quyền con người mà không có bất kì sự phân biệt đối xử và kỳ thị nào, trong đó bao gồm yếu tố “xu hướng tính dục” và “bản dạng giới”.

Trên cơ sở các văn kiện quốc tế về quyền con người, những văn kiện đề cập trực tiếp đến quyền của cộng đồng LGBT nói chung và quyền của người chuyển giới nói riêng đã được thông qua, tiêu biểu là [25, tr 4]:

Tuyên bố về *Xu hướng tính dục và quyền con người*, được Ủy ban Nhân quyền Liên hợp quốc thông qua vào tháng 3/2005;

Tuyên bố chung về những vi phạm nhân quyền dựa trên xu hướng tính dục và bản dạng giới được Hội đồng Nhân quyền Liên hợp quốc thông qua vào tháng 12/2006;

Tuyên bố chung về quyền con người, xu hướng tính dục và bản dạng giới được Đại hội đồng Liên hợp quốc thông qua vào ngày 18/12/2008;

Tuyên bố chung về việc chấm dứt các hành động bạo lực và vi phạm nhân quyền dựa trên xu hướng tính dục và bản dạng giới được Hội đồng Nhân quyền Liên hợp quốc thông qua vào tháng 3/2011;

Nghị quyết về “Quyền con người, xu hướng tính dục và bản dạng giới” được Hội đồng Nhân quyền Liên hợp quốc thông qua tháng 6/2011;

Bộ quy tắc Yogyakarta về xu hướng tính dục và bản dạng giới, được Hội đồng Nhân quyền Liên hợp quốc thông qua vào ngày 26/03/2007.

Liên quan trực tiếp đến quyền chuyển giới, Ủy ban Nhân quyền Liên hợp quốc đã hỏi thúc các quốc gia “thừa nhận quyền của người chuyển giới được thay đổi giới tính của họ bằng cách cho phép cung cấp cho họ giấy chứng sinh

mới” [25, tr 4]. Cao uỷ nhân quyền Liên hợp quốc cũng khuyến nghị các quốc gia cần: “hỗ trợ thực thi quyền được thừa nhận về mặt pháp lý giới tính mà họ muốn của người chuyển giới và cung cấp những giấy tờ nhân thân chứng tỏ giới tính và tên gọi mà họ mong muốn..” [3].

Gần đây nhất, ngày 30/6/2016, Hội đồng Nhân quyền Liên hợp quốc đã bỏ phiếu thông qua Nghị quyết 32/2, theo đó bổ nhiệm một Chuyên gia Độc lập với nhiệm vụ thúc đẩy giải quyết bạo lực và phân biệt đối xử dựa trên xu hướng tính dục và bản dạng giới. Việt Nam là một trong những nước bỏ phiếu "thuận" cho nghị quyết này.

Từ những phân tích ở trên, có thể rút ra kết luận là: Mặc dù các văn kiện quốc tế về nhân quyền chưa có quy định riêng về quyền được chuyển đổi giới tính, song quyền này được xem là hàm chứa trong một số quyền con người khác trong đó đặc biệt là các quyền được thừa nhận trước pháp luật, quyền bình đẳng không bị phân biệt đối xử, các quyền về an ninh cá nhân... Trong thực tế, quyền được chuyển đổi giới tính và các quyền liên quan như thay đổi giấy tờ tùy thân để có tên và giới tính mới đã được các tổ chức quốc tế và cơ quan nhân quyền Liên hợp quốc thừa nhận [25, tr 5].

Như đã nêu ở trên, quyền con người bao gồm tất cả các khía cạnh liên quan đến con người và mọi người đều có các quyền dân sự chính trị và các quyền về kinh tế xã hội văn hóa như nhau. Trong cuộc sống, mọi người đều có nhu cầu tự nhiên như nhau. Đối với người chuyển giới cũng vậy, họ cũng có nhu cầu riêng của họ. Họ cũng cần được nhà nước, xã hội bảo vệ và tôn trọng họ và coi họ là bình thường như bao con người khác trong cộng đồng xã hội. Trong một thế giới ngày càng có xu hướng xích lại gần nhau, ngày một phát triển hướng đến sự bẽ vưng toàn cầu thì vấn đề nhân quyền càng phải được chú ý và đảm bảo. Trước đây, những người thuộc nhóm LGBT nói chung và người chuyển giới nói riêng ít nhận được sự cảm thông và thường bị kỳ thị trong xã hội. Vì vậy, những người này thường không dám dũng cảm sống thật với chính

con người mình mà thường sống khép kín, không dám tỏ lộ ra vì sự kỳ thị từ chính người thân trong gia đình, trong xã hội mà họ đang sống. Tuy nhiên trong khoảng hơn ba mươi năm trở lại đây đã có nhiều công trình nghiên cứu về giới tính thứ ba, nghiên cứu về cuộc sống, tâm sinh lý của người chuyển giới nói riêng và nhóm LGBT nói chung. Vì vậy, các xã hội đã bắt đầu nhìn nhận lại vấn đề này và nhiều nước đã công nhận và cho phép người chuyển giới sống đúng với giới tính và tâm lý thật của mình. Đây cũng là ước muốn của tất cả những người trong nhóm LGBT nói chung và của người chuyển giới nói riêng trên thế giới.

Quyền của NCG ngày càng được thừa nhận và ghi nhận trong các văn kiện quốc tế khẳng định nhân phẩm, giá trị vốn có và quyền bình đẳng của các thành viên trong xã hội. Điều này thể hiện rõ trong các văn kiện quốc tế về quyền của nhóm LGBT đó là “Tôn trọng sự khác biệt và chấp nhận NCG như một phần của sự đa dạng nhân loại và văn hóa”[14, tr 7].

Quyền chuyển giới tính gắn liền với những khía cạnh cơ bản của quyền con người. Đầu tiên, nó có mối liên hệ với sự tự do, tức là việc một người có thể thực hiện được điều mình muốn mà không bị cản trở. Tự do được xem như một giá trị tự thân của con người. Chính Rousseau trong chương đầu tiên của tác phẩm kinh điển *Bàn về kế ước xã hội* đã khẳng định: "*Con người sinh ra tự do*"[25,tr 13]. Vậy chuyển đổi giới tính có thể coi là một cách thức để một người có thể tự do được là chính mình, theo đúng bản năng tự nhiên của cơ thể. Thứ hai, nó có mối liên hệ với sự bình đẳng, tức là việc được đối xử ngang hàng với người khác mà không có bất kỳ sự phân biệt nào. Sự thay đổi giới tính sinh học cho phù hợp với bản dạng giới chính là một cách thức để những biểu hiện khác về giới của người chuyển giới trở nên phù hợp với cơ thể sinh học mới, do đó giảm bớt sự phân biệt đối xử vốn vẫn xảy ra đối với những người chưa thực hiện chuyển giới. Vì vậy, tác giả Peter Ubel trong một bài viết với tựa đề tương tự trên tạp chí Forbes đã đặt câu hỏi *Liệu phẫu thuật chuyển đổi giới tính có phải là*

một quyền con người cơ bản? Và dù không khẳng định nhưng ông đưa ra kết luận: "Chúng ta không nên cho phép những quan niệm lỗi thời về giới để từ chối một cách thô bạo những sự chăm sóc y tế quan trọng với những người mà bởi những hoàn cảnh tự nhiên nằm ngoài sự kiểm soát của họ, đã không ăn khớp với những bản dạng thông thường."[25, tr 13,14]

Tiếp theo, chuyển đổi giới tính gắn liền với những quyền dân sự (civil right) cơ bản của người chuyển giới. Mặc dù Công ước quốc tế về quyền dân sự và chính trị (ICCPR) cũng như Công ước quốc tế về quyền kinh tế, văn hóa, xã hội (ICESCR) không đề cập cụ thể đến khía cạnh chuyển giới do hoàn cảnh lịch sử của nó nhưng dưới góc độ quyền của người chuyển giới với tư cách một bộ phận của nhóm những người dễ bị tổn thương (vulnerable group), quyền của họ gắn với quyền được đối xử nhân đạo và tôn trọng nhân phẩm của những người bị tước tự do theo Điều 10 ICCPR. Đối với người đã hoàn thiện chuyển đổi giới tính về sinh học nhưng chưa hoàn tất về pháp lý, sự đối xử với họ trong hoàn cảnh bị tước tự do bởi nhà nước mà điển hình là giam giữ có thể gây tổn hại quyền của những người này. Đặc biệt với thể hệ quyền thứ hai, người chuyển đổi giới cần được bảo đảm một cách cơ bản về các quyền này trong bối cảnh thân phận và giới tính của họ đã thay đổi. Cụ thể với quyền về sức khỏe theo Điều 7, 11, 12 ICESCR, cơ bản sự chăm sóc sức khỏe tối ưu là bình đẳng. Hay như các vấn đề khác bao gồm lao động, giáo dục, an sinh xã hội của người chuyển đổi giới tính cũng được đặt ra và cần đảm bảo thực hiện đúng theo tinh thần bình đẳng đã được khẳng định trong Hiến chương Liên hợp quốc rằng, *thúc đẩy và khuyến khích sự tôn trọng các quyền con người và tự do cơ bản cho tất cả mọi người mà không có sự phân biệt đối xử nào về chủng tộc, giới tính, ngôn ngữ hoặc tôn giáo.*

Cuối cùng, sự gia tăng mối quan tâm đối với vấn đề quyền chuyển giới là một xu thế tất yếu và luôn song hành với sự phát triển của nhân loại. Điều đó bắt nguồn từ một yếu tố khách quan đó là tỉ lệ người chuyển giới trong xã hội

thường dao động trong khoảng 0.1% đến 0.5% [25, tr14].. Như vậy, cùng với sự tăng lên của dân số, số lượng người chuyển giới trong xã hội ngày càng tăng, sự quan tâm của xã hội đến đối tượng này cũng sẽ lớn dần theo, đặc biệt là khi vị trí, vai trò và cống hiến của những người thuộc nhóm này dần dần trở nên đáng kể đối với sự phát triển chung của toàn xã hội [25, tr 14,15]. Vì vậy, về mặt thực tiễn có thể khẳng định rằng, việc đòi hỏi các quyền của người chuyển giới là một xu thế khách quan trong điều kiện vẫn còn rất nhiều sự chia rẽ giữa các nước, các nền văn hóa xung quanh vấn đề nhạy cảm này [25, tr.15]. Trong bối cảnh quyền con người ngày càng được tôn trọng; bình đẳng, chống phân biệt, kỳ thị đang là trọng tâm trong những hành xử pháp lý của con người, việc xem xét vấn đề chuyển đổi giới tính dưới góc độ quyền con người là điều hết sức cần thiết.

1.3. Điều kiện đảm bảo quyền của người chuyển giới

Quyền con người và việc bảo đảm thực hiện quyền con người nói chung và quyền của NCG nói riêng đã trở thành một trong những vấn đề đang được quan tâm trong xã hội loài người hiện nay. Xem xét việc thực hiện nhân quyền ở một xã hội cụ thể không chỉ dừng ở việc ở đó có vi phạm nhân quyền hay không mà cần xét đến việc xã hội đó đã thực hiện nhân quyền ở mặt nào, đến mức độ nào, hiện trạng của các tiền đề, điều kiện cho phép thực thi nhân quyền đến đâu cũng như mục tiêu thực hiện nhân quyền có xung đột, bị loại trừ bởi các mục tiêu khác hay không...

1.3.1. Điều kiện chính trị

Trong mối quan hệ giữa chính trị và quyền con người nói chung và quyền của NCG nói riêng, chính trị đóng vai trò tiên quyết trong việc bảo đảm quyền con người đặc biệt là quyền của NCG.

Điều kiện chính trị trước hết thể hiện ở chế độ chính trị dân chủ, tiến bộ, coi trọng và đề cao quyền con người. Chế độ chính trị dân chủ, tiến bộ có mục tiêu chính trị vì con người, quan tâm tới việc xây dựng đường lối, chiến lược, chính

sách, pháp luật lấy con người làm trung tâm, hướng tới việc tạo mọi khả năng bảo đảm tốt nhất việc thực hiện quyền con người trong đó có quyền của NCG.

Điều kiện chính trị bảo đảm quyền con người cũng thể hiện ở tương quan quyền lực chính trị giữa các nhóm lợi ích khác nhau trong xã hội, phản ánh mức độ những nhu cầu chính trị của quần chúng và áp lực chính trị lên giới lãnh đạo những nhà hoạch định chính sách quốc gia. Điều này trực tiếp liên quan đến những yêu cầu về sự ổn định chính trị, về tính minh bạch và dân chủ của hệ thống nhà nước và về khả năng của giới lãnh đạo, những nhà hoạch định chính sách quốc gia trong việc tiếp nhận và phản ánh nhằm biến các quyền và tự do cơ bản của con người thành hiện thực đối với những NCG.

Ngoài ra, điều kiện chính trị cũng biểu hiện ở việc đặt ra yêu cầu xây dựng nhà nước pháp quyền trong đó thừa nhận ưu thế của quyền con người và pháp luật trở thành đạo đức của nhà nước, bằng việc ghi nhận tính bất khả xâm phạm các quyền và tự do của công dân, đi đôi với tính tất yếu hoàn thiện các công cụ tổ chức nhà nước mà trước hết là hoàn thiện các cơ quan nhà nước với tính cách là các công cụ bảo hộ pháp lý đối với quyền của công dân. Có hai loại thiết chế là: các cơ quan của chính phủ và cơ quan quốc gia về quyền con người – đóng vai trò là cơ quan tư vấn trong việc tôn trọng các quyền con người ở cấp độ quốc gia và quốc tế (Ủy ban về quyền con người, Thanh tra quốc hội,...).

Mặt khác, tham gia vào tiến trình thúc đẩy dân chủ, nhân quyền còn phải tính đến sự góp mặt của các tổ chức, đoàn thể xã hội, giới truyền thông và toàn dân thông qua vai trò giám sát, phản biện xã hội của các thiết chế này. Theo nghĩa đó, việc thực hiện quyền con người nói chung và quyền của NCG nói riêng không chỉ là trách nhiệm của nhà nước mà là trách nhiệm của cả hệ thống chính trị.

1.3.2. Điều kiện kinh tế

Việc đề ra chính sách, pháp luật đối với NCG phải dựa trên trình độ phát triển kinh tế - xã hội của mỗi quốc gia. Mặc dù không thể biện hộ cho tình trạng

vi phạm nhân quyền hoặc không thực hiện quyền con người bằng những lý do kinh tế nhưng cũng hoàn toàn không thể phủ nhận vai trò hậu thuẫn quan trọng của trình độ phát triển kinh tế và khả năng cung cấp cơ sở vật chất của nền kinh tế cho việc đảm bảo thực thi quyền của NCG.

Điều kiện kinh tế đảm bảo thực thi quyền của NCG gồm nhiều yêu cầu, trong đó biểu hiện rõ nét nhất là trình độ phát triển của nền kinh tế bộc lộ qua các chỉ số đánh giá mức độ tăng trưởng, mức độ thu hẹp sự chênh lệch giàu nghèo, mức độ ổn định của chu kỳ tăng trưởng, mức độ an toàn của môi trường kinh tế đáp ứng mục tiêu phát triển bền vững, mức độ kết hợp phát triển kinh tế với đảm bảo an sinh xã hội... Khi kinh tế ngày càng phát triển, ngày càng bền vững thì sẽ là động lực, là điều kiện để cho nhà nước có thể quan tâm đầy đủ hơn đến các vấn đề xã hội đang đặt ra đối với việc đảm bảo mọi quyền của con người sẽ được quan tâm thực hiện đầy đủ. Các yêu cầu này càng đạt được ở trình độ cao thì càng tạo ra cơ sở vật chất thuận lợi cho khả năng biến các quyết tâm chính trị về đảm bảo thực thi quyền của NCG thành hiện thực. Mặc dù, giữa phát triển kinh tế với đảm bảo thực thi quyền của NCG không hoàn toàn là một tương quan thuận chiều, bởi trên thực tế, có những quốc gia đạt được trình độ phát triển và mức độ tăng trưởng kinh tế cao nhưng tình trạng vi phạm nhân quyền vẫn diễn ra phổ biến, đặc biệt một số quốc gia phát triển, mạnh về kinh tế nhưng vẫn chưa công nhận người chuyển giới trong đời sống xã hội.

1.3.3. Điều kiện pháp lý

Trên thực tế, quyền con người với tư cách là tư tưởng, quan điểm, học thuyết về quyền con người và những quyền mà con người đang được thụ hưởng có một khoảng cách rõ ràng. Điều kiện pháp lý vừa đóng vai trò thu hẹp khoảng cách đó vừa tạo kênh dẫn cho các quyền pháp định của con người đi vào đời sống thông qua việc ghi nhận trong pháp luật và tạo cơ chế pháp lý bảo đảm việc thực thi các quyền con người.

Pháp luật, bằng việc ghi nhận các quyền con người, quyền của NCG đã chính thức hóa, pháp lý hóa giá trị xã hội của các quyền tự nhiên. Chỉ khi mang tính pháp lý, các quyền tự nhiên mới chuyển thành những quyền con người có đầy đủ giá trị hiện thực, được xã hội phục tùng, được quyền lực nhà nước bảo vệ, quyền của NCG cũng không ngoại lệ. Từ phương diện này, nhu cầu đảm bảo thực thi quyền con người đòi hỏi mỗi quốc gia phải “tiên hành mọi biện pháp thích hợp, trong đó có lập pháp, để sửa đổi hoặc hủy bỏ các luật, quy định, tập quán và thông lệ hiện hành có tính chất phân biệt đối xử đối với NCG” sao cho phù hợp với điều kiện và hoàn cảnh thực tế của mỗi quốc gia trên tinh thần hài hòa giữa pháp luật quốc gia và pháp luật quốc tế. Nói cách khác, một hệ thống pháp luật được xem là nền tảng pháp lý thuận lợi cho việc thực thi quyền của NCG trước hết phải là hệ thống pháp luật có được chỉ số ghi nhận tới mức tối đa các quyền con người trong tương quan với các hoàn cảnh quốc gia và quốc tế.

Pháp luật, bằng việc tạo lập cơ chế pháp lý bảo vệ quyền con người đã trở thành phương tiện bảo đảm giá trị thực tế của các quyền con người. Trong thực tế, quyền con người thường rơi vào thế đối diện với nhà nước. Quyền con người, quyền công dân có thể bị xâm phạm từ phía các cơ quan, tổ chức, công chức nhà nước trong khi thi hành công vụ cũng như từ phía các thành viên khác trong xã hội. Như vậy, từ phương diện này, nhu cầu đảm bảo thực thi quyền con người đòi hỏi pháp luật phải xác định những phương thức, công cụ, phương tiện cụ thể để nhà nước thông qua các cơ quan của mình thực hiện trách nhiệm tôn trọng, tuân thủ và bảo vệ các quyền và tự do của con người, đồng thời pháp luật phải tạo cho công dân những công cụ, phương tiện và khả năng hiện thực để tự bảo vệ các quyền, tự do và lợi ích của mình.

Pháp luật chính là phương tiện thúc đẩy và mang lại giá trị hiện thực cho các điều kiện khác. Các điều kiện về chính trị, kinh tế, văn hóa, nhận thức... đều phải thông qua pháp luật, thể hiện dưới hình thức pháp luật mới trở thành giá trị

xã hội ổn định, được hiện thực hóa trên quy mô toàn xã hội và nhờ vậy, mới phát huy được vai trò của mình trong việc bảo đảm thực thi quyền con người.

1.3.4. Điều kiện văn hóa- xã hội

Trong các tiền đề, điều kiện chính trị đảm bảo thực thi quyền của NCG thì văn hoá xã hội có vai trò vô cùng quan trọng. Văn hóa về quyền con người thể hiện ở trình độ tư duy, nhận thức, ở lương tâm, trách nhiệm, phong cách sống và lối ứng xử đúng đắn của những nhà lãnh đạo quốc gia trong những vấn đề liên quan đến quyền của NCG. Người lãnh đạo, quản lý có văn hóa về quyền con người phải là người có đủ bản lĩnh để không những nhận thức được sự cần thiết tôn trọng, đảm bảo quyền của NCG mà còn biết điều chỉnh những thiếu sót của mình trong hoạt động lãnh đạo, quản lý để bảo đảm, bảo vệ quyền của NCG. Ngoài ra, nhằm đảm bảo cho NCG được hưởng đầy đủ các quyền và tự do cơ bản của con người mà không có sự phân biệt kỳ thị nào, mỗi cá nhân đều phải có trách nhiệm biết cảm thông biết chia sẻ với những cá nhân khác và với toàn thể cộng đồng của mình trong xã hội, do vậy có trách nhiệm đấu tranh cho sự thúc đẩy và tuân thủ các quyền đã được thừa nhận trong các văn kiện cơ bản về quyền con người sao cho NCG nhận được sự bảo vệ và tôn trọng giúp NCG không bị phân biệt đối xử hay bị kỳ thị trong cuộc sống.

Liên quan đến mối quan hệ giữa văn hóa- xã hội đối với NCG, ở các quốc gia nhận thức của cộng đồng về quyền con người nói chung và quyền của người chuyển giới nói riêng hiện vẫn có sự khác nhau. Có nhiều quốc gia đã công nhận và nhìn nhận NCG theo hướng tích cực, ở đó họ coi NCG là hoàn toàn bình thường và công nhận tất cả các quyền của NCG, nhưng cũng còn nhiều xã hội nhiều quốc gia vẫn chưa công nhận NCG là một bộ phận của xã hội và do đó NCG nói riêng và nhóm LGBT nói chung vẫn còn bị cả xã hội đó, quốc gia đó kỳ thị, phân biệt, coi những nhóm người này là không bình thường. Ngay tại các quốc gia có cùng một đặc điểm văn hóa cũng có sự nhìn nhận khác nhau như Nhật Bản, Hàn Quốc, Trung Quốc...Thực trạng đó cho thấy các nhà lãnh đạo

quốc gia cần có cái nhìn toàn diện hơn về vấn đề của người chuyển giới, từ đó có thể cải cách văn hóa kỳ thị NCG nói riêng và nhóm LGBT nói chung. Có như vậy quyền của NCG mới được đảm bảo và được thực thi một cách đầy đủ.

1.4. Quyền của người chuyển giới trong pháp luật quốc tế

Pháp luật quốc tế trong khoảng 3 thập kỷ gần đây đã có sự phát triển khá mạnh mẽ trong việc bảo vệ quyền của người đồng tính, song tính và chuyển giới (LGBT). Các quy định, khuyến nghị của pháp luật quốc tế đã có nhiều ảnh hưởng đến pháp luật của các quốc gia về quyền của người NCG nói riêng và nhóm LGBT nói chung. Đây thực sự đã trở thành một trong những vấn đề nhân quyền mới cần được quan tâm trong xã hội hiện đại. Từ trước đến nay, NCG nói riêng và nhóm người LGBT được xếp vào nhóm người dễ bị tổn thương.

Trên thực tế, ở mức độ và góc độ khác nhau, hầu như tất cả các văn kiện quốc tế hiện hành về quyền con người đều đề cập đến cả các quyền cá nhân và quyền của nhóm. Liên quan đến sự phát triển về quyền của nhóm, hiện tại, ngoài các quyền đã được đề cập, quyền của người chuyển giới và quyền của nhóm LGBT là một trong những quyền đang được vận động để pháp điển hóa trong luật quốc tế. Đây là một vấn đề gây nhiều tranh cãi trên lĩnh vực quyền con người trong vài thập kỷ gần đây. Những người ủng hộ quyền của NCG nói riêng cũng như của nhóm LGBT đã lập nên các tổ chức và phát động những phong trào mang tính chất toàn cầu để vận động cho việc thừa nhận và pháp điển hóa các quyền được kết hôn giữa những người đồng giới; quyền của các cặp đồng giới nam được nhận nuôi con nuôi; và trên hết là quyền của tất cả những người thuộc nhóm LGBT không bị phân biệt đối xử do xu hướng tình dục và giới tính của họ. Trong phán quyết về vụ Toonen kiện Australia (1994), Ủy ban Quyền con người - cơ quan giám sát ICCPR - đã phán rằng, việc hình sự hóa những hành vi tình dục đồng giới cấu thành sự vi phạm luật quốc tế về quyền con người.

Không chỉ giới hạn trong phạm vi pháp luật quốc gia, phong trào vận động cho các quyền của NCG và nhóm LGBT còn mở cuộc vận động các tổ chức quốc tế và tổ chức khu vực. Phong trào này đã thành công trong việc nhận được sự ủng hộ của Liên minh châu Âu và Tổ chức các nước châu Mỹ. Tuyên bố của LHQ về định hướng tình dục và sự đồng giới (The United Nations Declaration on Sexual Orientation and Gender Identity) được trình lên vào ngày 18/12/2008 và đã được thông qua. Nội dung của Tuyên bố lên án những hành vi bạo lực, quấy rối, phân biệt đối xử, loại trừ, kỳ thị, định kiến, sự giết hại, hành quyết, tra tấn, bắt giữ tùy tiện và tước bỏ các quyền kinh tế, xã hội, văn hóa dựa trên định hướng tình dục và sự đồng giới. Tuyên bố này nhận được sự ủng hộ của Liên minh châu Âu và được coi là một bước đột phá mới trên lĩnh vực quyền con người trên diễn đàn LHQ, nhưng nó bị phản đối bởi một số quốc gia, trong đó đặc biệt là các nước thuộc khối Ả-rập và Vatican. Những quốc gia phản đối cho rằng, việc pháp điển hóa hôn nhân và các quan hệ dân sự đồng giới khác có thể làm tổn hại đến đức tin của các tôn giáo cũng như đến các giá trị đạo đức và làm thay đổi các mối quan hệ vốn có trong xã hội.

Trong pháp luật quốc tế, hiện nay quyền của người chuyển giới được ghi nhận chung trong các văn kiện về quyền của cộng đồng LGBT. Quyền đầu tiên và là nền tảng cho các quyền con người khác của cộng đồng này là quyền bình đẳng. Ngay trong Lời nói đầu của Hiến chương Liên hợp quốc (1945) đã nêu rằng các quyền cơ bản, phẩm chất và giá trị của con người là bình đẳng, không có bất kì sự phân biệt nào. Tuyên ngôn quốc tế về Quyền con người (UDHR, 1948) tiếp tục khẳng định mọi người sinh ra đều bình đẳng về quyền và được bảo vệ về nhân phẩm (Điều 1), tất cả thành viên trong gia đình nhân loại đều được hưởng quyền và tự do cơ bản mà không có sự phân biệt nào về chủng tộc, màu da, giới tính, ngôn ngữ, tôn giáo, quan điểm chính trị hay tất cả quan điểm khác, quốc tịch hay nguồn gốc xã hội, tài sản, dòng dõi, hay tất cả những hoàn cảnh khác (Điều 2). Nguyên tắc không phân biệt tiếp tục được ghi nhận trong

hai công ước cơ bản về quyền con người là Công ước quốc tế về Quyền chính trị và dân sự 1966 (ICCPR), và Công ước quốc tế về Quyền văn hóa, xã hội và kinh tế 1966 (ICESCR). Theo nguyên tắc này, các quốc gia thành viên Liên hợp quốc phải tôn trọng, bảo vệ và thúc đẩy các quyền con người mà không có bất kì sự phân biệt đối xử và kỳ thị nào, trong đó bao gồm yếu tố “xu hướng tính dục” và “bản dạng giới”[25, tr 3,4].

Trên cơ sở các văn kiện quốc tế về quyền con người, những văn kiện đề cập trực tiếp đến quyền của cộng đồng LGBT nói chung và quyền của người chuyển giới nói riêng đã được thông qua, tiêu biểu là: Tuyên bố về *Xu hướng tính dục và quyền con người*, được Ủy ban Nhân quyền Liên hợp quốc thông qua vào tháng 3/2005; *Tuyên bố chung về những vi phạm nhân quyền dựa trên xu hướng tính dục và bản dạng giới* được Hội đồng Nhân quyền Liên hợp quốc thông qua vào tháng 12/2006; *Tuyên bố chung về quyền con người, xu hướng tính dục và bản dạng giới* được Đại hội đồng Liên hợp quốc thông qua vào ngày 18/12/2008; *Tuyên bố chung về việc chấm dứt các hành động bạo lực và vi phạm nhân quyền dựa trên xu hướng tính dục và bản dạng giới* được Hội đồng Nhân quyền Liên hợp quốc thông qua vào tháng 3/2011; *Nghị quyết về “Quyền con người, xu hướng tính dục và bản dạng giới”* được Hội đồng Nhân quyền Liên hợp quốc thông qua tháng 6/2011; *Bộ quy tắc Yogyakarta về xu hướng tính dục và bản dạng giới*, được Hội đồng Nhân quyền Liên hợp quốc thông qua vào ngày 26/03/2007.

Tháng 3.2013, tại phiên họp thứ 19 của Hội đồng Nhân quyền, Cao ủy viên Liên Hiệp Quốc về quyền con người, Navi Pillay, đã yêu cầu các nước viết lên “một chương mới” trong lịch sử Liên Hiệp Quốc, đóng góp vào việc chấm dứt ngay bạo lực và phân biệt đối xử đối với người LGBT. Tại phiên họp này, Tổng Thư ký Liên Hiệp Quốc Ban Ki-moon cũng đã có bài phát biểu[20], mô tả những hành vi bạo lực và phân biệt đối xử với người LGBT là “tấn bi kịch lớn đối với những ai có lương tri và là vết nhơ đối với lương tâm của chúng ta”, ông kêu gọi các quốc gia trên toàn thế giới phi hình sự hóa đồng tính, chấm dứt kỳ

thị người đồng tính, người song tính, người chuyển giới. Lần đầu tiên, người đứng đầu tổ chức quốc tế lớn nhất hành tinh đã đưa ra một thông điệp rõ ràng và đầy tính ủng hộ đối với vấn đề LGBT, và đây cũng là quan điểm của cả Liên Hiệp Quốc khi gần đây liên tiếp có những động thái để giải quyết vấn đề kỳ thị phân biệt dựa trên xu hướng tính dục và bản dạng giới.

Liên quan trực tiếp đến quyền chuyển giới, Ủy ban Nhân quyền Liên hợp quốc đã hồi thúc các quốc gia “thừa nhận quyền của người chuyển giới được thay đổi giới tính của họ bằng cách cho phép cung cấp cho họ giấy chứng sinh mới”[25, tr 4]. Cao uỷ nhân quyền Liên hợp quốc cũng khuyến nghị các quốc gia cần: “hỗ trợ thực thi quyền được thừa nhận về mặt pháp lý giới tính mà họ muốn của người chuyển giới và cung cấp những giấy tờ nhân thân chứng tỏ giới tính và tên gọi mà họ mong muốn”[25, tr 4]. Gần đây nhất, ngày 30/6/2016, Hội đồng Nhân quyền Liên hợp quốc đã bỏ phiếu thông qua nghị quyết 32/2, theo đó bổ nhiệm một Chuyên gia Độc lập với nhiệm vụ thúc đẩy giải quyết bạo lực và phân biệt đối xử dựa trên xu hướng tính dục và bản dạng giới[25, tr 5]. Việt Nam là một trong những nước bỏ phiếu "thuận" cho nghị quyết này.

Mặc dù các văn kiện quốc tế về nhân quyền chưa có quy định riêng về quyền được chuyển đổi giới tính, song quyền này được xem là hàm chứa trong một số quyền con người khác trong đó đặc biệt là các quyền được thừa nhận trước pháp luật, quyền bình đẳng không bị phân biệt đối xử, các quyền về an ninh cá nhân... [25, tr 10] Trong thực tế, quyền được chuyển đổi giới tính và các quyền liên quan như thay đổi giấy tờ tùy thân để có tên và giới tính mới đã được các tổ chức quốc tế và cơ quan nhân quyền Liên hợp quốc thừa nhận. Hiện nay, trên thế giới đã có nhiều quốc gia và vùng lãnh thổ đã công nhận hoặc ngầm công nhận những quyền của người chuyển giới và nhóm LGBT coi nhóm người này là nhóm cần được bảo vệ và đối xử công bằng, được tạo điều kiện về mọi mặt để sống đúng với giới tính thật của mình, điều quan trọng nhất là họ, những

người chuyển giới đồng tính song tính được pháp luật thừa nhận và bảo vệ và được xã hội không nhìn họ với ánh mắt kỳ thị phân biệt.

Như vậy, có thể thấy cho tới nay, Hội đồng Nhân quyền Liên Hiệp quốc đã có nỗ lực từng bước trong việc chỉ ra những vi phạm nhân quyền đối với người đồng tính, song tính, chuyển giới, cũng như yêu cầu các quốc gia có những hành động cụ thể tuân theo các luật nhân quyền quốc tế để chấm dứt các hành vi vi phạm nhân quyền. Với quan điểm rõ ràng và có lương tri trên khắp thế giới, người chuyển giới và nhóm LGBT có quyền hy vọng vào một tương lai tự do, bình đẳng và không còn phải chịu những sự phân biệt đối xử không đáng có. Vấn đề bảo vệ quyền của người chuyển giới đang thực sự dần trở thành một trong những mối quan tâm, lo ngại của các quốc gia trên thế giới, trong đó quyền được sống, được hưởng chính sách an sinh xã hội bình đẳng như các chủ thể khác trong xã hội và quyền được kết hôn là những quyền đặc biệt, ảnh hưởng lớn đến chất lượng nhân quyền của những đối tượng dễ bị tổn thương trong xã hội.

1.5. Quyền của người chuyển giới ở một số quốc gia

Theo tài liệu của iSEE, tính đến tháng 9/2015, phần lớn quốc gia châu Âu, châu Mỹ và nhiều nước châu Á đã thừa nhận quyền thay đổi tên và giới tính sau khi phẫu thuật chuyển giới với những điều kiện khác nhau như: yêu cầu về độ tuổi, tình trạng hôn nhân, triệt sản, phẫu thuật một phần[25, tr 5]. Đặc biệt, hiện có 61 nước đã hợp pháp hóa việc thay đổi tên và giới tính trên giấy tờ, tức là không cần qua phẫu thuật chuyển giới[25, tr 5]. Một số quốc gia đã cho phép người liên giới tính được lựa chọn một giới tính thứ ba (ngoài “nam” và “nữ”), ví dụ như Úc (2011), New Zealand (2012)... Ở Đức (2013), trẻ em liên giới tính trong giấy khai sinh được để trống phần giới tính, khi lớn lên các em có thể lựa chọn giới tính “nam”, “nữ” hoặc “X”[25, tr 5].

Theo thống kê của trang Equaldex, tính đến tháng 12/2016, có 60 quốc gia đã hợp pháp hoá quyền chuyển đổi giới tính, 95 quốc gia chưa hợp pháp hoá

nhưng cũng không cấm (somewhere in between), 58 quốc gia vẫn cấm việc chuyển đổi giới tính[25, tr 5].

Ở châu Âu, hiện có 38 quốc gia cho phép phẫu thuật thay đổi giới tính theo mong muốn, và đi kèm là quyền phái sinh thừa nhận tên và giới tính mới trên giấy tờ nhân thân. Những quốc gia này bao gồm toàn bộ các nước thành viên Liên minh châu Âu và một số nước ngoài Liên minh, chỉ trừ Albania, Andorra, Armenia, Cyprus, Georgia, Kosovo, Macedonia, Monaco, San Marino và Serbia[25, tr 6]. Hiện ở châu Âu chỉ một số ít nước mặc dù cho phép phẫu thuật chuyển giới nhưng vẫn chưa cho phép thay đổi giới tính trên giấy tờ nhân thân. Ngoài ra, một số nước vẫn còn quy định những điều kiện được cho là ngặt nghèo để được công nhận giới tính mới, như: Phải qua phẫu thuật, vô sinh, và độc thân[25, tr 6]. Mặc dù vậy, những quy định này đang ngày càng được xoá bỏ, vì bị cho là vi phạm nguyên tắc tự do cơ thể. Nhiều quốc gia đã không còn yêu cầu phải phẫu thuật (nhưng vẫn yêu cầu chứng nhận của bác sĩ tâm lý) để được thừa nhận giới tính mới, cũng không yêu cầu phải triệt sản khi phẫu thuật hoặc điều kiện đang độc thân. Độ tuổi cho phép chuyển giới cũng ngày càng hạ xuống, từ tối thiểu 21 xuống 20, 18, 16... vì các nghiên cứu đã chỉ ra rằng bản dạng giới có thể được khẳng định từ rất sớm, và việc chuyển giới được thực hiện đúng thời điểm sẽ làm giảm sự trầm cảm cũng như kỳ thị từ những người xung quanh [6].

Ở châu Á, nhiều nước đã thừa nhận giới tính mới sau khi phẫu thuật, như Nhật Bản, Trung Quốc, Singapore, Phillipines... trong khi một số nước và vùng lãnh thổ không yêu cầu phải phẫu thuật để thay đổi giới tính trong giấy tờ, như Hàn Quốc, Đài Loan, Israel...[25, tr 7] Ngay ở Trung Quốc, từ trước đến nay cũng không có quy định pháp luật nào cấm phẫu thuật chuyển giới. Vào các năm 2002 và 2008, Bộ Công an Trung Quốc ban hành hai văn bản hướng dẫn về việc thay đổi giới tính trên sổ hộ khẩu và thẻ căn cước, sau khi nhận thấy người chuyển giới gặp nhiều khó khăn trong việc đăng ký thay đổi hộ tịch. Theo các

văn bản này, sau khi đã chuyển đổi thành công trên giấy tờ, người chuyển giới có tất cả quyền và nghĩa vụ theo giới tính mới, bao gồm cả việc kết hôn. Ước tính đến nay đã có khoảng 400.000 người chuyển giới ở đất nước đông dân nhất thế giới này[25, tr 7]. Tuy nhiên, vào năm 2009, Bộ Công an Trung Quốc ban hành một số quy định chặt chẽ hơn về vấn đề chuyển giới, trong đó có điều kiện phải trên 20 tuổi, không có tiền án, phải sống công khai với giới tính mong muốn ít nhất 3 năm trước khi phẫu thuật, và phải hoàn tất quá trình phẫu thuật trước khi thay đổi giấy tờ. Quy định này bị các chuyên gia cho là quá khắc nghiệt, vì theo hướng dẫn chính thức của Hiệp hội Chuyên khoa về Sức khỏe chuyển giới, thì chỉ cần 03 điều kiện là đủ, đó là: 12 tháng liên tục sống công khai như giới tính mình mong muốn, sử dụng liệu pháp hoóc-môn và một chứng nhận từ chuyên gia tâm lý[25, tr 7].

Ở Hàn Quốc, vào năm 2006, Chính phủ ban hành một văn bản pháp luật quy định rằng người chuyển giới có thể thực hiện thay đổi giới tính trên giấy tờ khi đã phẫu thuật sao cho giống với “cơ quan sinh dục ngoài” của giới tính mà mình muốn chuyển sang[25, tr 8]. Mặc dù quy định này được xem là một bước tiến về vấn đề chuyển giới so với trước đó, nhưng thực tế là không phải ai cũng đủ tiền bạc để thực hiện phẫu thuật, đặc biệt là phẫu thuật từ nữ sang nam. Vì vậy, vào năm 2013, Tòa án Tối cao nước này đã ra phán quyết rằng một người không nhất thiết phải phẫu thuật chuyển giới mới có thể thay đổi giới tính trên giấy tờ sau khi xem xét một vụ kiện mà nguyên đơn là 5 người chuyển giới, tất cả đều chưa trải qua phẫu thuật[25, tr 8].

Ở châu Mỹ, trong khoảng 10 năm trở lại đây, số lượng các quốc gia hợp pháp hoá quyền chuyển giới liên tục tăng, cho đến nay đã là 11/53, trong đó có những nước như Cu Ba – nơi mà Nhà nước không chỉ cho phép chuyển giới mà còn chi trả chi phí phẫu thuật[25, tr8].

Ở châu Đại dương, cả hai nước lớn nhất là Úc và New Zealand đều đã hợp pháp hoá chuyển giới (Úc: 1987, chi phí phẫu thuật cũng do Nhà nước chi trả; New Zealand: 1993)[25, tr 8].

Riêng ở châu Phi, hiện mới chỉ có Nam Phi hợp pháp hoá quyền này (từ năm 2003). Theo pháp luật của Nam Phi, việc chuyển đổi giới tính không bắt buộc phải phẫu thuật [25, tr 8].

Dưới đây đề cập cụ thể hơn đến việc bảo đảm quyền của NCG ở một số quốc gia:

Quyền của người chuyển giới tại Hà Lan[25,tr 40].

Năm 1985, Hà Lan là một trong những nước châu Âu đầu tiên thừa nhận quyền của người chuyển giới những người có giới tính tự nhận khác với giới tính khi sinh ra được quyền thay đổi giới tính trên giấy tờ nhân thân, mặc dù với hàng loạt điều kiện chặt chẽ. Một quy định tương chừng như rất đương nhiên là người chuyển giới có quyền thay đổi giới tính trên giấy tờ nếu họ đã trải qua điều trị hoóc-môn và phẫu thuật chuyển giới nhưng lại trở thành một vấn đề nghiêm trọng sau này[25,tr 40].

Những điều kiện quy định tại Điều 1:28 của Bộ luật Dân sự Hà Lan được cho là đã vi phạm quyền tự chủ cơ thể, quyền tự quyết về bản dạng giới của con người, gây ra những tác động xấu lên đời sống thường ngày của người chuyển giới. Vì vậy, những nhà vận động, nhà khoa học đòi hỏi rằng cần tách bạch câu chuyện y tế và pháp lý của người chuyển giới. Việc thừa nhận pháp lý của một người không nên phụ thuộc vào tình trạng can thiệp y tế của họ. Không phải người chuyển giới nào cũng có điều kiện kinh tế, sức khỏe, thời gian để phẫu thuật chuyển giới, hoặc họ có điều kiện nhưng không muốn phải trải qua quá trình can thiệp y tế dai dẳng. Những người này cho rằng họ không “mắc kẹt trong một cơ thể sai”, mà họ chỉ “mắc kẹt trong một quy định pháp luật” mà thôi[25, tr 40,41].

Cơ quan đăng ký hộ tịch của Hà Lan (viết tắt là GBA - Gemeentelijke Basisadministratie van Persoonsgegevens) lưu trữ tất cả dữ liệu hộ tịch của công dân. Có khoảng hàng trăm cơ quan chức năng khác cũng có quyền truy cập vào cơ sở dữ liệu này để thực thi nhiệm vụ của họ như công an, thuế, quỹ lương hưu, bảo hiểm... Ngoài ra các cơ quan như ngân hàng, trường học, doanh nghiệp cũng phải tuân thủ dữ liệu riêng của mình trùng khớp với dữ liệu của GBA. Cơ sở dữ liệu này khiến thông tin về giới tính của người chuyển giới hiện diện ở khắp nơi. Và trong mọi giao dịch hàng ngày, họ sẽ phải khai đi khai lại thông tin cá nhân của mình cho trùng khớp, hoặc sẽ bị tội gian lận khai báo. Không đổi được giới tính, đồng nghĩa với người chuyển giới cũng bị rắc rối trong việc đổi tên. Hà Lan không nêu rõ giới tính nào thì đặt tên nào, nhưng chỉ nói là tên phải “phù hợp.” Và trong nhiều vụ việc, tòa án cho rằng một người nữ mà chọn tên nam, hay ngược lại, thì tên đó là “không phù hợp” và bác đơn của họ [25, tr 41, 42].

Tuy nhiên, tình trạng nêu trên đã thay đổi từ tháng 12/2013 khi Quốc hội Hà Lan sửa đổi Bộ luật Dân sự trong đó chỉnh sửa lại một số quy định từ năm 1985, bãi bỏ những điều kiện về trị liệu hoóc-môn và phẫu thuật chuyển giới. Từ đó, người chuyển giới chỉ còn cần một giấy chứng nhận từ chuyên gia tâm lý rằng người này có bản dạng giới thuộc về giới tính kia, sẽ có thể thay đổi giới tính trên thông tin hộ tịch của mình [25, tr 43]. Đây là sự thay đổi rất ý nghĩa. Nó chặt chẽ vừa đủ và trao thêm tự do cho cả người dân và cơ quan nhà nước. Giới tính của một người không thể do người khác quyết định. Thừa nhận việc tôi nghĩ mình là ai, là yếu tố của bản của việc thừa nhận cá thể đó trong xã hội. Nhà nước không trao cho họ giới tính, nhà nước chỉ có thể thừa nhận.

Quyền của người chuyển giới tại Vương quốc Anh

Ngày nay, quyền của công dân Anh thuộc nhóm LGBT được bảo vệ gần như tốt nhất ở châu Âu và trên thế giới. Theo một khảo sát năm 2015 về quyền của các nhóm LGBTI, nước Anh có số điểm cao nhất châu Âu [25, tr 22]. Cảnh

đó, nước Anh có số nghị sỹ là người thuộc nhóm LGBT cao nhất trên thế giới (27 người nhóm này trong cuộc bầu cử năm 2015)[25, tr 22].

Tuy nhiên, trong những thập niên trước đây ở nước Anh, quyền của những người chuyển giới chưa được nhận thức và bảo vệ đầy đủ. Trong vụ án *Corbett kiện Corbett*, được xét xử vào năm 1969 và bản án vào tháng 2/1970, một vụ ly hôn đã tạo ra tiền lệ liên quan đến địa vị của người chuyển giới ở nước Anh. Vụ việc được xem xét khi Anh chưa công nhận sự đồng thuận hai bên là căn cứ đủ để cho ly hôn. Arthur Corbett, nguyên đơn, muốn ly hôn vợ là người mẫu April Ashley. Người vợ lại không muốn ly hôn và nại ra quy định trong Luật Hôn nhân 1965 để duy trì mối quan hệ. Căn cứ ly hôn mà người chồng đưa ra là Ashley là một người đàn ông, mặc dù đã có sự chuyển giới. Tòa án kết luận rằng cuộc kết hôn này là vô hiệu ngay từ đầu vì quan hệ hôn nhân chỉ có thể giữa một người nam và một người nữ. Để đi đến kết luận, tòa án đã xem xét rất thận trọng các yếu tố y khoa về vấn đề chuyển giới. Tòa phán quyết rằng không thể thay đổi giới tính (sex) và chỉ có thể thay đổi tư cách pháp lý cho thích hợp với giới (gender) [25, tr 22]. Phán quyết này được sử dụng cho đến khi Luật Công nhận Giới tính 2004 được thông qua.

Năm 2002, Tòa án Nhân quyền châu Âu, trong vụ *Christine Goodwin kiện Anh quốc*, đưa ra kết luận rằng “chính quyền Anh đã phân biệt đối xử, vi phạm Điều 8 và 12 của Công ước Nhân quyền châu Âu”[25, tr 22]. Sau phán quyết này, chính quyền Anh đã đưa ra luật mới để tuân thủ Công ước. Dự luật được đưa ra Thượng viện vào cuối năm 2003, được Thượng viện và Hạ viện thông qua vào năm 2014.

Quyền của người chuyển giới tại Hoa Kỳ

Pháp luật về quyền của người chuyển giới ở Hoa Kỳ đã có những bước tiến dài trong những thập kỷ gần đây cùng với phong trào đấu tranh đòi quyền bình đẳng cho người chuyển giới. Cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX, nhiều tiểu bang và thành phố ở Hoa Kỳ có các quy định cấm cải trang nữ thành nam và

ngược lại, người vi phạm sẽ bị bắt giữ. Tuy nhiên, đến thập kỷ 1960 và 1970, nhiều đạo luật và quy định về vấn đề này đã bị toà án xem xét lại, trong đó một số quy định đã bị toà án bãi bỏ. Ví dụ, Sắc lệnh số 5421 của thành phố St. Louis đã bị toà án liên bang bãi bỏ vào năm 1986, sau 122 năm tồn tại[25, tr 30.]. Thành phố đầu tiên đưa ra quy định cấm phân biệt đối xử dựa trên bản dạng giới hay sự thể hiện giới là Minneapolis (bang Minnesota) vào năm 1975. Sau đó, bang Minnesota trở thành bang đầu tiên có quy định cấm phân biệt đối xử dựa trên bản dạng giới vào năm 1993. 12 bang khác và thủ đô D.C. sau đó cũng đặt ra quy định tương tự, nhưng phải đến sau năm 2000[25, tr 30.].

Hiện nay, ở Hoa Kỳ, các quyền của người chuyển giới được bảo đảm đến đâu tùy thuộc vào pháp luật của từng bang. Chính quyền liên bang không có đạo luật chung về chống phân biệt đối xử với người chuyển giới, nhưng một số phán quyết của toà án liên bang đã giải thích Điều khoản về Bảo vệ quyền bình đẳng (*Equal Protection Clause*) của Hiến pháp Hoa Kỳ và Mục VII Đạo luật về quyền dân sự năm 1964 (*Title VII - Civil Rights Act*) về chống phân biệt đối xử trong lao động dựa trên giới tính theo hướng bảo vệ quyền của người chuyển giới và chống phân biệt đối xử dựa trên bản dạng giới. Tổng thống Barack Obama đã ban hành sắc lệnh cấm chính quyền liên bang và các nhà thầu phân biệt đối xử với người chuyển giới trong lĩnh vực lao động[25, tr 30].

Người chuyển giới ở Hoa Kỳ nếu cảm thấy bị phân biệt đối xử trong lao động có thể khiếu nại với Ủy ban về cơ hội việc làm bình đẳng của Hoa Kỳ (EEOC). Năm 2012, EEOC ra phán quyết rằng phân biệt đối xử với một cá nhân vì lý do chuyển giới là phân biệt đối xử dựa trên giới tính vi phạm Mục VII Đạo luật về quyền dân sự[25, tr 30].

Tương tự, Bộ Nhà ở và phát triển đô thị Hoa Kỳ (HUD) đã có văn bản quy định rằng hành động phân biệt đối xử của các nhà cung cấp nhà ở được HUD cấp kinh phí đối với những người thuê nhà hoặc mua nhà dựa trên định hướng giới hay bản dạng giới của họ được coi là phân biệt đối xử dựa trên giới

tính, là hành vi trái pháp luật theo Luật về nhà ở công bằng (*Fair Housing Act*)[25, tr 30].

Trong lĩnh vực giáo dục, Mục IX Luật sửa đổi về Giáo dục năm 1972 cấm phân biệt đối xử dựa trên giới tính trong các chương trình giáo dục được chính phủ liên bang cấp kinh phí, bao gồm tất cả các trường phổ thông và trường đại học công lập và một số trường tư. Đạo luật này đã được giải thích theo hướng cấm phân biệt đối xử dựa trên bản dạng giới. Mục IX cũng yêu cầu các trường học phải phản ứng phù hợp đối với các thông tin nhà trường nhận được về tình trạng quấy rối tình dục hoặc bạo lực tình dục đối với bất kỳ học sinh, sinh viên nào, bao gồm cả học sinh sinh viên chuyển giới[25, tr 30].

Năm 2016, Bộ Giáo dục và Bộ Tư pháp Hoa Kỳ ban hành công văn tới các trường học được chính phủ liên bang cấp kinh phí, trong đó giải thích rằng Mục IX của Đạo luật về quyền dân sự áp dụng đối với các học sinh sinh viên chuyển giới, khuyến nghị trường học sử dụng tên và danh xưng phù hợp của học sinh, và cho phép học sinh sử dụng nhà vệ sinh và phòng thay đồ phù hợp với bản dạng giới của họ[25, tr 31].

Trong lĩnh vực y tế, người chuyển giới thường gặp phải 2 vấn đề chính: tiếp cận dịch vụ y tế nhằm mục đích chuyển giới và phân biệt đối xử bởi những người hành nghề y. Mặc dù điều trị hormone và phẫu thuật chuyển đổi giới tính là cần thiết đối với nhiều người chuyển giới, nhiều công ty bảo hiểm công và tư từ chối chi trả bảo hiểm cho các điều trị nói trên. Đạo luật về Bảo hiểm y tế năm 2010 (*Affordable Care Act*) cấm phân biệt đối xử về giới tính tại các cơ sở y tế được chính phủ liên bang cấp kinh phí. Năm 2012, Bộ Y tế Hoa Kỳ giải thích rằng quy định trên bao gồm cả cấm phân biệt đối xử dựa trên tình trạng chuyển giới của cá nhân, và mới đây, ngày 13/5/2016, Bộ Y tế ban hành quy định mới giải thích Điều 1557 của Luật Bảo hiểm y tế, theo đó cấm các nhà cung cấp bảo hiểm y tế công loại trừ hoàn toàn các dịch vụ y tế liên quan đến chuyển giới (như điều trị hormone, phẫu thuật...) ra khỏi danh mục được chi trả bảo hiểm[25, tr 31].

Kết luận chương 1

Nhận thức và làm rõ những vấn đề lý luận về quyền con người, quyền của người chuyển giới có ý nghĩa quan trọng về kinh tế, xã hội và pháp lý. Người chuyển giới có các quyền cơ bản như mọi thành viên khác trong xã hội, quyền của người chuyển giới có một số đặc điểm riêng, xuất phát từ những đặc điểm của người chuyển giới.

Điều kiện bảo đảm quyền của người chuyển giới bao gồm điều kiện bảo đảm quyền con người cùng với một số đặc điểm riêng xuất phát từ những đặc điểm riêng về quyền của người chuyển giới. Điều kiện bảo đảm quyền của người chuyển giới trong phạm vi nghiên cứu của luận văn bao gồm: điều kiện chính trị, điều kiện pháp lý, điều kiện kinh tế, điều kiện xã hội và văn hóa.

Nghiên cứu khái quát kinh nghiệm bảo đảm quyền của người chuyển giới của một số nước trên thế giới cho thấy, các chuẩn mực, nguyên tắc, trách nhiệm của người chuyển giới đã được ghi nhận trong các văn kiện quốc tế về quyền con người; các quốc gia cần nỗ lực áp dụng mọi biện pháp tích cực nhằm tôn trọng, thúc đẩy việc bảo đảm quyền của người chuyển giới. Đa số các nước hiện đã quan tâm xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật về quyền của người chuyển giới theo nguyên tắc bình đẳng, không phân biệt đối xử.

Kết quả nghiên cứu của chương 1 là cơ sở để phân tích thực trạng bảo đảm quyền của người chuyển giới ở Việt Nam hiện nay trong chương 2 và đề xuất các quan điểm, giải pháp bảo đảm quyền của người chuyển giới ở Việt Nam trong thời gian tới ở chương 3.

Chương 2

THỰC TRẠNG ĐẢM BẢO QUYỀN CỦA NGƯỜI CHUYỂN GIỚI Ở VIỆT NAM HIỆN NAY

2.1. Chính sách pháp luật của Việt Nam về người chuyển giới

2.1.1. *Quan điểm của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước Việt Nam về quyền của người chuyển giới*

Tôn trọng quyền con người là một chủ trương nhất quán của Đảng và Nhà nước Việt Nam trong quá trình lãnh đạo xây dựng và phát triển đất nước. Từ khi Việt Nam tiến hành công cuộc Đổi mới (1986) đến nay, Đảng và Nhà nước đã đề ra nhiều chủ trương, chính sách đảm bảo cho người dân được hưởng thụ các quyền cơ bản của con người, từ các quyền dân sự, chính trị đến các quyền kinh tế, xã hội và văn hóa... Trong tiến trình phát triển kinh tế- xã hội của đất nước trong những năm gần đây, người chuyển giới đã dần được Đảng, Nhà nước và xã hội chú ý về nhu cầu sinh hoạt cũng như nhu cầu được sống đúng với bản dạng giới của mình như một lẽ tự nhiên. Mục đích của những thay đổi đó là nhằm dần xóa bỏ sự phân biệt, kỳ thị của xã hội nhằm vào người chuyển giới nói riêng và nhóm LGBT nói chung, đồng thời tạo cho những người chuyển giới có cơ hội sống thật với giới tính và cơ thể của mình, tạo ra sự bình đẳng trong các mối quan hệ của xã hội.

Chính sách pháp luật của nước ta hiện nay đã có hướng mở rất rõ ràng trong việc dần dần tạo điều kiện tốt nhất để nâng cao nhận thức của người dân đối với người chuyển giới nói riêng và nhóm LGBT nói chung được sống đúng với mong muốn của mình. Người chuyển giới trong xã hội không phải là những người bị bệnh hoạn hay bị rối loạn tâm lý. Người chuyển giới chỉ là người có giới tính mong muốn khác với giới tính lúc sinh ra. Hiến pháp 2013 đã quy định rất rõ ràng tại Điều 14, 16 rằng ở nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, các quyền con người, quyền công dân về chính trị, dân sự, kinh tế, văn hóa, xã hội được công nhận, tôn trọng, bảo vệ, bảo đảm theo Hiến pháp và pháp luật. Quyền

con người, quyền công dân chỉ có thể bị hạn chế theo quy định của luật trong trường hợp cần thiết vì lý do quốc phòng, an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội, đạo đức xã hội, sức khỏe của cộng đồng. Mọi người đều bình đẳng trước pháp luật và không ai bị phân biệt đối xử trong đời sống chính trị, dân sự, kinh tế, văn hóa, xã hội.

Như vậy có thể hiểu là quan điểm của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước ta luôn luôn tôn trọng đảm bảo quyền con người, mọi người trong đó có cả người chuyển giới luôn luôn được pháp luật bảo vệ bảo đảm như những người khác. Người chuyển giới cũng được tôn trọng và không bị đối xử, phân biệt bởi pháp luật. Người chuyển giới cũng chỉ bị hạn chế theo quy định của luật trong trường hợp cần thiết vì lý do quốc phòng và an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội, đạo đức xã hội, sức khỏe của cộng đồng.

Bên cạnh Hiến pháp, BLDS 2015 có hiệu lực từ ngày 1 /1/2017 thay thế cho Bộ luật dân sự 2005 cũng đã có những quy định rõ tại Điều 37 về chuyển giới như sau: *Việc chuyển đổi giới tính được thực hiện theo quy định của luật. Cá nhân đã chuyển đổi giới tính có quyền, nghĩa vụ đăng ký thay đổi hộ tịch theo quy định của pháp luật về hộ tịch; có quyền nhân thân phù hợp với giới tính đã được chuyển đổi theo quy định của Bộ luật này và luật khác có liên quan.* Có thể nói đây là một bước tiến đáng kể của pháp luật đối với người chuyển giới, đánh dấu bước tiến dài cho quyền của cộng đồng người chuyển giới. Tuy nhiên đây cũng mới chỉ là quy định bước đầu nhằm tiến tới xây dựng một luật riêng về chuyển giới. Để quyền của người chuyển giới thực sự được thực hiện và công nhận của pháp luật thì vẫn còn cả một quá trình xây dựng luật, lấy ý kiến của toàn dân.

2.1.2. Thực trạng pháp luật về quyền của người chuyển giới ở Việt Nam hiện nay

BLDS quy định những vấn đề cơ bản nhất chung nhất có liên quan đến tất cả các lĩnh vực thuộc đời sống dân sự. Trong đó quyền nhân thân gắn liền mật

thiết với mỗi cá nhân. Mọi sự vướng mắc bỏ sót hay ngăn cản việc thực hiện quyền nhân thân nào cũng gây ảnh hưởng sâu sắc tới việc thực hiện, bảo vệ bảo đảm các quyền dân sự có liên quan khác của cá nhân. Xuất phát từ yêu cầu cụ thể hóa các quy định của Hiến pháp 2013 liên quan đến việc bảo vệ quyền con người, quyền công dân, BLDS hiện hành cũng như các văn bản hướng dẫn vẫn còn bộc lộ những hạn chế, bất cập, dẫn đến hệ quả là một bộ phận người dân là người chuyển giới chưa thể thực hiện được các quyền chính đáng của mình, đánh mất cơ hội tham gia vào đời sống dân sự thông thường như quyền sống được sống đúng với bản dạng giới của mình, quyền được lựa chọn công việc phù hợp, quyền thể hiện tình cảm, quyền kết hôn.... Các tiêu chuẩn thông lệ quốc tế cũng là một yếu tố cần được cân nhắc, và quan trọng hơn vẫn là nhu cầu thực tế cần sửa đổi các quy định của pháp luật để công tác quản lý nhà nước được thuận lợi hơn, phục vụ cho cuộc sống của người dân được tốt hơn đồng thời cũng giảm bớt sự kỳ thị của xã hội đối với người chuyển giới cũng như nhóm LGBT.

Người chuyển giới như khái niệm ở phần trên đã nói chuyển giới chỉ là cảm nhận bên trong về giới tính của họ, còn việc phẫu thuật hay chưa phụ thuộc nhiều vào điều kiện kinh tế, sức khỏe, nhu cầu cá nhân của từng người, đó chỉ là một tình trạng tâm lý bình thường nếu họ không cảm thấy đau khổ hay bẽ tắc vì tình trạng của mình. Việc quy định cấm thực hiện chuyển đổi giới tính với những người đã hoàn thiện về giới lại chưa được giải thích cụ thể trong các tài liệu chính thức. Trong khi nguyên tắc của việc xác định lại giới tính theo Khoản 1 Điều 3 Nghị định 88/2008/NĐ-CP là bảo đảm mỗi người được sống theo đúng giới tính của mình thì việc hiểu chưa đầy đủ ý nghĩa thật của sự sống theo đúng giới tính của mình đã dẫn đến việc pháp luật vẫn chưa công nhận quyền được sống đúng với giới tính của mình. Thực ra nên hiểu giới tính thật là giới tính mà bản thân mỗi người tự cảm nhận về giới tính của mình, là giới tính mà họ mong muốn sống và được pháp luật và xã hội thừa nhận chứ không phải là dựa vào giới tính lúc họ sinh ra. Việc chưa cho phép họ được phẫu thuật xác

định lại giới tính và chuyển giới vô tình đã ngay cả họ được sống đúng với giới tính của họ.

Ở Việt Nam, vấn đề chuyển đổi giới tính được đề cập tập trung trong BLDS và một số văn bản hướng dẫn thi hành.

Trước đây, Điều 36 BLDS năm 2005 quy định cho phép cá nhân có quyền được xác định lại giới tính song chỉ trong trường hợp giới tính bị khuyết tật bẩm sinh hoặc chưa định hình chính xác. Gắn với Điều 36, Điều 27 BLDS năm 2005 chỉ cho phép những người “được xác định lại giới tính” thay đổi họ, tên (điểm e). Điều 36 BLDS năm 2005 sau đó được cụ thể hoá trong Nghị định số 88/2008/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết về việc xác định lại giới tính, trong đó nghiêm cấm thực hiện việc chuyển đổi giới tính đối với những người đã hoàn thiện về giới tính và thực hiện việc xác định lại giới tính khi chưa được phép của Bộ Y tế hoặc Sở Y tế tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (Điều 4).

Từ góc độ khoa học, việc cấm chuyển đổi giới tính như trên chưa phù hợp với các tiêu chuẩn của luật nhân quyền quốc tế và xu thế chung trên thế giới, đồng thời dẫn đến một loạt hệ quả như[45]:

Với người chuyển giới: việc cấm như vậy dẫn đến một số người chuyển giới không được sống đúng với giới tính mà mình mong muốn, gây ra những tổn thương về tâm lý và tạo ra sự kỳ thị, phân biệt đối xử của xã hội với họ. Thêm vào đó, do gặp rào cản trong nước, một số người chuyển giới tìm cách ra nước ngoài để phẫu thuật mà thường tốn kém hơn rất nhiều, hoặc phải thực hiện phẫu thuật “chui” trong nước mà tiềm ẩn nhiều rủi ro.

Hầu hết những người chuyển giới đã đi phẫu thuật ở nước ngoài hoặc phẫu thuật “chui” ở trong nước không đáp ứng yêu cầu quy định tại Điều 12 Nghị định 88/2008/NĐ-CP, vì vậy mặc dù đã phẫu thuật nhưng họ vẫn không được công nhận giới tính mới và không thể thay đổi tên. Tình trạng giấy tờ nhân thân không khớp với tình trạng cơ thể mới gây rất nhiều khó khăn cho họ trong đời sống thường ngày, đặc biệt là trong các giao dịch dân sự, đồng thời khiến họ

phải đối mặt với những rủi ro bị xâm hại như bị hiếp dâm, lạm dụng tình dục...

Với xã hội: Điều 4 Nghị định 88/2008/NĐ-CP dẫn tới thực trạng có một bộ phận công dân nằm ngoài sự quản lý của hộ tịch. Ngoài ra, tình trạng giấy tờ nhân thân không khớp với tình trạng cơ thể mới không chỉ gây khó khăn cho người chuyển giới mà còn gây khó khăn cho các cơ quan nhà nước trong việc giải quyết các vụ việc liên quan đến các giao dịch dân sự của người chuyển giới, bao gồm việc đối xử với họ trong một số hoàn cảnh đặc biệt, ví dụ như khám xét người và sắp xếp nơi ở trong các cơ sở giam giữ để có thể bảo vệ họ khỏi bị xâm hại quyền nhân thân.

Tại Điều 8 khoản 2 Luật HNGĐ cũng quy định về việc Nhà nước không thừa nhận hôn nhân giữa những người đồng giới. Điều này ảnh hưởng không nhỏ tới quyền được kết hôn hay chung sống với nhau của những người chuyển giới, bởi khi Luật chưa điều chỉnh thì cũng chưa thể cho phép những người chuyển giới được thay đổi tên và giới tính của mình trong các giấy tờ tùy thân của mình được. Có thể hiểu việc kết hôn với ai là nhu cầu và là sự tự nguyện của mỗi người, vấn đề họ thích ai, yêu ai và kết hôn tự nguyện với người đó thể hiện đúng tinh thần hôn nhân tự nguyện không bị ép buộc. Nếu như họ không thể thay đổi được giới tính sẽ dẫn đến nhiều vụ kết hôn không tự nguyện, điều này làm xã hội chúng ta phải suy nghĩ đến quyền chính đáng của họ.

Về những khó khăn của người chuyển giới, khảo sát của iSEE thực hiện vào tháng 8/2014 với 219 người chuyển giới cho thấy:[25, tr 9]

-80,3% người chuyển giới không hài lòng với tên gọi khai sinh của mình, 69,3% gặp khó khăn với việc sử dụng tên gọi đó; 86,3% muốn được thay đổi tên gọi trên giấy tờ, và 86,6% nghĩ rằng mình cần được đổi tên mà không bắt buộc phải trải qua phẫu thuật thay đổi giới tính.

-78,1% người chuyển giới mong muốn được phẫu thuật chuyển giới, 11,1% đã phẫu thuật ít nhất một bộ phận trên cơ thể (ngực, cơ quan sinh dục hoặc cả hai), trong đó 100% các ca phẫu thuật liên quan tới bộ phận sinh dục (23

trường hợp) được thực hiện ở nước ngoài (Thái Lan và Hàn Quốc), 83,3% các ca phẫu thuật liên quan tới ngực (cấy hoặc cắt bỏ) được thực hiện ở Việt Nam.

-Trong số 219 người được khảo sát, có 22 người (10,1%) từng thử đi làm thủ tục thay đổi tên gọi nhưng chỉ có duy nhất một (01) trường hợp thành công (do bố mẹ đã đăng ký thay đổi tên gọi từ trước khi người này có giấy chứng minh nhân dân).

-Những người chuyển giới đã công khai thể hiện giới tính mong muốn của mình “thường xuyên” (21,8%) hoặc “thỉnh thoảng” (46,8%) gặp khó khăn với giấy tờ tùy thân.

-Người chuyển giới cũng “thường xuyên” (24,2%) hoặc “thỉnh thoảng” (62,6%) bị kỳ thị vì thể hiện giới của mình, dưới nhiều hình thức.

-Ở góc độ khả năng được bảo vệ trước pháp luật, 16,3% người chuyển giới từng bị xâm hại tình dục; 95,8% người chuyển giới muốn được quyền kết hôn với người yêu của mình vì trên giấy tờ hiện tại thì hai người đang là người cùng giới tính, trong đó tới 78,3% muốn được kết hôn ngay cả khi không thay đổi được giới tính trên giấy tờ. Đặc biệt với trường hợp khi bị tạm giam, tạm giữ hoặc ở trại giam, 42,9% người chuyển giới nữ đã từng bị giam/giữ chung với người nam, hơn 1/3 (35,6%) số họ đã phẫu thuật ít nhất một bộ phận cơ thể, trong khi đó 58% ý kiến muốn ở khu riêng và 38% muốn ở khu nữ. Ý kiến của nhóm chuyển giới nam là 72,4% muốn ở khu riêng, 15,9% muốn ở khu nữ và 11,7% muốn ở khu nam

Ngày 24/11/2015, Quốc hội đã thông qua BLDS mới năm 2015, trong đó bao gồm quy định về chuyển đổi giới tính. Cụ thể, Điều 37 BLDS năm 2015 quy định: *“Việc chuyển đổi giới tính được thực hiện theo quy định của luật. Cá nhân đã chuyển đổi giới tính có quyền, nghĩa vụ đăng ký thay đổi hộ tịch theo quy định của pháp luật về hộ tịch; có các quyền nhân thân phù hợp với giới tính đã được chuyển đổi theo quy định của Bộ luật này và luật khác có liên quan”*. Với quy định này, Việt Nam đã trở thành quốc gia thứ 11 tại châu Á (sau các nước

Iran, Israel, Syria, Nepal, Trung Quốc, Hàn Quốc, Nhật bản, Đài Loan, Phillipines, Singapore), hợp pháp hoá việc chuyển đổi giới tính[25, tr 10].

Mặc dù không quy định cụ thể về quyền chuyển đổi giới tính, song nội dung Điều 37 BLDS 2015 đã gián tiếp thừa nhận quyền này. Theo nghĩa đó, Điều 37BLDS 2015 đã phản ánh tinh thần vì quyền con người của Hiến pháp năm 2013, đánh dấu một bước tiến mới trong vấn đề quyền con người ở nước ta theo hướng phù hợp với các tiêu chuẩn quốc tế và xu thế phổ biến trên thế giới. Quy định mới là nền tảng để hiện thực hoá nhiều quyền con người khác của nhóm chuyển giới, như quyền phẫu thuật chuyển giới, quyền thay đổi tên và giới tính trong giấy tờ tùy thân, quyền kết hôn, quyền nhận con nuôi... mà trước đây họ chưa có cơ hội được hưởng.

Để hiện thực hoá quy định của Điều 37 BLDS năm 2015 sẽ cần có một luật riêng đề cập đến các điều kiện, yêu cầu, quy trình, thủ tục... của việc chuyển giới. Từ những phân tích ở các phần trên, có thể thấy Luật về Chuyển đổi giới tính nên theo hướng như sau[25,tr 10]:

Nêu rõ các điều kiện cho việc công nhận là người chuyển giới. Về vấn đề này, Luật không nên gắn quyền chuyển giới với việc phẫu thuật, bởi như đã phân tích ở các phần trên, nhiều người chuyển giới có bản dạng giới khác với giới tính sinh học nhưng họ hoàn toàn hài lòng các đặc điểm về mặt sinh học của mình hoặc không muốn phẫu thuật vì những lo ngại về sức khỏe hay vì không đủ điều kiện tài chính. Việc quy định để được công nhận là người chuyển giới thì phải phẫu thuật sẽ hạn chế quyền của nhóm chuyển giới không muốn hoặc không đủ khả năng phẫu thuật, từ đó khiến cho quy định về chuyển giới trong Điều 37 BLDS năm 2015 trở nên nửa vời và mang tính chất phân biệt đối xử.

Nêu rõ các quy trình, thủ tục pháp lý và y tế, xã hội cho việc xác định là người chuyển giới. Về nguyên tắc, các quy trình, thủ tục này cần đơn giản, thuận tiện nhất cho người chuyển giới, song cũng cần có khả năng ngăn ngừa những quyết định bùng bột, thiếu chín chắn, thiếu cơ sở hợp lý, đặc biệt trong những

trường hợp phẫu thuật chuyển giới. Trong vấn đề này, nên xem xét áp dụng 3 điều kiện trong các hướng dẫn chính thức của Hiệp hội Chuyên khoa về Sức khỏe chuyển giới (đã nêu ở trên), đó là: tối thiểu đã có 12 tháng liên tục sống công khai như giới tính mình mong muốn, sử dụng liệu pháp hoóc-môn và một chứng nhận từ chuyên gia tâm lý.

Nêu rõ các quy trình, thủ tục pháp lý cho việc chuyển đổi giấy tờ tùy thân sau khi chuyển giới. Các quy trình, thủ tục này cũng cần thuận lợi nhất cho họ, song cũng cần bảo đảm tính đồng bộ, chặt chẽ của hoạt động quản lý nhà nước.

Nêu rõ quy định cấm phân biệt đối xử và các biện pháp chống phân biệt đối xử với người chuyển giới. Về vấn đề này, mặc dù vấn đề chống phân biệt đối xử nói chung đã được quy định trong Hiến pháp và các luật chuyên ngành, song do chuyển giới là một vấn đề mới, có những khía cạnh rất đặc thù, vì vậy Luật về Chuyển đổi giới tính vẫn nên có những quy định riêng về quyền và nghĩa vụ/trách nhiệm của những chủ thể liên quan để bảo đảm phòng chống một cách hiệu quả những sự phân biệt đối xử với người chuyển giới mà đã và đang diễn ra trong xã hội.

Ngoài việc sớm xây dựng luật chuyển giới cũng cần sớm đồng bộ, sửa đổi các luật hiện hành để cụ thể hóa pháp luật cho người chuyển giới. Mặc dù đã được quy định tại Điều 37 BLDS 2015 nhưng để giải quyết được giấy tờ cũng như nhu cầu cho người chuyển giới là chưa có. Luật Hộ tịch 2014 vẫn chưa được sửa đổi hay bổ sung nhưng quy định đối với cấp lại giấy tờ hộ tịch cho những người chuyển giới. Đây cũng là một trong những vấn đề cần sớm được tháo gỡ để người chuyển giới sớm có những giấy tờ cần thiết để thực hiện quyền của mình. Phần đa những người chuyển giới mong muốn được thay đổi tên gọi cũng như được điều chỉnh thông tin giới tính của mình trong giấy tờ. Mà điều này thì luật Hộ tịch cũng như các văn bản hướng dẫn chưa được đề cập. Vấn đề nữa là Luật Hôn nhân gia đình 2014 cũng cần sớm có những quy định về các trường hợp kết hôn quyền được nuôi nhận con của những người chuyển giới sống với nhau.

2.2. Tình hình bảo đảm quyền của người chuyển giới ở Việt Nam hiện nay

2.2.1. Kết quả đạt được trong việc đảm bảo quyền của người chuyển giới và nguyên nhân

Giống như nhiều quốc gia khác trên thế giới, hành vi tình dục đồng giới và người chuyển giới đã được ghi chép trong lịch sử của Việt Nam. Trước thời hiện đại, xã hội Việt Nam không có những định kiến cụ thể hoặc phân biệt những người có xu hướng tính dục và bản dạng giới khác với phần còn lại của xã hội. Khuôn mẫu giới và quan hệ tình dục được thể chế hóa, trong đó quy định con người phải như thế nào và phải yêu ai, đồng thời gạt ra ngoài lề những người không thuộc về khuôn mẫu đó. Chính vì vậy, người chuyển giới và nhóm LGBT thấy họ bị ruồng bỏ khỏi xã hội, phải đối mặt với định kiến và sự phân biệt đối xử từ phần còn lại của xã hội.

Tuy nhiên, trong một vài năm gần đây ở nước ta đã có những chuyển biến lớn và tích cực trong việc công nhận các quyền của những người chuyển giới và nhóm LGBT nói chung. Bất chấp nhiều thách thức, cộng đồng LGBT ở Việt Nam đã phát triển mạnh mẽ trong suốt những năm qua. Nhiều tổ chức xã hội dân sự ủng hộ quyền của người LGBT được thành lập. Các tổ chức xã hội dân sự đáng chú ý làm việc về vấn đề LGBT là Viện nghiên cứu Xã hội, Kinh tế và Môi trường (iSEE) thành lập năm 2007; Trung tâm Sáng kiến Sức khỏe và Dân số (CCIH) thành lập năm 1999; và Trung tâm Nghiên cứu và Ứng dụng Khoa học về Giới, Gia đình, Phụ nữ và Vị thành niên thành lập năm 2001. Vào năm 2008, với sự ra đời của Trung tâm (ICS), tổ chức xã hội dân sự đầu tiên của người LGBT làm việc về quyền con người của người LGBT, hoạt động LGBT đã vượt xa khỏi sự tập trung truyền thống về vấn đề HIV[41]. Cùng với sự ra đời của các tổ chức xã hội dân sự ủng hộ quyền của người chuyển giới nói riêng và nhóm LGBT, nhiều nghiên cứu đã được thực hiện, cung cấp cái nhìn cận cảnh hơn và chính xác hơn về người chuyển giới và LGBT và những thách thức mà họ đang phải đối mặt. Các kết quả của những nghiên cứu được cung cấp cho truyền

thông, cộng đồng, những nhà hoạch định chính sách, và cả chính phủ để vận động cho những cải cách về luật pháp và chính sách để cải thiện cuộc sống của người chuyển giới và nhóm LGBT. Tuy nhiên, trong một vài năm gần đây ở nước ta đã có những chuyển biến lớn và tích cực trong việc công nhận các quyền của những người chuyển giới và nhóm LGBT nói chung, cũng như nhận thức rõ hơn về những thách thức về quyền con người mà họ phải đối mặt. Để hiểu rõ hơn về những định kiến và sự phân biệt đối xử chống lại cộng đồng LGBT ở Việt Nam, việc hiểu rằng văn hóa Việt Nam không có khái niệm xu hướng tính dục và bản dạng giới như trong văn hóa phương Tây là điều quan trọng. Là một xã hội phụ hệ và trọng nam, xu hướng tính dục và bản dạng giới không tuân theo những quy chuẩn thường được coi như là đồng tính nam. Chuyển giới từ nam sang nữ và những người thích mặc quần áo của người khác giới được xem là các hình thức cực đoan và có thể nhìn thấy được của người đồng tính. Những người đồng tính nữ, nếu được nhắc đến, thì thường cũng không mang theo quá nhiều hệ lụy hoặc không gây tranh cãi miễn là người phụ nữ đó tuân theo quy chuẩn xã hội là lấy chồng, sinh con, xây dựng gia đình. Với những thiên kiến về văn hóa như vậy, từ “đồng tính” thường được dùng một cách chính thức và phổ biến để chỉ cộng đồng LGBT. Điều này cũng giống như từ “gays” có thể được dùng để chỉ những người LGBT nói chung ở nước Mỹ.

Theo khảo sát của iSEE thực hiện năm 2014, có tới 78,1% người chuyển giới mong muốn phẫu thuật chuyển giới, 11,1% đã phẫu thuật ít nhất một bộ phận trên cơ thể (ngực, cơ quan sinh dục hoặc cả hai) trong đó 100% các ca phẫu thuật (23 trường hợp) được thực hiện ở nước ngoài, 83,3% các ca phẫu thuật liên quan đến ngực được thực hiện ở Việt Nam[44]. Ở góc độ khả năng được bảo vệ trước pháp luật người chuyển giới cũng trở nên dễ bị tổn thương vì không được thừa nhận trước pháp luật. 16,3% người chuyển giới từng bị xâm hại tình dục, 95,8% người chuyển giới muốn được kết hôn với người yêu của mình vì trên giấy tờ hiện tại thì hai người đang là người cùng giới tính, trong đó 78,3%

muốn được kết hôn ngay cả khi không thay đổi giới tính trên giấy tờ[37]. Đặc biệt với trường hợp bị tạm giam, tạm giữ hoặc ở trại giam, 42,9% người chuyển giới là nữ đã từng bị giam giữ chung với người nam, hơn 1/3 số họ đã phẫu thuật ít nhất một bộ phận cơ thể, trong khi đó 58% ý kiến muốn ở khu riêng và 38% muốn ở khu nữ[37]. Xu hướng chung dù là người chuyển giới nam hay nữ phẫu thuật hay chưa đều là muốn ở khu riêng và không giam giữ chung với khu nam, vì sẽ dễ gặp rủi ro bị xâm hại hoặc bạo hành hơn[37]. Từ kết quả của cuộc khảo sát của iSEE năm 2014 có thể thấy ước muốn của những người chuyển giới lớn và có ý nghĩa như thế nào trong đời sống xã hội [37].

Trong những năm gần đây cái nhìn về người chuyển giới cũng như nhóm LGBT đã có nhiều chuyển biến tích cực trong xã hội Việt Nam, cụ thể trong một số lĩnh vực truyền thông, pháp lý và một số lĩnh vực khác.

Trong lĩnh vực truyền thông vào đầu những năm 2000, người LGBT bị chế nhạo trên truyền thông và bởi ngành công nghiệp giải trí. Những chân dung tiêu cực mà họ vẽ ra càng làm tăng thêm định kiến và sự phân biệt đối xử đối của công chúng với cộng đồng LGBT. Một nghiên cứu về báo in và báo điện tử từ năm 2004, 2006 và 2008 thực hiện bởi iSEE và Khoa Xã hội học - Học Viện Báo chí và Tuyên truyền²¹ chỉ ra rằng phần lớn các nhà báo đã sử dụng những ngôn ngữ khuôn mẫu và kỳ thị để nhấn mạnh các hành vi đồng tính là bất thường, mang tính căm dỗ và gây nghiện[41]. Một khi bạn đã vào một mạng lưới đồng tính thì bạn không thể thoát ra được. LGBT thường được mô tả là những người theo chủ nghĩa khoái lạc, buông thả, vô đạo đức và sống cuộc sống đầy rủi ro và nguy hiểm. Những tiêu đề giật gân trên truyền thông thường gắn đồng tính với sự quan hệ bừa bãi, không chung thủy, mại dâm và giết người. Những điều này càng ngăn cản người LGBT cởi mở về xu hướng tính dục và bản dạng giới của họ bởi vì họ sợ bị gắn với những điều tiêu cực như thế[41].

Nhận thức của truyền thông về cộng đồng LGBT đã được cải thiện trong vài năm qua. Từ tháng 5/2012 đến tháng 6/2013, đã có hơn 40 chương trình với

chủ đề đồng tính và chuyển giới tại Việt Nam[41]. Thông tin đã đến được với hàng triệu độc giả của các tờ báo, bao gồm các bài báo trên các tờ báo lớn như Tuổi trẻ, Thanh niên, Tiền phong, Người Lao động, Sài Gòn Giải Phóng, Phụ nữ, An ninh Thế giới và VnExpress. Những kênh truyền hình như VTV3, VTV1, VTV4 và VTV6 đã chiếu những bộ phim tài liệu đầy đủ về cuộc sống của người chuyển giới[41]. ICS đã tổ chức những buổi nói chuyện về sự đa dạng tính dục và quyền của người LGBT tại 30 trường đại học, các câu lạc bộ và những nhóm thanh niên sáng tạo ở TP. Hồ Chí Minh và Hà Nội, cũng như các tỉnh Cần Thơ, Nha Trang và Đắk Lắk. Đã có nhiều sự kiện tăng cường nhận thức và cung cấp thông tin được cộng đồng tổ chức thành công. Những cuốn sách về LGBT được chính những người LGBT viết ra đã được xuất bản. Hoạt động LGBT đã phát triển mạnh mẽ không chỉ bằng những nỗ lực của chính cộng đồng LGBT mà còn cả sự ủng hộ từ gia đình, bạn bè, những người bạn “đồng minh” không phải là LGBT[41]. Ngày càng có nhiều người dị tính cất tiếng nói chống lại những định kiến, sự phân biệt đối xử và bạo lực nhằm vào người đồng tính và đòi sự bình đẳng cho người LGBT trong luật pháp. Đây có thể là một bước khởi đầu cũng như phần nào giúp xã hội nhận thức đầy đủ và có cái nhìn toàn diện hơn về người chuyển giới cũng như nhóm LGBT. Sự thành công này có tác động lớn đến các quan điểm chính sách của nhà nước dành cho người chuyển giới và nhóm LGBT qua hệ thống pháp lý[41].

Về hệ thống pháp lý quan hệ đồng giới lần đầu tiên được đề cập trong Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000, khi luật được sửa đổi để thêm vào điều khoản cấm việc kết hôn và chung sống như vợ chồng của những người đồng giới. Vào năm 2002, cơ quan truyền thông nhà nước đã tuyên bố đồng tính là một “tệ nạn xã hội” có thể so sánh với cờ bạc, mại dâm và buôn lậu ma túy, và kêu gọi việc bắt giữ các cặp đôi đồng tính. Những Nghị định theo sau vào năm 2002, 2003 và 2006 không cho phép việc nhận con nuôi và mang thai hộ của các cặp đôi đồng tính cũng như việc kết hôn ở nước ngoài với người nước ngoài

cùng giới tính. Tiếp theo những Nghị định này, cộng đồng LGBT càng bị đẩy vào đời sống bí mật[41]. Tuy nhiên, chỉ mất 10 năm cho những thay đổi cấp tiến trong các quan điểm chính trị. Nhận thức và những cuộc thảo luận về vấn đề đồng tính và cộng đồng LGBT ở Việt Nam đột ngột tăng lên vào năm 2012 khi Bộ trưởng Bộ Tư pháp Hà Hùng Cường tuyên bố không tán thành những định kiến đối với người đồng tính và đề cập đến vấn đề hôn nhân đồng giới gây nhiều tranh cãi. Ông cũng đã nhận ra lỗ hổng trong bản thảo Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000 là đã không đề cập đến vấn đề các cặp đôi cùng giới chung sống với nhau, điều này sẽ gây khó khăn cho các cặp đôi cùng giới. Đây là lần đầu tiên một cán bộ lãnh đạo của Chính phủ lên tiếng chính thức về cộng đồng LGBT bằng một giọng không phân biệt đối xử[41]. Một vài tháng sau, Thứ trưởng Bộ Y tế cũng bày tỏ sự ủng hộ của mình cho việc hợp pháp hóa hôn nhân đồng giới. Thứ trưởng Bộ Y tế phát biểu “...dưới góc độ quyền con người, những người đồng tính có quyền sống, ăn, mặc, yêu và được yêu, và theo đuổi hạnh phúc. Dưới góc độ công dân, họ có quyền làm việc, học tập, được khám chữa bệnh, được khai sinh, khai tử, kết hôn và có các quyền và thực hiện các nghĩa vụ đối với Nhà nước và xã hội”[41]. Vào tháng 2/2012, để đáp ứng yêu cầu của Bộ Tư pháp Việt Nam, Chương trình Phát triển của Liên Hợp Quốc (UNDP) ở Việt Nam đã tổ chức một cuộc hội thảo nhằm chia sẻ những kinh nghiệm quốc tế về vấn đề hôn nhân đồng giới với sự tham gia của các chuyên gia trong nước và quốc tế. Khi Luật Hôn nhân và Gia đình đang trong giai đoạn sửa đổi vào năm 2013, UNDP Việt Nam đã làm việc chặt chẽ với UN Women và UNAIDS để đưa ra những góp ý với dự thảo luật trên cơ sở bình đẳng cho tất cả mọi người bất kể giới tính, bản dạng giới và xu hướng tính dục. Biên bản của hội thảo được gửi đến Ủy ban các vấn đề xã hội Quốc hội, cơ quan chịu trách nhiệm sửa đổi luật[41]. Đồng nhất với quan điểm của UN thế giới, UN Việt Nam đã lên tiếng ủng hộ quyền của người LGBT. Lễ hội Viet Pride đầu tiên, một sự kiện công khai thể hiện sự đoàn kết của cộng đồng LGBT lần đầu tiên được tổ chức

vào năm 2012 với sự hỗ trợ của Liên Hợp Quốc. Vào Ngày thế giới chống kỳ thị với người đồng tính, sáng kiến Một UN tại Việt Nam đã đưa ra một thông điệp chúc mừng Việt Nam về những tiến bộ gần đây nhằm tiến tới sự bình đẳng cho mọi người với bất kỳ xu hướng tính dục và bản dạng giới nào. Bà Pratibha Mehta, Điều phối viên thường trú của Liên Hợp Quốc đã viết một bài xã luận đưa ra ý kiến của mình vào tuần lễ Viet Pride 2013. Bà khuyến khích một xã hội bình đẳng và tự do cho hàng triệu người LGBT với một thông điệp đơn giản: Bạn không cô đơn[41]. Hơn thế, các cán bộ của UN đã tham gia vào cuộc diễu hành bằng xe đạp qua các đường phố tại Hà Nội với lá cờ cầu vồng được giương cao. Vào 11/2013, Việt Nam đã hợp pháp hóa việc tổ chức đám cưới giữa hai người cùng giới và trao quyền cho những cặp cùng giới có thể chung sống với nhau thông qua Nghị định số 110/2013/NĐ-CP ngày 24/9/2013 có hiệu lực từ ngày 12/11/2013. Điều này đã đảo ngược lại điều luật trong nghị định trước đó quy định xử phạt việc tổ chức và tham gia đám cưới đồng giới. Tuy nhiên, vào 6/2014, Quốc hội đã thông qua Luật Hôn nhân và Gia đình sửa đổi nhưng không có điều khoản nào cấm hoặc công nhận hôn nhân đồng giới. Điều này ám chỉ trên thực tế rằng hôn nhân đồng giới sẽ không còn bị phạt (như trước đây nữa), tuy nhiên, những người bạn đời cùng giới sẽ không nhận được bất kỳ sự công nhận hoặc lợi ích pháp lý nào[41].

Một thành công không thể không nhắc đến để nói lên những kết quả mà người chuyển giới đã đạt được trong lĩnh vực pháp lý là BLDS 2015 đã chính thức có hiệu lực kể từ ngày 01/10/2017 đã quy định về vấn đề chuyển đổi giới tính tại Điều 37 của Bộ luật này, từ Điều này sẽ là cơ sở để xây dựng nên Luật chuyển giới tại Việt Nam. Khi đó người chuyển giới sẽ có đầy đủ cơ sở pháp lý để thực hiện quyền của mình.

2.2.2. Những hạn chế trong việc đảm bảo quyền của người chuyển giới và nguyên nhân

Ở nước ta, trong thời gian gần đây, nhiều người đã công khai xu hướng

tính dục và bản dạng giới của mình là người đồng tính, song tính và chuyển giới; đồng thời xã hội đã có phần bớt cái nhìn khắt khe, định kiến đối với những người này. Tuy nhiên, vẫn còn khá nhiều người đồng tính, song tính và chuyển giới vẫn phải sống trong sự kỳ thị của xã hội, họ bị coi là những người “biến thái”, “suy đồi”, “bệnh hoạn”... Hiện nay hệ thống pháp lý ở Việt Nam đã có những bước thay đổi căn bản để bảo vệ quyền của người chuyển giới nhưng đó mới chỉ là điểm khởi đầu cho nhiều nỗ lực tiếp theo nhằm không chỉ công nhận những quyền hiến nhiên của người chuyển giới mà còn phải thay đổi cả nhận thức của xã hội có cái nhìn về họ, đó đang là hạn chế lớn và được đánh giá là cũng rất khó khăn.

Họ bị kỳ thị khi sống đúng với bản dạng giới của mình nhất là vấn đề việc làm của những người chuyển giới, theo một nghiên cứu mới đây của Viện Nghiên cứu xã hội, kinh tế, môi trường ISEE, có 53% người chuyển giới nữ và 60% người chuyển giới nam bị các nhà tuyển dụng từ chối nhận vào làm việc trong khi đáp ứng đủ các điều kiện về năng lực[37]. Và ngay cả khi được nhận vào làm việc thì có tới 69% người chuyển giới nữ và 66% người chuyển giới nam thường bị kỳ thị, xa lánh ở nơi công sở. Không những vậy, nghiên cứu trên cũng chỉ ra rằng không chỉ bị phân biệt đối xử ở các không gian công cộng, người chuyển giới còn bị kỳ thị, xa lánh bởi chính người thân, ngay dưới mái nhà họ đang sinh sống[37]. Thống kê xã hội học về kỳ thị đối xử trong gia đình của người chuyển giới cho thấy, 62% người chuyển giới nữ, 80% người chuyển giới nam bị chửi mắng, gây áp lực, 61% người chuyển giới nói chung bị ép thay đổi ngoại hình, cử chỉ, thậm chí có tới 14% trong số họ phải chịu các hành vi bạo lực như nhốt, giam giữ, đánh đập, đuổi khỏi nhà. Riêng ở phạm vi gia đình, các hành vi phân biệt đối xử với người chuyển giới còn nhắm tới việc ngăn chặn thông tin về thành viên trong gia đình là người chuyển giới bị tiết lộ ra ngoài đồng thời cố gắng thay đổi xu hướng tính dục và bản dạng giới của họ bằng các biện pháp y học, tâm linh hay lối sinh hoạt và ngăn cản các mối quan hệ tình

cảm của họ[37]. Nhìn chung, các hành vi phân biệt đối xử xuất phát bởi sự định kiến và dè bủ các bản dạng giới (gender identity) và xu hướng tính dục của người chuyển giới “khác” với các bản dạng giới và xu hướng tính dục được coi là “thông thường”[37].

Việc định kiến và phân biệt đối xử với người LGBT xảy ra rất phổ biến trong môi trường lao động tại Việt Nam. Cụ thể, nhóm người chuyển giới thường thể hiện ra ngoài hơn bản dạng và thể hiện giới của mình, là những người chịu nhiều thiệt thòi và thường xuyên nên thường bị phân biệt đối xử và từ chối nhận vào làm bởi các nhà tuyển dụng lao động từ chối vì biểu hiện giới tính của họ được thể hiện rõ nét ra bên ngoài[37]. Rất khó để nhóm người này họ tìm được một công việc phù hợp với nguyện vọng và năng lực của họ. Những người LGBT có xu hướng tính dục và bản dạng giới không thể hiện rõ nét ra bên ngoài sẽ “an toàn” hơn miễn là họ giữ kín về mình. Một số nhà tuyển dụng lao động bảo thủ vẫn có cái nhìn tiêu cực về người chuyển giới và nhóm LGBT, cũng giống như các cơ quan Nhà nước, họ thường đánh đồng và cho rằng người chuyển giới và nhóm LGBT là một tệ nạn xã hội, vì vậy, lao động là người LGBT thường xuyên bị cô lập tại nơi làm việc và không thể cởi mở về cuộc sống riêng của mình nếu không muốn bị mất việc làm[37]. Áp lực tâm lý phải giấu kín xu hướng tính dục và bản dạng giới, cũng như những lo lắng về an toàn cá nhân làm phần nào giảm đi năng suất lao động của họ. Những người đủ can đảm để thể hiện con người thật của mình tại nơi làm việc trở thành nạn nhân của các hình thức bạo lực, kỳ thị khác nhau, nhiều người thậm chí phải bỏ việc sau một thời gian dài chịu đựng. Nhìn chung, các nhà tuyển dụng lao động không có đủ thông tin và kiến thức về đối tượng lao động là người LGBT, về sự đa dạng xu hướng tính dục hay bản dạng giới, vì vậy họ thường có cái nhìn rất tiêu cực về người LGBT, đặc biệt là nhóm người chuyển giới[37].

Trong khi đó, Luật Lao động hiện hành của Việt Nam vẫn chưa có điều khoản nào quy định về việc chống lại phân biệt, kỳ thị dựa trên xu hướng tính

dục và bản dạng giới. Thậm chí hiện nay ở Việt Nam vẫn chưa có những nghiên cứu chuyên sâu về môi trường lao động dành cho người LGBT nói chung và người chuyển giới nói riêng. Vì vậy, vẫn chưa có đủ nguồn thông tin đáng tin cậy để tiến hành xây dựng những chiến dịch thay đổi nhận thức xã hội về vấn đề này. Bên cạnh đó, các doanh nghiệp ở Việt Nam vẫn chưa thể hiện thái độ ủng hộ rõ ràng đối với cộng đồng LGBT. Khái niệm về một doanh nghiệp thực hiện chính sách ủng hộ của mình với người LGBT một cách công khai vẫn chưa bao giờ được phản ánh trên truyền thông tại Việt Nam[37]. Hiện tại, môi trường lao động nhìn chung vẫn còn khắc nghiệt với người LGBT, mới chỉ có một số ngành nghề như thiết kế, thời trang, nghệ thuật, biểu diễn và giải trí... được xem là những lĩnh vực cởi mở và thân thiện dành cho người LGBT[37].

Trong vấn đề giáo dục, người chuyển giới và nhóm LGBT cũng đang gặp khó khăn. Họ thường phải chịu nhiều định kiến và bị cô lập trong môi trường học đường. Giáo dục giới tính hiếm khi được đưa vào chương trình giảng dạy chính quy. Nếu có, những bài học về giáo dục giới tính thường được xếp ở các chương cuối trong sách giáo khoa và bị giáo viên lờ đi. Học sinh, sinh viên cũng không được dạy những kiến thức cơ bản về xu hướng tính dục và bản dạng giới, hoặc cần tôn trọng sự đa dạng[37]. Học sinh, sinh viên là LGBT tại hầu hết các cơ sở giáo dục không được cung cấp kiến thức nền tảng, cũng như không nhận được bất kỳ sự hỗ trợ nào về các vấn đề bản dạng giới và xu hướng tính dục từ thầy cô, nhân viên tư vấn, y tế trong nhà trường và cả các nguồn lực khác. Họ cũng không có nơi nào để tìm kiếm sự hỗ trợ khi bị hành hung và phân biệt đối xử. Bên cạnh đó, vẫn còn thiếu sự hợp tác giữa học sinh, gia đình và nhà trường trong việc đấu tranh chống lại bạo lực và phân biệt đối xử. Một số học sinh, sinh viên là người LGBT phải bỏ học vì môi trường học đường thiếu an toàn[37].

Đứng trước những kỳ thị, định kiến bủa vây từ mọi phía, hầu hết người chuyển giới đều mong chờ được xã hội công nhận thân phận của mình dựa trên sự thừa nhận về mặt luật pháp, điển hình là quyền chuyển giới trong Bộ Luật dân

sự 2015. Mặc dù một số quy định trong “quyền” này vẫn còn gây tranh luận bởi quy định phải phẫu thuật mới được công nhận chuyển giới, nhưng về cơ bản với quyền chuyển giới này, người chuyển giới có thể sửa đổi các thông tin về hộ tịch, giới tính ghi trên giấy tờ, điều này khiến họ dễ dàng làm các thủ tục hành chính hơn so với trước đây. Ví dụ, người chuyển giới sẽ tránh được tình trạng đi xin việc nhưng giới tính được ghi trên giấy tờ không khớp với ngoại hình của họ, hoặc đơn giản hơn, họ sẽ vào đúng nhà vệ sinh công cộng dành cho giới tính thực của mình mà không phải chịu cái nhìn soi mói khi vào “nhầm” nhà vệ sinh công cộng dành cho giới tính khác.

Tuy nhiên, ngay cả khi được thừa nhận về mặt pháp lý, người chuyển giới vẫn phải đối mặt với nhiều khó khăn khác, chủ yếu do cơ sở hạ tầng của các dịch vụ công, đặc biệt là dịch vụ y tế chưa thể hỗ trợ cho người chuyển giới. Đa số người chuyển giới sử dụng các loại thuốc điều chỉnh hormone với các hướng dẫn dựa trên cơ chế “thông tin truyền miệng” trong cộng đồng chuyển giới chứ không có sự tư vấn đúng từ các bác sĩ. Ngoài ra, về mặt tâm lý, người chuyển giới thường phải chịu đựng sự căng thẳng do luôn chịu định kiến trong xã hội, luôn phải đấu tranh giữa các luồng tư tưởng phải sống đúng với bản dạng giới của mình hay sống với khuôn mẫu giới khác mà người xung quanh khuyến cáo và đòi hỏi nhưng chưa có bất kỳ một trung tâm tư vấn nào về tâm lý cho người chuyển giới. Với họ việc phải xác định sống như thế nào cũng thật sự rất khó. Nếu sống đúng với ngoại hình mà họ đã phải mang thì sẽ gặp thuận lợi hơn trong các mối quan hệ xã hội, không bị kỳ thị nhưng đó lại không phải là chính mình, điều đó sẽ khiến họ gặp stress. Ngược lại, sống đúng là mình thì phải luôn chịu đựng sự soi mói, kỳ thị của mọi người. Dù có lựa chọn sống theo cách nào thì họ vẫn luôn gặp phải những bức bối mà khó có thể tâm sự cùng với bất kỳ ai, từ gia đình, bạn bè, đồng nghiệp... Thậm chí nhiều bác sĩ vẫn còn định kiến và lại khuyên họ là phải uống thuốc để điều trị bệnh đây không phải là hiếm mà nó là một hiện tượng phổ biến của người chuyển giới.

Người chuyển giới thường bị từ chối tiếp cận các dịch vụ y tế, vì phần lớn nhân viên y tế hiện nay vẫn chưa có đủ kiến thức, kinh nghiệm về những nhu cầu đặc thù và cách ứng xử với họ. Hiện nay, chưa có cơ sở y tế chính thống nào cung cấp các dịch vụ tư vấn tâm lý, tiêm hormone hoặc hỗ trợ thông tin dành cho các đối tượng muốn chuyển giới, vì phẫu thuật chuyển đổi giới tính vẫn chưa được hợp pháp hoá tại Việt Nam[37]. Theo pháp luật, phẫu thuật chuyển giới chỉ được thực hiện cho người liên giới tính còn những người đã có cơ quan sinh dục được xác định khi sinh ra (bởi nhân viên y tế, cha mẹ) thì không được phép tiến hành phẫu thuật thay đổi giới tính. Vì vậy, việc cung cấp các dịch vụ hỗ trợ dành cho người muốn chuyển giới ở Việt Nam vẫn còn thiếu. Việc phẫu thuật chuyển đổi giới tính tại các cơ sở trong nước là đặc biệt nguy hiểm, vì những hoạt động này là không hợp pháp và không được bất cứ cơ quan chức năng nào kiểm soát, chịu trách nhiệm[37]. Vì vậy, các đối tượng người chuyển giới khi muốn tiến hành phẫu thuật chuyển giới thường phải tự tìm kiếm thông tin (chủ yếu là thông tin truyền miệng hoặc trên các trang mạng) rồi tiến hành thực hiện tại các cơ sở ở nước ngoài. Trong hoàn cảnh đó, những người có khả năng tài chính hạn hẹp thường tìm đến những phương án tiết kiệm hơn, như sử dụng hormone và các hoá chất nhiễm tạp chất để tiêm vào cơ thể. Hành vi này là vô cùng nguy hiểm, có thể dẫn đến nhiều biến chứng nghiêm trọng hoặc thậm chí là tử vong[37].

Một khó khăn nữa mà người chuyển giới đang gặp phải đó là vấn đề liên quan đến pháp lý. Chuyển giới được khoa học xem là một tình trạng tâm lý bình thường, nếu họ không cảm thấy đau khổ hay bế tắc vì tình trạng của mình. Hiệp hội Tâm lý học Hoa Kỳ kêu gọi cộng đồng cần hỗ trợ thích đáng cho người chuyển giới, bằng các biện pháp như tham vấn, liệu pháp hormone và sự chấp nhận xã hội để họ có thể tự do thể hiện bản dạng giới của mình và giảm thiểu kỳ thị.

Quy định cấm thực hiện chuyển giới với người “đã hoàn thiện” về giới tính chưa được giải thích cụ thể trong các văn bản pháp luật chính thức của Việt Nam. Trong khi nguyên tắc của việc xác định lại giới tính là “Bảo đảm mỗi người được sống theo đúng giới tính của mình” (Khoản 1, Điều 3, Nghị định 88/2008/NĐ-CP) thì việc hiểu chưa đầy đủ ý nghĩa thật sự của “được sống theo đúng giới tính của mình” đã dẫn tới quan điểm cấm đoán này.

“Giới tính thật” trong thực tế cần được hiểu là giới tính mà bản thân một người tự cảm nhận về mình, là giới tính mà họ muốn sống với, chứ không phải dựa trên những gì người ngoài nhìn vào. Như vậy, đối với người chuyển giới, “giới tính thật” của họ là giới tính họ mong muốn, chứ không phải giới tính lúc sinh ra. Việc cấm thực hiện phẫu thuật xác định lại giới tính với người chuyển giới là đã ngăn cản họ được sống đúng giới tính của họ.

Căn cứ trên các quyền bình đẳng, quyền được thừa nhận trước pháp luật, quyền với cơ thể, quyền tự do thể hiện cũng như quyền riêng tư, thì việc cho phép một người thay đổi giới tính cho phù hợp với nguyện vọng của họ cũng là một quyền chính đáng và cần được thừa nhận. Bản thân mỗi người sẽ biết điều gì là tốt nhất cho mình, không thể ép buộc một người phải sống theo cách mà họ không muốn, nếu việc đó không ảnh hưởng gì tới quyền, lợi ích của người khác. Những vấn đề này nó đã để lại những ảnh hưởng lớn đến quyền của người chuyển giới như không được sống đúng với giới tính mà mình mong muốn, gây ra những tổn thương về tâm lý và không làm giảm được kỳ thị, phân biệt đối xử trong xã hội. Người chuyển giới phải đi nước ngoài (tốn kém hơn, rủi ro hơn) hoặc phẫu thuật “chui” trong nước để thực hiện chuyển đổi giới tính trong khi kỹ thuật trong nước có thể thực hiện với chi phí rẻ hơn từ 8-10 lần. Người đã đi nước ngoài hoặc phẫu thuật “chui” để chuyển đổi giới tính thì không được công nhận nhân thân, giới tính mới khi trở về Việt Nam, trở thành “người vô hình” sống ngoài sự thừa nhận của pháp luật. Giấy tờ nhân thân không khớp với tình trạng cơ thể thực tế gây khó khăn cho các giao dịch, cuộc sống thường ngày, bị

xâm hại quyền, lợi ích hợp pháp vì không được bảo vệ như trong tội phạm hiếp dâm, tạm giam tạm giữ, đăng ký hộ tịch, kết hôn... Và một bộ phận công dân nằm ngoài sự quản lý của hộ tịch. Người chuyển giới sẽ rất dễ bị tổn thương do họ không được bảo vệ đầy đủ từ pháp luật, sẽ là nguy cơ lớn khiến người chuyển giới thường xuyên bị xâm hại mà chưa có chế tài từ pháp luật. Trong giai đoạn này đây có thể là lỗ hổng pháp lý rất lớn trong khi chờ đợi những nhà làm luật đưa ra được một bộ pháp luật điều chỉnh về người chuyển giới.

Một hạn chế trong việc tiếp cận quyền con người của người chuyển giới lại xuất phát trong chính gia đình của người chuyển giới. Với quan điểm truyền thống về giới tính và tính dục trong văn hoá Việt Nam nói riêng và văn hoá Á Đông nói chung vẫn còn nặng nề và bảo thủ. Phần lớn cha mẹ của người đồng tính vẫn quan niệm rằng giới tính, hôn nhân gia đình cần tuân thủ theo các giá trị truyền thống. Vì vậy, họ rất khó chấp nhận khi con cái mình có xu hướng tính dục và biểu hiện lệch lạc so với với chuẩn mực xã hội, từ đó có những hành động phản đối gay gắt và bắt đầu có sự kỳ thị như cấm đoán chửi bới thậm chí đánh đập con mình chỉ vì con mình là người chuyển giới.

Gia đình và xã hội nói chung thường không được tiếp cận với thông tin đúng về người chuyển giới và nhóm LGBT, vì thế họ không hiểu về xu hướng tính dục và bản dạng giới. Những gì họ thấy là những hình ảnh tiêu cực về người chuyển giới được dựng lên bởi giới truyền thông giải trí, những người luôn tìm cách thu hút độc giả bằng cách đăng tải các thông tin giật gân, thiếu chính xác. Điều này lại càng làm cho các bậc phụ huynh khó thông cảm với con cái mình khi biết con là người chuyển giới hay đồng tính. Hiện nay, người chuyển giới và nhóm LGBT thường xuyên bị phân biệt đối xử, bị bạo hành về cả thể chất lẫn tinh thần, bị bỏ rơi và bị gia đình đưa đi “chữa trị” bằng nhiều biện pháp nguy hại, có thể là cả những biện pháp lạm dụng thể xác và tinh thần. Nhiều người bị ép buộc phải kết hôn với người mình không yêu, dẫn đến những cuộc hôn nhân tan vỡ sau một thời gian ngắn, điều này lại càng làm xấu thêm hình ảnh của

người LGBT. Ngoài ra, người chuyển giới cũng bị bạo hành, bỏ mặc, hoặc bị làm nhục bởi chính gia đình mình vì vẻ bên ngoài của họ.

Để thay đổi được nhận thức xã hội, truyền thông đại chúng có vai trò rất quan trọng. Đây vừa là hạn chế nhưng cũng sẽ là công cụ giúp cho xã hội có cái nhìn một cách đầy đủ nhất về quyền của người chuyển giới, để xã hội coi người chuyển giới như là một bộ phận đương nhiên của xã hội, là bình thường mà không phải là một căn bệnh của xã hội. Truyền thông ở Việt Nam đã có những thay đổi nhanh chóng trong thời gian vừa qua. Chỉ mới cách đây 10 năm, truyền thông còn có cái nhìn kỳ thị với người chuyển giới, các bài báo thường dùng những từ rất tiêu cực như “lại cái”, “bóng”, “trao không ra trai, gái không ra gái” để mô tả về người chuyển giới và gán cho họ là biến thái về mặt tâm lý, bệnh hoạn về mặt đạo đức, xấu xa về mặt tư cách hoặc cho rằng chuyển giới là một căn bệnh[42]. Tóm lại trong quan điểm của truyền thông, người chuyển giới không bình thường, so với đại đa số – những người không chuyển giới. Tuy nhiên, trong vài năm gần đây, phong trào đấu tranh của các nhóm cộng đồng, các tổ chức vì quyền của người chuyển giới đã làm thay đổi cách mà truyền thông viết về người chuyển giới. Đặc biệt là sự ban hành các quy định pháp luật tiến bộ cũng dẫn đến những thay đổi tích cực trong giới truyền thông. Cách viết tiêu cực về người chuyển giới giảm đi rất nhiều tuy nhiên giọng điệu chủ yếu vẫn là cảm thông, thương xót, nhân đạo mang hơi hướng ban phát, trịch thượng. Ngoài ra, vẫn còn nhiều bài viết sai, ví dụ như có bài viết giật tiêu đề kiểu như “chuyển giới giết chết tình địch...”. Cách viết như vậy khắc họa sự khác biệt về giới của họ và coi sự khác biệt về giới như là nguyên nhân dẫn tới những điều tệ hại xấu xa. Do đó, cần có sự thay đổi tích cực từ phía truyền thông.

Có thể nói quyền của người chuyển giới ở nước ta vẫn còn nhiều hạn chế mà không phải một sớm một chiều có thể điều chỉnh hài hòa trong xã hội được. BLDS 2015 đã được thông qua và bước đầu đã quy định về việc chuyển đổi giới tính song vẫn còn nhiều việc phải làm để hiện thực hóa được quyền của người

chuyển giới trong pháp luật Việt Nam. Bên cạnh đó cũng cần đẩy mạnh công tác tuyên truyền trong xã hội để xã hội có cái nhìn thay đổi tích cực đối với người chuyển giới. Và vấn đề an sinh xã hội, giải quyết việc làm cho phù hợp với người chuyển giới cũng là điều cần được quan tâm tạo điều kiện để người chuyển giới có một công việc phù hợp và hòa nhập tốt với xã hội mà không sợ bị xa lánh. Đồng thời cần tạo điều kiện về y tế để người chuyển giới có thể thực hiện ước mơ của mình là sống thật với chính bản dạng giới của mình. Công tác đào tạo đội ngũ y bác sỹ phục vụ cho nhu cầu phẫu thuật cho những người chuyển giới có điều kiện và nhu cầu phẫu thuật cũng cần được quan tâm trong thời gian tới.

Kết luận chương 2

Tôn trọng và bảo đảm quyền con người là quan điểm nhất quán của Đảng ta trong suốt quá trình xây dựng và phát triển đất nước. Quan điểm đó đã được thể chế hoá trong Hiến pháp và pháp luật Việt Nam từ 1945 đến nay theo hướng ngày càng hoàn thiện hơn qua các thời kỳ. Pháp luật về quyền của người chuyển giới ở Việt Nam hiện nay bước đầu đã được hình thành và quy định trong luật và đã tạo cơ sở pháp lý cho việc tôn trọng và bảo đảm thực hiện các quyền con người của người chuyển giới trên mọi lĩnh vực dân sự, chính trị; kinh tế, xã hội và văn hoá.

Kết quả bước đầu đó là do có sự quan tâm của nhà nước cũng như của xã hội dành cho người chuyển giới trong những năm gần đây, tạo sự chuyển biến tích cực cho người chuyển giới có cơ hội được sống đúng với giới tính thật của mình. Tuy mới chỉ là bước khởi đầu và cũng còn nhiều hạn chế cần khắc phục để người chuyển giới nói riêng và nhóm LGBT nói chung sớm hòa nhập với xã hội thông qua các chính sách pháp luật điều chỉnh riêng cho họ, để xã hội không còn kỳ thị họ và coi họ là một thành phần tự nhiên trong xã hội.

Chương 3

QUAN ĐIỂM, GIẢI PHÁP BẢO ĐẢM QUYỀN CỦA NGƯỜI CHUYỂN GIỚI Ở VIỆT NAM HIỆN NAY

3.1. Quan điểm bảo đảm quyền của người chuyển giới ở Việt Nam hiện nay

Từ những phân tích ở chương 1 và chương 2, có thể thấy để bảo đảm quyền của người chuyển giới ở Việt Nam hiện nay, cần quán triệt một số quan điểm sau đây:

Một là, cần nhìn nhận chuyển đổi giới tính như là một nhu cầu thực tế, tự nhiên, khách quan của người chuyển giới. Khi nhìn nhận đây là một nhu cầu thực tế, tự nhiên và khách quan thì Nhà nước, các cơ quan hữu quan phải có trách nhiệm trong việc bảo đảm quyền cho nhóm người chuyển giới. Khi xem xét quyền con người dưới góc độ là những nhu cầu, lợi ích tự nhiên, vốn có của con người thì rõ ràng là quyền chuyển đổi giới tính cũng là quyền con người đối với những đối tượng nhất định, đối tượng này chính là người chuyển giới. Chuyển đổi giới tính có thể coi là một cách thức có thể một người có thể tự do là chính mình, theo đúng bản năng tự nhiên của cơ thể. Đây là một nhu cầu rất tự nhiên của con người cần được tôn trọng và bảo vệ. Hơn nữa, bảo đảm quyền chuyển đổi giới tính còn là phương thức nhằm bảo đảm cho sự bình đẳng giữa con người, bình đẳng giữa người chuyển đổi giới tính và những người bình thường. Với những góc nhìn trên thì cần thiết phải đưa ra vấn đề bảo đảm quyền của người chuyển giới. Như vậy, xuất phát từ thực tế chuyển đổi giới tính là một nhu cầu tự nhiên, khách quan thì dẫn đến việc bảo vệ quyền cho nhóm người này cũng cần được nhìn nhận là một tất yếu mà Nhà nước phải bảo đảm.

Hai là, cần thiết phải bảo đảm quyền của người chuyển giới xuất phát từ luận điểm cần tôn trọng, bảo vệ, bảo đảm quyền con người của người chuyển giới. Nhìn chung, thế giới và Việt Nam đều có chung quan điểm là tôn trọng, bảo vệ quyền con người, trong đó có những quyền dân sự rất cụ thể cần được bảo vệ. Hiến chương Liên Hiệp quốc đã khẳng định rằng, thúc đẩy và khuyến khích tôn

trọng các quyền con người và tự do cơ bản cho tất cả mọi người mà không có sự phân biệt, đối xử nào về chủng tộc, giới tính, ngôn ngữ và tôn giáo. Như vậy, những yêu cầu đặt ra đối với người chuyển giới cần thiết giới hạn ở mức tối thiểu để tạo những điều kiện thuận lợi nhất có thể cho người chuyển giới thụ hưởng quyền con người của họ. Họ cần được tạo điều kiện thuận lợi để được hưởng quyền về toàn vẹn thân thể, quyền riêng tư, quyền bí mật đời tư, quyền mưu cầu hạnh phúc, quyền có cuộc sống gia đình, quyền về bảo vệ, chăm sóc sức khỏe... Thông qua bảo đảm quyền con người của người chuyển giới là phương thức tích cực bảo đảm quyền của nhóm người này.

Mặc dù ở Việt Nam chưa có cuộc điều tra chính thức nào để xác định chính xác có bao nhiêu người chuyển giới, song theo nghiên cứu mang tên “ Có bao nhiêu người là người đồng tính, song tính, chuyển giới” do Gary Gates chủ biên (Học viện Williams, ULCA, 2011) ước tính cộng đồng chuyển giới chiếm khoảng 0,3% dân số toàn nước Mỹ, tức là khoảng 700.000 người. Nếu tỷ lệ này áp dụng tại Việt Nam (ước tính theo Tổng cục Thống kê) thì số người chuyển giới ở Việt Nam là khoảng hơn 270.000 người. Con số này nói lên một thực tế là cộng đồng người chuyển giới, đồng tính, song tính ở Việt Nam tương đối lớn, đòi hỏi cần phải sớm thừa nhận và đảm bảo các quyền của họ để phù hợp với các tiêu chuẩn và thông lệ quốc tế.

Ba là, bảo đảm quyền của người chuyển giới cần thiết phải xem xét việc chuyển đổi giới tính là quyền dân sự gắn vào một nhóm người cụ thể được xác định thông qua quy định, điều kiện mà pháp luật đặt ra. Khi xem xét chuyển đổi giới tính là quyền dân sự gắn với nhóm người cụ thể là chúng ta đang xem xét điều kiện cụ thể của người chuyển giới được hưởng quyền này. Điều kiện cụ thể này xuất phát từ hai căn cứ là căn cứ vào quy trình xác nhận về y tế đối với người chuyển giới và điều kiện về mặt pháp lý cho phép người chuyển giới thực hiện quyền của mình. Vậy, khi đầy đủ các điều kiện về mặt y tế và pháp luật thì chuyển đổi giới tính được coi là một quyền dân sự mà không vấp phải sự cản trở

từ phía xã hội. Ở một góc độ nào đó, người chuyển giới là những người được coi là những người dễ bị tổn thương, do đó, quyền của người chuyển giới cần được đảm bảo mạnh mẽ hơn, quan tâm nhiều hơn. Trên bình diện chung, nếu coi việc chuyển giới là quyền dân sự thì điều đó đồng nghĩa với việc bảo đảm quyền tốt hơn cho người chuyển giới mà đặc biệt trong đó là quyền được chuyển đổi giới tính.

Bốn là, cần tiếp cận việc bảo đảm quyền của người chuyển giới dưới góc độ bảo đảm cho người chuyển giới những quyền mang tính chất pháp lý. Điều này là bởi nếu người chuyển giới được bảo đảm bởi những quyền năng pháp lý thì có nghĩa là những quyền của người chuyển giới được đảm bảo bằng Nhà nước, bảo đảm thông qua hệ thống các quy định của pháp luật, thông qua đó những quyền này được xã hội tôn trọng và không bị xâm phạm. Về mặt đạo đức, thông qua việc bảo đảm các quyền của người chuyển giới sẽ giúp cho nhóm người này giữ gìn được phẩm hạnh và giá trị làm người. Về mặt pháp lý, các quyền của người chuyển giới được bảo đảm và tôn trọng sẽ góp phần bảo vệ cho nhóm người này về nhiều mặt trong đời sống xã hội, góp phần cho họ hoà nhập cộng đồng, tránh những kỳ thị chung từ phía xã hội. Tuy nhiên, khi tiếp cận dưới góc độ pháp lý cho việc bảo đảm quyền của người chuyển giới cũng đồng thời nảy sinh ra những vấn đề có liên quan như quyền của người chuyển giới cụ thể được quy định là gì? Làm thế nào để người chuyển giới nắm bắt được các quyền của mình, đòi hỏi thực hiện được các quyền này, đồng thời làm thế nào để người có nghĩa vụ phải tuân thủ, thực thi đầy đủ những nghĩa vụ của mình để bảo đảm quyền cho người chuyển giới.

Hơn nữa, bảo đảm quyền của người chuyển giới là cơ sở để ban hành những văn bản mang tính pháp lý để nhằm bảo vệ, quản lý những vấn đề liên quan đến chuyển giới. Những văn bản pháp lý sẽ là cơ sở quan trọng để đưa ra điều kiện cho phép thực hiện việc chuyển giới, đưa ra yêu cầu, trình tự, thủ tục thực hiện việc chuyển giới, bảo đảm quy trình chăm sóc y tế, tiến hành phẫu

thuật chuyển giới, đồng thời đảm bảo cho việc thay đổi về nhân thân của người chuyển giới, bảo đảm các quyền dân sự của người chuyển giới như quyền về họ tên, về xác định lại giới tính, thay đổi giấy tờ tùy thân, quyền đối với hôn nhân...

Năm là, cần thiết phải bảo đảm quyền của người chuyển giới để tránh những hệ lụy tác động xấu đối với người chuyển giới từ nhiều góc độ. Nếu không bảo đảm quyền của người chuyển giới thì rất dễ dẫn đến tình trạng người chuyển giới không được thoả mãn nhu cầu được sống đúng với bản chất của mình, đúng với giới tính của mình, gây ra tổn thương về tâm lý cho họ. Nếu không được thừa nhận các quyền của mình còn dẫn đến tình trạng một số người chuyển giới không được đáp ứng về việc được thực hiện phẫu thuật để có ngoại hình phù hợp với giới tính của mình. Do vậy, một số người chuyển giới tìm cách ra nước ngoài để phẫu thuật mà thường tốn kém hơn rất nhiều, hoặc phải thực hiện phẫu thuật “chui” trong nước mà tiềm ẩn nhiều rủi ro. Về mặt xã hội, nếu không công nhận quyền cho người chuyển giới dẫn đến pháp luật không ghi nhận việc họ tham gia phẫu thuật chuyển giới là hợp pháp, không ghi nhận lại giới tính phù hợp với giới tính tự nhiên của họ... Về mặt pháp luật, nhiều trường hợp hiện trạng của người chuyển giới sau khi phẫu thuật không giống với giấy tờ tùy thân ban đầu thì dẫn đến khó khăn cho cơ quan quản lý xử lý các vụ việc liên quan đến người chuyển giới, ví dụ các giao dịch dân sự do họ thực hiện, việc khám xét người, việc bố trí phòng tạm giam, tạm giữ đối với người chuyển giới, bảo vệ người chuyển giới khi họ bị các hành vi xâm phạm tình dục... Với những vấn đề pháp lý và xã hội nêu trên thì cần thiết phải bảo đảm quyền của người chuyển giới.

Sáu là, bảo đảm quyền của người chuyển giới là một yêu cầu tất yếu. Điều này xuất phát từ một thực tế là vấn đề chuyển giới tồn tại và phát triển cùng với sự phát triển của loài người. Ngoài ra, điều này còn bắt nguồn từ một yếu tố khách quan đó là tỷ lệ người chuyển giới trong xã hội thường giao động trong khoảng 0,1% đến 0,5% [25, tr3]. Như vậy, thông qua con số này có thể đi đến

khẳng định sự tồn tại của nhóm người chuyển giới là một tất yếu khách quan, là một bộ phận người nằm trong xã hội, có những đặc điểm riêng biệt, do vậy, các quyền của nhóm người này cần được bảo đảm. Điều này cũng xuất phát từ một nguồn cội là quyền của mọi người là bình đẳng trong mọi vấn đề. Tất cả mọi con người sinh ra đều tự do và bình đẳng về phẩm giá và quyền[25, tr3].

3.2. Giải pháp bảo đảm quyền của người chuyển giới ở Việt Nam hiện nay

Các giải pháp bảo đảm quyền của người chuyển giới cần xuất phát từ những mặt hạn chế trong việc bảo đảm quyền của người chuyển giới, kết hợp với các điều kiện hiện tại về chính trị, kinh tế, pháp lý, văn hoá – xã hội. Dựa trên những điều kiện cụ thể trên mà có thể đưa ra các nhóm giải pháp bảo đảm quyền của người chuyển giới.

Từ những phân tích ở chương 2 và những quan điểm nêu ra ở mục 3.1 chương này, có thể xác định những nhóm giải pháp cụ thể để bảo đảm quyền của người chuyển giới ở nước ta hiện nay như sau:

3.2.1. Nhóm giải pháp hoàn thiện cơ chế, chính sách

Thứ nhất, Nhà nước cần tích cực tham gia và hợp tác thực hiện các công ước và văn kiện quốc tế liên quan đến quyền của cộng đồng LGBT, trong đó chú trọng đến quyền của người chuyển giới. Nhà nước cần có cái nhìn rộng mở hơn đối với người chuyển giới và việc bảo vệ quyền và lợi ích chính đáng của nhóm người này. Nhìn chung, Nhà nước cần tích cực tham gia và hợp tác sâu rộng với các tổ chức quốc tế, các tổ chức nhân quyền, các nước khác trên thế giới để có cái nhìn đúng đắn về việc bảo vệ người chuyển giới.

Nhà nước cần tích cực thực hiện các quyền con người trong Hiến chương của Liên hợp quốc, Tuyên ngôn quốc tế về Quyền con người năm 1948 (UDHR), Công ước quốc tế về Quyền dân sự và chính trị năm 1966 (ICCPR), Công ước quốc tế về Quyền văn hoá, xã hội và kinh tế 1966 (ICESCR). Đặc biệt, cần tích cực thực thi nội dung các văn kiện quốc tế về quyền con người mà đề cập trực tiếp đến quyền của cộng đồng LGBT nói chung và quyền của người

chuyển giới nói riêng, tiêu biểu như: Tuyên bố về *Xu hướng tính dục và quyền con người*, 2005; *Tuyên bố chung về những vi phạm nhân quyền dựa trên xu hướng tính dục và bản dạng giới* 2006; *Bộ quy tắc Yogyakarta về xu hướng tính dục và bản dạng giới*, 2007; *Tuyên bố chung về quyền con người, xu hướng tính dục và bản dạng giới* 2008; *Tuyên bố chung về việc chấm dứt các hành động bạo lực và vi phạm nhân quyền dựa trên xu hướng tính dục và bản dạng giới* 2011; *Nghị quyết về “Quyền con người, xu hướng tính dục và bản dạng giới”* 2011... Như đã đề cập, đối với quyền chuyển giới, Ủy ban Nhân quyền Liên hợp quốc đã yêu cầu các quốc gia “thừa nhận quyền của người chuyển giới được thay đổi giới tính của họ bằng cách cho phép cung cấp cho họ giấy chứng sinh mới” [25, tr 4], vì vậy Nhà nước cũng cần xem xét thực thi những khuyến nghị cụ thể này của Ủy ban Nhân quyền Liên hợp quốc để từ đó có những cơ chế chính sách hợp lý trong điều kiện xã hội hiện tại.

Thời gian qua, Nhà nước ta cũng đã có những động thái rất tích cực trong việc chống lại việc sử dụng bạo lực và phân biệt đối xử dựa liên quan đến xu hướng tính dục và bản dạng giới. Điều đó thể hiện cụ thể là ngày 30/6/2016, Hội đồng Nhân quyền Liên hợp quốc đã bỏ phiếu thông qua nghị quyết 32/2, theo đó bổ nhiệm một Chuyên gia Độc lập với nhiệm vụ thúc đẩy giải quyết bạo lực và phân biệt đối xử dựa trên xu hướng tính dục và bản dạng giới [25, tr 5]. Việt Nam là một trong những nước bỏ phiếu "thuận" cho nghị quyết này [25, tr 5]. Như vậy, có thể thấy Nhà nước ta ngày càng có những tiếp cận cởi mở, cụ thể, sâu rộng hơn đối với việc bảo vệ quyền của người chuyển giới thông qua việc tham gia, hưởng ứng các tuyên bố, nghị quyết chung của quốc tế.

Thứ hai, về chính sách chung, Nhà nước cần tạo ra chính sách công bằng, bình đẳng trên thực tế đối với người chuyển giới. Sự công bằng, bình đẳng của người chuyển giới cần được nhìn nhận trên mọi phương diện đời sống của một con người. Khi Nhà nước đã tôn trọng sự bình đẳng, công bằng của người chuyển giới thì mới có điều kiện thể chế hoá những tư tưởng này vào trong các

chính sách của Nhà nước, xây dựng các quy định pháp luật bảo đảm quyền cho người chuyển giới. Cơ chế, chính sách công bằng bình đẳng đối với người chuyển giới cần được thể hiện trên mọi mặt như giáo dục, lao động, y tế, hôn nhân gia đình, quyền nhân thân... Từ chính sách chung nêu trên, Nhà nước sẽ ban hành các văn bản pháp luật cụ thể điều chỉnh các lĩnh vực liên quan đến người chuyển giới, chống lại sự phân biệt đối xử đối với nhóm người này. Để xoá bỏ việc phân biệt đối xử trên thực tế đối với người chuyển giới thì cần xây dựng các chương trình, chính sách về văn hoá, giáo dục, sức khoẻ, y tế, thanh niên, hỗ trợ cộng đồng,... cần tạo ra cho người chuyển giới được tham gia một cách dễ dàng vào cộng đồng chung của họ cũng như cộng đồng xã hội. Cần đưa ra những chương trình, chính sách mang tính mở để người chuyển giới, cộng đồng xã hội tham gia sinh hoạt, tạo điều kiện thể hiện được bản chất con người, giới tính của mình, tạo ra góc nhìn cởi mở hơn đối với người chuyển giới trong các vấn đề liên quan đến hôn nhân, gia đình, đời sống tình yêu, tình dục... Như vậy, nhìn về giải pháp tổng thể Nhà nước thông qua công cụ các chương trình hoạt động, chính sách tác động lên xã hội để tạo ra sự công bằng, bình đẳng, chống lại sự phân biệt, đối xử đối với người chuyển giới.

Thứ ba, Nhà nước cần ghi nhận lựa chọn quan điểm nhất quán đối với vấn đề chuyển giới. Một mặt, Nhà nước cần thể hiện sự thừa nhận quyền chuyển đổi giới tính là một quyền dân sự, cao hơn nữa là quyền con người gắn liền với chủ thể nhất định đó là người chuyển giới. Mặt khác, Nhà nước phải thống nhất quan điểm chung nhất đối với vấn đề công nhận pháp lý đối với người chuyển giới. Hiện tại, xã hội hiện nay đang tồn tại hai luồng quan điểm đối với việc xây dựng pháp luật về chuyển đổi giới tính. Quan điểm truyền thống đòi hỏi thủ tục công nhận pháp lý đối với người chuyển giới rất chặt chẽ, trong đó phẫu thuật chuyển giới là điều kiện bắt buộc. Quan điểm hiện đại xuất phát từ nhận thức mới trong y học hiện đại về chuyển giới và sự phát triển các liệu pháp đa dạng để đạt mục đích chuyển giới, trong đó phẫu thuật không còn là liệu pháp duy nhất, do đó đã có quy

định mở hơn về thủ tục công nhận pháp lý đối với người chuyển giới (chỉ cần xác nhận của bác sĩ chuyên khoa thích hợp). Như vậy, dựa trên những quan điểm hiện có như trên thì Nhà nước phải có lựa chọn thích hợp về mặt quan điểm, từ đó, thể chế hoá thành các quy định chung để điều chỉnh trong lĩnh vực này, đặc biệt là việc xây dựng Luật chuyển giới trong tương lai không xa.

Thứ tư, cần có chính sách phù hợp liên quan đến việc chuyển giới như kiểm soát các cơ sở hoạt động phẫu thuật chuyển giới, thực hiện các chính sách y tế đối với người chuyển giới trước, trong và sau khi chuyển giới, bảo đảm minh bạch, chính xác trong việc thực hiện thủ tục chuyển giới, quy định đầy đủ về điều kiện pháp lý và điều kiện về y tế trong việc chuyển giới, đồng thời nghiêm cấm chuyển giới vì các mục đích thương mại hay hoạt động nghề nghiệp (ca sĩ, nhạc sĩ, múa...). Nhà nước phải thực hiện chính sách kiểm soát việc chuyển giới một cách đồng bộ, dựa trên tiến bộ của khoa học kỹ thuật phục vụ cho việc quản lý những người chuyển giới. Cần đưa ra những cơ chế hoạt động cụ thể của việc thực hiện chuyển giới, tránh tình trạng những người không bị lệch lạc về giới tính thực hiện việc phẫu thuật chuyển đổi trạng thái cơ thể (từ nam chuyển sang nữ và ngược lại) vì các mục đích cá nhân khác như tạo danh tiếng, đánh bóng tên tuổi, hoạt động nghề nghiệp, lẩn tránh phải thi hành các nghĩa vụ pháp lý nhất định (trốn nợ), trốn các nghĩa vụ dân sự khác như cấp dưỡng, thừa kế....

3.2.2. Nhóm giải pháp hoàn thiện các quy định pháp luật

Thứ nhất, Nhà nước cần thể chế hoá các quy định pháp luật có liên quan để mở rộng và thực hiện nguyên tắc bình đẳng giới trong Hiến pháp 2013. Quyền con người, quyền bình đẳng giới đã được ghi nhận tại nhiều quy định trong Hiến pháp 2013, ví dụ: Điều 14 Hiến pháp 2013 quy định: “1. Ở nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, các quyền con người, quyền công dân về chính trị, dân sự, kinh tế, văn hóa, xã hội được công nhận, tôn trọng, bảo vệ, bảo đảm theo Hiến pháp và pháp luật;...”; Điều 26 Hiến pháp 2013 quy định: “1. Công dân nam, nữ bình đẳng về mọi mặt. Nhà nước có chính sách bảo đảm

quyền và cơ hội bình đẳng giới; 2....; 3. *Nghiêm cấm phân biệt đối xử về giới*”...Tiếp đó, Điều 37 Bộ luật dân sự 2015 quy định về chuyển đổi giới tính quy định: *“Việc chuyển đổi giới tính được thực hiện theo quy định của luật. Cá nhân đã chuyển đổi giới tính có quyền, nghĩa vụ đăng ký thay đổi hộ tịch theo quy định của pháp luật về hộ tịch; có các quyền nhân thân phù hợp với giới tính đã được chuyển đổi theo quy định của Bộ luật này và luật khác có liên quan”*. Đây là một bước tiến dài trong việc ghi nhận cho người chuyển giới về việc chuyển đổi giới tính. Tuy nhiên, trong Bộ luật dân sự 2015 mới chỉ ghi nhận việc chuyển đổi giới tính mà chưa nêu cụ thể thành “quyền chuyển đổi giới tính”. Điều này xuất phát từ nhiều nguyên nhân khác nhau trong điều kiện xã hội hiện tại, cho nên, nhà làm luật mới xây dựng một quy định khá chung chung, tuy chưa quy định là một quyền dân sự nhưng đã ghi nhận về việc chuyển đổi giới tính.

Như vậy, về tương lai trong dài hạn, cần hướng đến việc công nhận hoàn toàn về mặt pháp lý về “quyền chuyển đổi giới tính”. Để đáp ứng được quyền chuyển đổi giới tính thì cần có những điều kiện về mặt xã hội cụ thể như điều kiện đảm bảo về mặt y tế, quản lý, cấp phép thực hiện hoạt động chuyển đổi giới tính, giải quyết được các vấn đề hậu quả pháp lý của việc chuyển đổi. Do vậy, thời gian sắp tới, Nhà nước cần tiếp tục đẩy mạnh việc thể chế hoá các văn bản pháp luật quy định có tính chất pháp lý bảo đảm quyền cho người chuyển giới ở nhiều phương diện khác nhau, trong đó đặc biệt là cần xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật liên quan đến giới như hoàn thiện Luật Bình đẳng giới, xây dựng Luật chuyển giới và hệ thống các văn bản pháp luật có liên quan có tính đồng bộ.

Thứ hai, Nhà nước cần thể chế hoá cụ thể các quy định pháp luật về quyền của người chuyển giới, trong đó bao gồm: quyền được xác định giới tính, quyền được yêu cầu phẫu thuật chuyển đổi giới tính, quyền bình đẳng trong lao động, việc làm, quyền trong hôn nhân, quyền yêu cầu chuyển đổi các giấy tờ tùy thân, các quyền dân sự khác. Để thực hiện được vấn đề trên thì cần sửa đổi, bổ sung những văn bản pháp luật đã ban hành như Luật lao động, Luật hôn nhân gia

đình, Luật hộ tịch,...nhằm tạo điều kiện bảo đảm quyền cho người chuyển giới. Đồng thời, cần rà soát lại các văn bản, quy định cũ không còn phù hợp để sửa đổi, ban hành các văn bản mới phù hợp hơn.

Thứ ba, cần học tập kinh nghiệm từ các nước khác trong việc xây dựng pháp luật về người chuyển giới. Khi xây dựng pháp luật về người chuyển giới cần quan tâm đến một số nội dung cơ bản liên quan đến việc chuyển giới. Một là, cần xác định cụ thể được đối tượng có quyền chuyển giới: đối tượng này là ai? Là bản thân người có nhu cầu chuyển giới, là người thân, người đại diện của người chuyển giới, là người có quốc tịch Việt Nam hay là người sống trên lãnh thổ Việt Nam trong thời gian nhất định? Có cần áp đặt độ tuổi nhất định đối với người chuyển giới hay không?. Những vấn đề này cần có nghiên cứu về mặt khoa học, có những trao đổi, thảo luận cụ thể để thể chế hoá trong quy định của pháp luật; Hai là, điều kiện chuyển đổi giới tính: cần cân nhắc về việc có cần nhất thiết sự can thiệp của y học là điều kiện chuyển đổi giới tính hay không, ví dụ như tiêm hormone, triệt sản, phẫu thuật...hay chỉ cần thông qua quyết định mang tính pháp lý-hành chính để công nhận giới tính một người bởi dựa trên quyền bình đẳng, quyền đối với cơ thể, quyền tự do thể hiện, quyền riêng tư...? Đối với phẫu thuật chuyển đổi giới tính thì cần có quy định cụ thể về điều kiện, quy trình, thủ tục kỹ thuật thực hiện phẫu thuật chuyển đổi giới tính; Ba là, cần xác định được chủ thể nào là người có thẩm quyền ra quyết định công nhận giới tính mới của người chuyển giới. Các cơ quan này có thể là uỷ ban nhân dân cấp xã, huyện hoặc Toà án nhân dân cấp huyện. Khi xây dựng pháp luật về chuyển giới cần xác định cụ thể cơ quan công nhận giới tính mới với điều kiện thực tế của Nhà nước ta hiện nay.

Thứ tư, cần tách biệt rõ ràng hai quy trình liên quan cụ thể đến người chuyển giới, đó là quy trình về y tế và quy trình về thủ tục chuyển giới. Ở Việt Nam, hiện tại chưa có nhiều văn bản pháp luật quy định về hai quy trình này để phục vụ tốt cho việc chuyển giới, đảm bảo về sức khoẻ, tính mạng, đảm bảo

quyền của người chuyển giới. Các quy trình kỹ thuật phẫu thuật chuyển giới cần do lĩnh vực y tế điều chỉnh vì đây là lĩnh vực chuyên môn rất sâu trong việc can thiệp đến sức khỏe của người chuyển giới và sự thành công của việc thực hiện phẫu thuật chuyển giới. Quy trình thủ tục thực hiện chuyển đổi giới tính về mặt pháp lý, thủ tục công nhận quyền, nghĩa vụ của người chuyển giới, hậu quả của việc chuyển giới thì cần được pháp luật quy định thành một quy trình đầy đủ.

Thứ năm, về quản lý các hoạt động liên quan đến chuyển giới. Cần thấy rõ trong tương lai không xa nhu cầu thực hiện việc phẫu thuật chuyển giới sẽ ngày càng tăng lên với điều kiện hội nhập và phát triển kinh tế. Đồng thời cũng cần thấy rõ về việc xã hội hoá việc phẫu thuật chuyển giới trong tương lai gần. Điều này đòi hỏi Nhà nước đóng vai trò là người quản lý các thủ tục pháp lý về chuyển giới, đồng thời phải là người quản lý các hoạt động liên quan đến chuyển giới như cấp phép thành lập cơ sở y tế thực hiện phẫu thuật chuyển giới, điều kiện thành lập, điều kiện hoạt động, thực hiện việc kiểm tra, thanh tra, giám sát hoạt động của các cơ sở y tế thực hiện phẫu thuật chuyển giới... Như vậy, cần thực hiện quản lý tốt về mặt pháp lý của việc chuyển giới nhưng đồng thời cũng phải quản lý tốt các hoạt động thực tiễn của các cơ sở y tế được phép thực hiện phẫu thuật chuyển giới. Việc này nhằm đảm bảo không chỉ về mặt pháp lý mà còn bảo đảm về mặt sức khỏe, về mặt chăm sóc y tế đối với người chuyển giới.

3.2.3. Nhóm giải pháp về mặt xã hội

Thứ nhất, cần thực hiện tốt công tác tuyên truyền sâu rộng đến cộng đồng để người dân hiểu biết đầy đủ, đúng đắn về vấn đề chuyển giới và người chuyển giới, qua đó cộng đồng không còn có thái độ dè bieu, kỳ thị người chuyển giới, đón nhận người chuyển giới, tạo điều kiện bình đẳng cho người chuyển giới trong đời sống xã hội. Đặc biệt, cần tuyên truyền sâu rộng để mọi người trong xã hội nhận thức được về người chuyển giới, tránh thái độ kỳ thị của xã hội, bởi chính thái độ dè kỳ thị người chuyển giới làm mất đi cơ hội hoà nhập, lao động, học tập, cống hiến cho xã hội của người chuyển giới.

Cũng cần tuyên truyền đến với người dân trong xã hội, các cơ sở, tổ chức về việc làm, lao động có cách hiểu và thiện cảm về người chuyển giới để người chuyển giới có cơ hội có việc làm, cơ hội học tập, sinh sống bình đẳng như người bình thường. Tránh trường hợp từ chối người chuyển giới khi xin việc, bị phân biệt đối xử trong quá trình làm việc, gây ra nhiều khó khăn cho người chuyển giới trong việc có việc làm.

Thứ hai, đối với bản thân người chuyển giới, cần tuyên truyền, cung cấp thông tin để họ hiểu về bản thân của họ, tạo điều kiện cho họ tự tin hoà đồng cùng với các hoạt động trong xã hội. Người chuyển giới cần được cung cấp thông tin về sinh học, y học để họ hiểu về trạng thái cơ thể của họ, cần được cung cấp thông tin về các quyền về mặt pháp lý để người chuyển giới có ý thức về bản thân mình, có khả năng, cơ hội tìm lại chính bản thân mình, tự quyết định đối với cuộc sống của mình và giới tính của mình.

Cần thực hiện việc xã hội hoá hoặc bổ sung các nguồn kinh phí đối với công tác giáo dục đối với người chuyển giới. Tiếp tục phải đẩy mạnh công tác giáo dục về giới tính, cung cấp các thông tin đầy đủ đối với người chuyển giới, tăng cường các mô hình tư vấn đối với người chuyển giới để họ có thể vượt qua được những khó khăn, trở ngại, sự phân biệt đối xử trong quá trình sinh sống. Ngoài ra, phải thực hiện việc định hướng giáo dục nghề nghiệp cho người chuyển giới để họ có thể có được những nghề nghiệp ổn định, tự trang trải thu nhập trong cuộc sống, tránh trường hợp họ bị thất nghiệp hoặc chỉ tham gia vào những việc không ổn định, nhỏ lẻ, tạm thời (hát hò ở đám ma, đám cưới...) hoặc những việc phạm pháp như mua bán dâm.

Thứ ba, cần thực hiện xã hội hoá về y tế để tạo điều kiện khám, chữa bệnh, theo dõi sức khoẻ cho người chuyển giới để họ tiếp cận các dịch vụ y tế được thuận tiện nhất. Tạo điều kiện cho người chuyển giới trước và sau khi chuyển giới được hỗ trợ tư vấn về y tế, về sức khoẻ, được thăm khám định kỳ để

bảo vệ sức khỏe của người chuyển giới trước và đặc biệt sau khi phẫu thuật chuyển giới.

Thứ tư, đối với vấn đề hôn nhân, cần tuyên truyền, cung cấp thông tin để tạo điều kiện cho người chuyển giới được đảm bảo quyền kết hôn của mình. Ví dụ một người giới tính nam mang hình dáng của nữ đã thực hiện phẫu thuật để chuyển đổi cơ thể sang phù hợp với giới tính nam của mình thì họ cũng có mong muốn được xây dựng gia đình, có tình yêu, có mối quan hệ hôn nhân...những quyền cơ bản này cần được tôn trọng và đáp ứng. Về mặt xã hội, cần thiết phải tuyên truyền, cung cấp thông tin, xây dựng các trung tâm tư vấn về kết hôn, ly hôn đối với các trường hợp chuyển giới để bảo đảm những quyền con người cơ bản nhất cho nhóm người này.

3.2.4. Góp ý cụ thể về xây dựng Luật chuyển đổi giới tính

Trước năm 2015, pháp luật không cho phép chuyển đổi giới tính, đồng nghĩa với việc một bộ phận người dân không được sống đúng với giới tính mình mong muốn. Điều này gây tổn thương tâm lý cũng như tình cảm của họ. Về mặt xã hội, nó không giảm được vấn đề kỳ thị và phân biệt đối xử với người chuyển giới. Cũng vì pháp luật không cho phép, nên người chuyển giới phải ra nước ngoài chuyển đổi giới tính. Thiếu thông tin, phụ thuộc vào các đường dây đưa người ra nước ngoài, phần lớn là phẫu thuật chui, nên họ chịu tốn kém, nguy cơ rủi ro rất cao.

Chuyển đổi giới tính đã khó, đến khi về nước sinh sống lại càng gặp nhiều trở ngại. Do pháp luật không cho phép nên người chuyển giới không được công nhận về nhân thân, không được thay đổi giới tính trên giấy tờ. Những người này vô hình chung trở thành người “vô hình”, không được pháp luật thừa nhận. Các giấy tờ tùy thân như chứng minh thư, hộ chiếu, tiền thế chấp... không khớp với tình trạng cơ thể trên thực tế. Vì thế, họ gặp rất nhiều khó khăn trong quan hệ giao dịch dân sự, trong cuộc sống hàng ngày, không được bảo vệ trong các trường hợp diễn ra tội phạm liên quan hiếp dâm, hộ tịch, kết hôn...

Kể cả khi pháp luật đã cho phép chuyển giới thì người chuyển giới cũng phải chịu nhiều rủi ro. Thứ nhất, người chuyển đổi giới tính từ nam sang nữ hay ngược lại phải sử dụng hormone thường xuyên, trong suốt cuộc đời, dẫn tới bệnh tật, trong đó có ung thư. Thứ hai vì cơ thể hoàn thiện về giới tính, sinh học, giờ bị thay đổi nên tuổi thọ người chuyển đổi giới tính theo các nhà chuyên môn y học giảm khoảng 20 năm. Thứ ba là một số người sau khi chuyển đổi giới tính, chưa thích nghi kịp với nhiều thứ thay đổi, dẫn đến trầm cảm, thậm chí là tự sát. Thứ tư là người chuyển đổi giới tính sẽ không bao giờ có con về mặt quan hệ thông thường. Nếu có bằng kỹ thuật hỗ trợ sinh sản cũng là bi kịch rất lớn vì gặp phải các vướng mắc trong xác định là cha hay mẹ, con cái gọi như thế nào, xã hội nhìn vào đưa trẻ ra sao...

Bộ Luật Dân sự 2015 với Điều 37 công nhận quyền chuyển đổi giới tính là một tiến bộ vượt bậc trong cách tiếp cận quyền con người, thể hiện tính nhân văn, nhân đạo cao cả của Đảng, Nhà nước ta. Để thực hiện quyền này chúng ta phải có Luật chuyên ngành để điều chỉnh. Luật chuyên ngành cần nhìn nhận và giải quyết thỏa đáng những khó khăn với người chuyển giới mà đã được nêu ở trên. Cụ thể, luật này cần xác định rõ các nguyên tắc của việc chuyển đổi giới tính, đối tượng được chuyển đổi giới tính và trình tự việc chuyển đổi giới tính cũng như một loạt các vấn đề khác có liên quan, như vấn đề về hộ tịch, các quan hệ dân sự...

Qua nghiên cứu kinh nghiệm của các nước, có thể thấy những quan hệ pháp luật cần được đề cập và giải quyết trong Luật chuyển đổi giới tính của Việt Nam như sau:

Trước hết, Luật phải có quy định về mặt nguyên tắc như không được kỳ thị phân biệt đối xử với người chuyển giới; người chuyển giới được sống thật với giới tính của mình, được hòa nhập xã hội, được tạo cơ hội công ăn việc làm như những công dân bình thường khác. Tiếp đó là quy định về trình tự thủ tục chuyển đổi giới tính. Sau khi được chuyển giới hoàn toàn, người chuyển giới sẽ

có chứng nhận y học đã chuyển đổi từ nam sang nữ hoặc từ nữ sang nam. Từ giấy chứng nhận đó các cơ quan liên quan sẽ chuyển đổi giấy khai sinh, chứng minh thư, hộ chiếu cho họ. Khi đã được công nhận, thì các quan hệ dân sự, hình sự, hôn nhân và các quan hệ khác sẽ áp dụng theo điều mà hộ tịch đã công nhận.

Luật cần làm rõ các khái niệm nền tảng như chuyển giới, người chuyển giới, người chuyển đổi giới tính... Bên cạnh đó, luật cũng cần quy định cụ thể về đối tượng được phép thực hiện phẫu thuật chuyển đổi giới tính, người hành nghề, cơ sở khám bệnh chữa bệnh được phép thực hiện chuyển đổi giới tính. Đây là một vấn đề khá quan trọng bởi nếu không quy định rõ về người được phép phẫu thuật thì sẽ dẫn đến sự lạm dụng quyền để thực hiện các hành vi sai trái. Người hành nghề và cơ sở khám bệnh chữa bệnh cũng vậy, nếu không có năng lực chuyên môn tốt, không được đào tạo chuyên sâu về phẫu thuật mà cũng mở cơ sở khám phẫu thuật sẽ rất nguy hiểm cho người chuyển giới phẫu thuật. Trình độ tay nghề của các bác sĩ hay cơ sở vật chất trang thiết bị phục vụ cho công tác phẫu thuật là điều cần được quan tâm trong xây dựng luật chuyển đổi giới tính. Phải gắn chặt nghĩa vụ và trách nhiệm của người hành nghề hoặc cơ sở khám chữa bệnh được phép chuyển đổi giới tính, đạo đức hành nghề của các cơ sở này cũng phải được quy định. Những cơ sở khám chữa bệnh cần được cấp phép hành nghề. Bác sĩ, nhân viên phục vụ cho việc khám chữa bệnh, phẫu thuật cũng cần được tập huấn thường xuyên.

Luật cũng cần quy định rõ quyền và nghĩa vụ của người chuyển đổi giới tính và đặc biệt là quy trình để được tiến hành phẫu thuật chuyển đổi giới tính, làm thế nào để được pháp luật công nhận là người chuyển giới? Quy định về quy trình thực hiện phẫu thuật chuyển đổi giới tính cần phải cụ thể, đầy đủ để có thể được áp dụng ngay trong thực tế và tránh gây phiền hà cho người chuyển giới. Các thủ tục pháp lý liên quan để công nhận người chuyển đổi giới tính cũng cần rõ ràng và cụ thể. Trong phạm vi điều chỉnh của Luật này cần quy định về điều kiện và trách nhiệm của cá nhân, tổ chức được thực hiện chuyển đổi giới tính,

thẩm quyền xử lý hồ sơ, các thủ tục liên quan đến tổ chức, cá nhân được thực hiện chuyển đổi giới tính và công nhận sau chuyển đổi giới tính.

Luật cần xác định những nguyên tắc trong chuyển đổi giới tính như: Việc chuyển đổi giới tính phải do người chuyển giới tự nguyện. Không phân biệt đối xử dựa trên giới tính, thiên hướng tính dục, bản dạng giới, biểu hiện trên giới và tình trạng liên giới tính, không phân biệt đối xử đối với người chuyển đổi giới tính. Nhà nước, xã hội và gia đình có trách nhiệm bảo vệ, hỗ trợ người chuyển đổi giới tính hòa nhập gia đình, cộng đồng. Danh dự, nhân phẩm, uy tín, bí mật đời tư và các quyền riêng tư khác của người chuyển đổi giới tính được tôn trọng, bảo vệ. Người chuyển đổi giới tính được pháp luật thừa nhận và bảo hộ, bảo đảm quyền lao động, học tập, chăm sóc y tế và hòa nhập với xã hội.

Ngoài ra, luật cũng cần quy định những hành vi bị nghiêm cấm như: Phân biệt, kỳ thị đối với người chuyển giới, người chuyển đổi giới tính. Lợi dụng người chuyển giới để mua bán người, bóc lột sức lao động, xâm phạm tình dục hoặc có hành vi trái pháp luật khác. Lợi dụng việc chuyển đổi giới tính để trốn tránh nghĩa vụ quân sự hoặc các nghĩa vụ khác.

Quyền của người chuyển giới là một vấn đề cần được làm rõ trong luật, trong đó bao gồm: Thứ nhất, quyền được bình đẳng trong học tập, khám chữa bệnh, lao động và tham gia các hoạt động xã hội sau khi chuyển đổi giới tính. Thứ hai, quyền được hỗ trợ về tâm lý, y tế trước trong và sau khi phẫu thuật. Thứ ba, quyền được tự quyết định giới tính mà mình mong muốn khi trưởng thành.

Bên cạnh quyền, cũng cần quy định các nghĩa vụ của người chuyển giới như: Nghĩa vụ tuân thủ Hiến pháp và pháp luật; nghĩa vụ phát sinh sau khi thực hiện chuyển đổi giới tính như thực hiện nghĩa vụ của công dân với Tổ quốc, nghĩa vụ với xã hội với gia đình...

Về điều kiện, tiêu chuẩn để xác định việc chuyển đổi giới tính: điều kiện đầu tiên phải là người chuyển giới. Điều kiện thứ hai là về độ tuổi: phải là người

đã thành niên, có sức khoẻ đảm bảo và đã được kiểm tra tâm lý để được pháp luật công nhận là người chuyển giới. Trong vấn đề này cũng cần tính đến các yếu tố khác như: Có sự can thiệp của cha mẹ đối với người chuyển giới chưa thành niên hay không? Có sự đảm bảo thống nhất từ phía cha mẹ và chính người chưa thành niên chuyển giới không? Và có công nhận giới tính đối với những người đã phẫu thuật ở nước ngoài trước khi luật này được ban hành không?

Về điều kiện hành nghề, cơ sở khám bệnh, chữa bệnh được thực hiện chuyển đổi giới tính: Cần quy định điều kiện hành nghề đối với bác sĩ tâm lý, cụ thể là phải tốt nghiệp đại học chuyên khoa tâm lý trở lên. Đối với bác sĩ nội tiết, phẫu thuật cần phải tốt nghiệp đại học y, chuyên khoa phẫu thuật tạo hình hoặc nội tiết, có chứng chỉ hành nghề khám bệnh chữa bệnh. Đối với người tiêm hooc môn cần phải tốt nghiệp điều dưỡng và có chứng chỉ hành nghề khám bệnh chữa bệnh. Cơ sở khám chữa bệnh cần phải được cấp phép hoạt động khám chữa bệnh, có khoa, phòng phẫu thuật tạo hình.

Về điều kiện đối với việc sử dụng hooc môn dành cho người chuyển đổi giới tính. Ở các nước, nhân viên y tế được phép thực hiện việc tiêm hooc môn cho người chuyển giới, tuy nhiên cần quản lý chặt chẽ đối với thuốc, hooc môn dành cho người chuyển đổi giới tính. Vấn đề chi phí tiêm hooc môn do người chuyển đổi giới tính tự chi trả hay có sự chi trả từ phía bảo hiểm y tế cũng cần được quy định trong luật. Ngoài ra, luật cũng cần có những quy định liên quan đến quản lý của nhà nước và hệ thống cung ứng thuốc, hooc môn được quy định như thế nào, giao cơ quan nào quản lý thuốc, hooc môn đó.

Về trình tự thủ tục tiến hành việc chuyển đổi giới tính: Luật cần quy định có sự xác nhận của bác sĩ tâm lý để xác nhận giới tính thật. Việc kiểm tra tâm lý cần có thời gian bao lâu và được kiểm tra tâm lý bao nhiêu lần cũng cần được làm rõ. Bên cạnh đó, luật cũng cần quy định khi nào bắt đầu được sử dụng liệu pháp hooc môn, liều lượng và thời gian sử dụng thuốc, hooc môn. Nếu luật quy định điều kiện phải trải qua bài kiểm tra cuộc sống thực thì việc giám sát việc

sống thử trong khoảng thời gian như thế nào, bao lâu cũng cần được cụ thể hoá. Luật cần đặt ra nguyên tắc là chỉ bắt đầu tiến hành phẫu thuật chuyển giới khi người đó muốn và đáp ứng được điều kiện đảm bảo đã quy định.

Về quy trình thực hiện kỹ thuật phẫu thuật chuyển đổi giới tính: Luật cần quy định về chế độ chăm sóc y tế trước khi người chuyển giới có nhu cầu phẫu thuật. Nhân viên, cơ sở y tế phải lên phác đồ điều trị, chăm sóc y tế trong quá trình phẫu thuật, vì vấn đề điều trị nội tiết và cơ địa của mỗi người là khác nhau nên cần có hướng chăm sóc điều trị riêng phù hợp với mỗi người. Cũng cần có quy định về việc tiến hành phẫu thuật, chăm sóc y tế sau phẫu thuật, vấn đề này cần đòi hỏi thời gian và chăm sóc y tế theo từng giai đoạn tiếp với người phẫu thuật chuyển giới. Việc cấp giấy chứng nhận y tế sau khi chuyển đổi giới tính là tiêu chí để công nhận mức độ của một người chuyển giới, là căn cứ để xác định việc hoàn thành quá trình chuyển giới, vì vậy luật cần quy định rõ cơ quan nào có thẩm quyền xác nhận vấn đề này.

Về việc đảm bảo hòa nhập cộng đồng sau khi chuyển đổi giới tính: Luật cần có những quy định để bảo đảm công tác chăm sóc y tế sau phẫu thuật được thực hiện, và đảm bảo sự đón nhận của gia đình và xã hội với người chuyển giới khi họ có hình hài mới không giống với trước kia, đặc biệt là đảm bảo môi trường học tập và làm việc đối với người chuyển giới.

Đồng thời với việc ban hành Luật chuyển đổi giới tính, Nhà nước cũng cần sửa đổi bổ sung một số luật cho phù hợp với các quy định của luật này, ví dụ như sửa đổi bổ sung pháp luật về hôn nhân gia đình, sửa đổi bổ sung về pháp luật Hộ tịch, sửa đổi bổ sung pháp luật Hình sự, điều chỉnh pháp luật xuất nhập cảnh, điều chỉnh thay đổi chính sách về lao động và thay đổi chính sách về an sinh xã hội.

Kết luận chương 3

Có thể nhìn nhận người chuyển giới như một nhu cầu tự nhiên và thực tế trong xã hội. Họ cũng muốn được sống và cần được sống với chính mình, được sống thật với suy nghĩ của chính mình và học cũng muốn được nhà nước và xã hội thừa nhận họ. Với xã hội cũng cần có những cái nhìn cảm thông và chia sẻ với họ, tránh mọi ánh mắt kỳ thị phân biệt đối với họ. Hãy coi cộng đồng người chuyển giới là một bộ phận của xã hội đa sắc màu.

Với nhà nước, cần có những chính sách pháp luật để điều chỉnh đối với cộng đồng người chuyển giới. Một thực tế là số lượng người có nhu cầu chuyển giới ngày một gia tăng dẫn theo nhu cầu cuộc sống của họ cũng cần phải được đảm bảo. Nhà nước cần phải kịp thời có những chính sách phù hợp với nhu cầu của cộng đồng người chuyển giới cũng như đảm bảo theo kịp với các cam kết mà chính phủ Việt Nam đã ký kết với các tổ chức bảo vệ quyền con người của Liên hợp quốc. Với chương 3 của luận văn đã đưa ra một số đề xuất kiến nghị của tác giả nhằm góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống cho người chuyển giới cũng như góp phần nhỏ vào việc xây dựng đạo luật riêng điều chỉnh cộng đồng người chuyển giới.

KẾT LUẬN

Người chuyển giới là những người chịu nhiều sự kỳ thị và thiệt thòi trong cuộc sống do những suy nghĩ khác với giới tính được sinh ra. Trong xã hội họ thường bị nhìn với ánh mắt kỳ thị, phân biệt, thậm chí còn bị coi là bệnh hoạn hay có vấn đề về tâm thần. Về cơ bản, hiện tại xã hội vẫn chưa chấp nhận họ, chính sách của nhà nước vẫn còn chung chung, chưa có một đạo luật riêng điều chỉnh các vấn đề của người chuyển giới. Đây là những trở ngại với người chuyển giới trong việc tiếp cận với các dịch vụ y tế, giáo dục, học nghề, tìm kiếm việc làm, tham gia vào các hoạt động của xã hội... dẫn đến khó khăn trong cuộc sống và hòa nhập với cộng đồng.

Xét ở góc độ con người, thì dù bản dạng giới và xu hướng tính dục như thế nào, mọi người vẫn có những nhu cầu cơ bản giống nhau về sự tự do, bình đẳng, được tôn trọng phẩm giá và được cống hiến, được khẳng định giá trị cá nhân. Tất cả mọi người đều cần được đối xử bình đẳng trong xã hội, cần được bảo đảm bảo vệ các quyền cơ bản về dân sự và chính trị, quyền về kinh tế xã hội văn hóa. Nhưng thực tế là hiện nay mặc dù xã hội đã bớt khắt khe hơn nhưng vẫn nhìn những người chuyển giới với ánh mắt phân biệt, kỳ thị. Pháp luật vẫn chưa có sự điều chỉnh quản lý rõ ràng, các dịch vụ y tế và việc làm cũng chưa đáp ứng được nhu cầu thực tế của họ, khiến họ gặp không ít khó khăn trong cuộc sống.

Qua nghiên cứu “*Quyền của người chuyển giới ở Việt Nam hiện nay*”, luận văn đã khái quát được những vấn đề lý luận về quyền con người, quyền của người chuyển giới; chính sách, pháp luật Việt Nam về quyền của người chuyển giới và thực trạng thực hiện quyền của người chuyển giới ở Việt Nam, qua đó rút ra bài học kinh nghiệm, đề ra những quan điểm, giải pháp cụ thể để bảo đảm quyền của người chuyển giới như tuyên truyền, nâng cao nhận thức cộng đồng về vấn đề của người chuyển giới, đưa ra kế hoạch cụ thể giúp người chuyển giới theo từng giai đoạn, từng lĩnh vực mà có thể khái quát như sau:

- Cần hoàn thiện cơ chế pháp lý giúp người chuyển giới có được sự bảo đảm bảo vệ từ pháp luật, sớm cho ra đời Luật về chuyển giới, sửa đổi, bổ sung các điều luật về chuyển giới trong các văn bản Luật như luật Hôn nhân gia đình, luật Hộ tịch, luật hình sự, luật lao động, luật bình đẳng giới....

- Cần đẩy mạnh tuyên truyền thông tin tới toàn xã hội để xã hội có cái nhìn toàn diện hơn về người chuyển giới, coi người chuyển giới là một phần tự nhiên tất yếu của xã hội. giúp người chuyển giới tránh được cái nhìn không mấy thiện cảm từ xã hội và chính trong gia đình của người chuyển giới, kết hợp với đẩy mạnh giáo dục quyền con người trên mọi kênh thông tin

- Cần đẩy mạnh công tác chăm sóc dịch vụ y tế nhằm giúp người chuyển giới có cơ hội đc phẫu thuật cũng như được bảo đảm tốt nhất về vấn đề y tế.

- Cần vận động các cơ quan, doanh nghiệp sử dụng lao động có cơ chế làm việc phù hợp với người chuyển giới, bởi họ tuy mang cơ thể nam nhưng vì lúc nào họ cũng nghĩ mình là nữ hoặc ngược lại nên cần bố trí công việc phù hợp với họ, giúp họ hòa đồng hơn trong công việc cũng như nhu cầu sinh hoạt tối thiểu trong các cơ quan doanh nghiệp.

Quyền con người của người chuyển giới là một vấn đề rộng, bao quát nhiều lĩnh vực, trong phạm vi một luận văn thạc sỹ khó có thể nêu hết được mọi khía cạnh của vấn đề. Vì vậy, vẫn cần có thêm những nghiên cứu khác để bổ sung các luận cứ khoa học cho việc hoàn thiện các cơ chế pháp lý nhằm đảm bảo ngày càng tốt hơn quyền con người nói chung, quyền của người chuyển giới nói riêng ở nước ta.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Phạm Ngọc Anh, *Tư tưởng Hồ Chí Minh về quyền con người*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2005.
2. Bộ Tư pháp, *Việt Nam với vấn đề quyền con người*, Hà Nội, 2005.
3. Bộ Ngoại giao Việt Nam, *Báo cáo quốc gia kiểm điểm định kỳ việc thực hiện quyền con người ở Việt Nam*, truy cập ngày 12-2-2014, từ trang web <http://www.mofa.gov.vn>
4. Bộ Ngoại giao Việt Nam, *Thành tựu bảo vệ và phát triển quyền con người ở Việt Nam*, truy cập ngày 12-2-2014, từ trang web <http://www.mofa.gov.vn>
5. Bộ luật Dân sự năm 2005.
6. Bộ luật Dân sự 2015.
7. Bộ Tư pháp, Viện Khoa học pháp lý (2006), *Từ điển Luật học*, Nxb Bách khoa, Nxb Tư pháp, Hà Nội
8. Công ước về Các quyền kinh tế, xã hội và văn hoá năm 1966.
9. Công ước về các quyền dân sự và chính trị năm 1966 và các nghị định thư bổ sung.
10. Công ước về Chống tra tấn và trừng phạt hay đối xử tàn bạo, vô nhân đạo, hạ nhục năm 1984 và nghị định thư bổ sung.
11. Công ước về Quyền trẻ em năm 1989 và các nghị định thư bổ sung.
12. Công ước về Bảo vệ quyền của người lao động nhập cư và thành viên gia đình họ năm 1990.
13. Công ước châu Âu về Bảo vệ quyền con người và tự do cơ bản năm 1950 và các nghị định thư bổ sung.
14. Đại học Quốc gia Hà Nội, Khoa Luật (2009), *giáo trình lý luận và pháp luật về Quyền con người*, NXb Chính trị quốc gia, Hà Nội
15. Đại học Quốc gia Hà Nội, Khoa Luật (2010), *Quyền con người*, NXb Chính trị quốc gia, Hà Nội

16. Giáo trình lý luận và pháp luật về quyền con người, Nxb ĐHQG Hà Nội
17. Hiến pháp 1992
18. Hiến Pháp 2013
19. Hội luật gia Việt Nam, *Bảo vệ quyền con người của các nhóm dễ bị tổn thương*, Nxb. Hồng Đức, 2008.
20. Hội luật gia Việt Nam, *Pháp luật quốc gia và quốc tế về bảo vệ quyền của các nhóm xã hội dễ bị tổn thương*, Nxb. Đại học quốc gia Hà Nội, 2007.
21. Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Viện Nhà nước và Pháp luật (2005), Tài liệu học tập và nghiên cứu Nghị quyết số 48-NQ/TU của Bộ Chính trị ngày 24/5/2005 về *Chiến lược xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam đến năm 2010, định hướng đến 2020*
22. iSEE Cẩm nang về hỏi nhanh đáp gọn về người chuyên giới
23. ISEE Cẩm nang hỏi nhanh đáp gọn về người đồng tính
24. ISEE Trả lời các câu hỏi của bạn về người chuyên giới bản dạng giới và thể hiện giới
25. Kỷ yếu hội thảo khoa học *Pháp luật về chuyển đổi giới tính trên thế giới và kinh nghiệm cho Việt Nam* do Khoa Luật ĐHQG tổ chức năm 2016, Nxb ĐHQG Hà Nội, 2016.
26. Luật Bình đẳng giới năm 2006.
27. Luật Hôn nhân và Gia đình 2014
28. Luật Hộ tịch 2016
29. Lương Thế Huy, viện isee Thực trạng nhu cầu chuyển đổi giới tính ở Việt Nam hiện nay
30. TS Nguyễn Quang Huy, Vụ Pháp chế, Bộ Y tế, *Một số định hướng xây dựng Luật chuyển đổi giới tính của Việt Nam*
31. Nghị định 88/2008/ NĐ-CP
32. Trường Đại học Luật Hà Nội (2001), Giáo trình Lý luận chung về Nhà nước và

Pháp luật.

33. Tuyên ngôn toàn thế giới về Quyền con người của LHQ 1948
34. GS Võ Khánh Vinh, *Những vấn đề lý luận và thực tiễn của nhóm quyền dân sự chính trị*, Nxb Khoa học xã hội năm 2011
35. GS Võ Khánh Vinh, *Quyền con người*, Nxb Khoa học xã hội năm 2011
36. GS Võ Khánh Vinh, *Quyền con người cách tiếp cận đa ngành và liên ngành luật học*, Nxb Khoa học xã hội năm 2011
37. Viện ISEE. Một số kết quả khảo sát về nhu cầu pháp lý của người chuyển giới
38. Website: <http://www.mofa.gov.vn>
39. Website: <https://luathinhsusite.wordpress.com/2016/09/02/bao-dam-quyen-cua-nguoi-dong-tinh-song-tinh-chuyen-gioi-va-van-de-sua-doi-hien-phap/>
40. Website: <http://vksnd.vinhphuc.gov.vn> Lê Diệu Linh, Vks nd Vĩnh Phúc
41. Website: www.usaid.gov/sites/default/files/documents/1861/Being_LGBT_in_Asia_Viet_Nam_ , Báo cáo quốc gia Việt nam về LGBT
42. Website: lazi/ga/d/chuyen_gioi_la_gi_nguoi_chuyen_gioi
43. <https://thongtinphapluatdansu.edu.vn/2016/09/10/van-de-nguoi-chuyen-gioi-o-viet-nam-can-chap-nhan-su-da-dang/>